TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

Mã chứng khoán **NKG**

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin Công ty 05
Định hướng phát triển 07
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 09

02. GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

Quá trình hình thành và phát triển 13
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2024 15
Thành tựu và giải thưởng 17
Cơ cấu tổ chức 19
Hội đồng quản trị 21
Ban Tổng giám đốc 23
Ban kiểm soát 23
Hệ thống nhà máy 25
Dây chuyền sản xuất 29
Sản phẩm 35
Thị trường và hệ thống phân phối 57

03. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2024

Vĩ mô 2024 61
Ngành thép 2024 67
Tôn Nam Kim 2024 79
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 89

04. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị 95
Hoạt động của Hội đồng quản trị 97
Báo cáo của Ban kiểm soát 100
Quản trị rủi ro 103
Cổ phiếu NKG 107

05. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững 113
Tối ưu hiệu quả kinh tế 115
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực 117
Bảo vệ môi trường thiên nhiên 119
Đồng hành với cộng đồng, xã hội 120

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



01.

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CÔNG TY 05
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 07
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 09

NÂNG TẦM
GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÁT HUY NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

TƯ DUY CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VỮNG BỀN

“Cải tiến chất lượng không ngừng”

là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.”



THÔNG TIN CÔNG TY

TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (gọi tắt là **“Tôn Nam Kim”** hoặc **“Công ty”**) là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Tôn Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Hiện sản phẩm Tôn Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Tên tiếng Anh	NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	NAKISCO
Giấy chứng nhận ĐKDN số	3700477019
Vốn điều lệ	3.159.319.780.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.871.406.574.473 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Mã cổ phiếu	NKG (Sàn niêm yết HOSE)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ trụ sở chính	Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại	0274 3748 848
Số Fax	0274 3748 868
Website	www.tonnamkim.com
Email	info@namkimgroup.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Tôn Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung vào chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao và khẳng định năng lực sản xuất.
- Giải pháp kinh doanh tốt - Dịch vụ khách hàng tốt.
- Đem lại giá trị thực cho các đối tác cùng tham gia chuỗi giá trị và người sử dụng cuối cùng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong các bộ phận, các cấp trong doanh nghiệp. Tôn Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.

VĂN HÓA HỌC HỎI

Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất – nâng tầm cho cán bộ công nhân viên, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa cán bộ công nhân viên và Công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để tạo nguồn nhân lực kế thừa, đưa cán bộ công nhân viên đến học hỏi tại các tập đoàn, công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội Thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.

CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mỗi thành viên của Tôn Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực, trách nhiệm của mình, sáng tạo mỗi ngày, tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Tôn Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh, tổ chức. Tiên phong khám phá, đón đầu xu hướng và để tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt.

Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện đại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu, xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Cán bộ công nhân viên và Đối tác

Năm 2024 đánh dấu những bước chuyển mình tích cực của nền kinh tế thế giới trong bối cảnh phục hồi sau những biến động lớn. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu ước đạt 3,2%, cao hơn mức 3,1% của năm trước. Tuy nhiên, những thách thức từ căng thẳng địa chính trị, chính sách tiền tệ, thuế quan và các yếu tố vĩ mô khác vẫn là rào cản đối với nhiều quốc gia và doanh nghiệp.

Việt Nam nổi bật như một điểm sáng trong bức tranh kinh tế khu vực, khi GDP tăng trưởng ấn tượng 7,09%, vượt xa mục tiêu kế hoạch 6 - 6,5%. Ngành sản xuất công nghiệp nói chung và tôn mạ - ống thép nói riêng đã ghi nhận những tín hiệu khả quan. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản lượng tiêu thụ tôn mạ tăng 26,9% và ống thép tăng 5,5% so với năm trước. Tuy nhiên, thị trường tôn mạ vẫn tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt và đối mặt với nhiều biến động khó lường.

Với tâm thế chủ động, linh hoạt và quyết liệt đã giúp Tôn Nam Kim không ngừng vượt qua khó khăn, gặt hái những thành tựu ấn tượng trong năm 2024. Tổng doanh thu đạt 20,707 tỷ đồng, hoàn thành 98,6% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 558 tỷ đồng, hoàn thành 132,8% kế hoạch, trong đó lợi nhuận sau thuế tăng trưởng ấn tượng khi đạt 453 tỷ đồng, tăng 285,8% so với cùng kỳ. Tổng tài sản ở mức 13.519 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ.

Những con số này là minh chứng rõ nét cho nỗ lực không ngừng của tập thể Tôn Nam Kim trong việc tận dụng cơ hội, giảm thiểu rủi ro. Qua đó, giữ vững đà tăng trưởng, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước, cải thiện phúc lợi cho người lao động, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội.

Bước sang năm 2025, trước những cơ hội và thách thức vẫn đan xen, chúng tôi đề ra những mục tiêu chiến lược theo định hướng sau:

• Tiếp tục mở rộng thị trường quốc tế, tăng sự hiện diện tại các khu vực tiềm năng;

• Triển khai dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả cao;

• Cải thiện phúc lợi người lao động, tăng cường sáng kiến và động lực làm việc;

• Quản trị kinh doanh linh hoạt, thích ứng nhanh với biến động thị trường.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Tôn Nam Kim, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành. Vì mục tiêu chung mà Tôn Nam Kim hướng đến, năm 2025 chúng ta tin tưởng rằng niềm tin và sự đồng hành của mọi người sẽ là nền tảng vững chắc để Tôn Nam Kim sẵn sàng cùng đất nước vươn mình, hướng tới phồn vinh và hạnh phúc.

Trân trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

02.

GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
DẤU ẤN TÔN NAM KIM 2024	15
THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG	17
CƠ CẤU TỔ CHỨC	19
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
BAN KIỂM SOÁT	23
HỆ THỐNG NHÀ MÁY	25
DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT	29
SẢN PHẨM	35
THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI	57

TỎA SÁNG TỪ NỘI LỰC
THỬ THÁCH THÀNH CƠ HỘI
ĐỂ VƯƠN LÊN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002 -2011



2011
NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tôn Nam Kim niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.



2010
KHỞI CÔNG
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2002
THÀNH LẬP

Tôn Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.

2012 -2016



2016
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động với tổng công suất của Tôn Nam Kim đạt 650.000 tấn/năm.



2015
KHỞI CÔNG
NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Khởi công xây dựng Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.



2014
KHỞI CÔNG
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2012
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Tôn Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.

2018 -2021



2021
KHỞI CÔNG
NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống Mỹ Phước tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương.



2020
TÁI CẤU TRÚC
HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Tôn Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng.

Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S.



2018
TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ: 1.000.000 tấn/năm.

Công suất tẩy cán: 900.000 tấn/năm.

Công suất ống kẽm: 200.000 tấn/năm.

2022 -2024



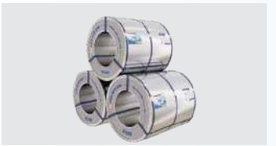
2024
KHỞI CÔNG
NHÀ MÁY TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

Khởi công xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ tại KCN Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu.



2023
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH CÔNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TÔN ZINMAG®

Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công công nghệ sản xuất dòng sản phẩm tôn ZINMAG® – Tôn mạ hợp kim magie, bảo hành trên 50 năm.



2022
NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Tôn Nam Kim ra mắt dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

DẤU ẤN TÔN NAM KIM 2024



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA (2024 - 2026) DO BỘ CÔNG THƯƠNG TRAO TẶNG

Ngày 04/11/2024 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam, Tôn Nam Kim đã được vinh danh những sản phẩm tiêu biểu ngành vật liệu xây dựng như tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu, ống thép và đặc biệt Tôn mạ hợp kim kẽm – magie ZINMAG® là xu hướng của vật liệu tôn do Bộ Công Thương trao tặng.



TOP 41 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Ngày 08/01/2025 tại Marriott Hotel, Lễ công bố Top 50 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR50) năm 2024 được diễn ra tại thủ đô Hà Nội. Tôn Nam Kim tự hào khi được vinh danh trong Top 50 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam và Top 4 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - Ngành sản xuất, gia công kim loại, sắt thép, kim khí.



TOP 10 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NĂM 2024

Ngày 12/12/2024 tại Hà Nội, Tôn Nam Kim đã ghi dấu ấn mạnh mẽ khi vinh dự nhận giải thưởng Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 trong ngành vật liệu xây dựng.



TOP 2 DOANH NGHIỆP SÁNG TẠO – KINH DOANH HIỆU QUẢ NĂM 2024



TOP 10 DOANH NGHIỆP TẠO GIÁ TRỊ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM 2024

Trong tháng 08/2024 vừa qua, Tôn Nam Kim vinh dự được chọn là Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024 - Ngành vật liệu xây dựng theo chương trình nghiên cứu của Viet Research phối hợp cùng Báo Đầu tư đã xác định và công bố.



TÔN ZINMAG® TIẾP TỤC ĐẠT GIẢI PRODUCT OF THE YEAR 2024

Ngày 24/06/2024 tại Khách sạn Pullman Hà Nội, Báo Đầu tư phối hợp cùng Viet Research đã tổ chức sự kiện công bố Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả cùng Lễ vinh danh sản phẩm Đổi mới – Sáng tạo – Hiệu quả của năm 2024. Tôn ZINMAG® tiếp tục đạt giải "Product of the Year" 2024.



TOP 5 DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NĂM 2024

Ngày 24/04/2024 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, sự kiện công bố Top 5 Công ty Vật liệu xây dựng (VLXD) năm 2024 đã diễn ra với không khí trang trọng và thành công. Đây là kết quả của quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng và độc lập do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo Vietnamnet thực hiện, minh chứng cho uy tín và độ chính xác trong việc đánh giá hiệu suất của doanh nghiệp.

THÀNH TỰU & GIẢI THƯỞNG

2024

TOP **50**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Thương hiệu Quốc gia 2024 do Bộ Công Thương trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR50 năm 2024 (hạng 41).

Top 2 Doanh nghiệp Sáng tạo – Kinh doanh hiệu quả năm 2024.

Tôn ZINMAG® đạt giải "Product of the Year" 2024.

Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024.

Top 10 Nơi làm việc tốt nhất ngành vật liệu xây dựng năm 2024.

2023

ZINMAG®
PRODUCT OF THE YEAR 2023

Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product of the Year" 2023.

VBE500 – Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023.

Top 4 Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép – Kim Khí – Kim Loại.

2022

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 từ 2010 đến 2022.

Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2021

Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 từ 2010 đến 2021.

2020

Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.

Top 3 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

2019

Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương trao tặng.

2018

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2017

TOP **50**
DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu Tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng.

Bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương trao tặng.

Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn Lao động Thị xã Thuận An trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp - Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Báo Diễn đàn doanh nghiệp trao tặng.

Bằng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II – Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110).

2016

TOP **500**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật Lao động (2013 - 2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014 - 2015).

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam VNR500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.

UBND Tỉnh Bình Dương tri ân Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016

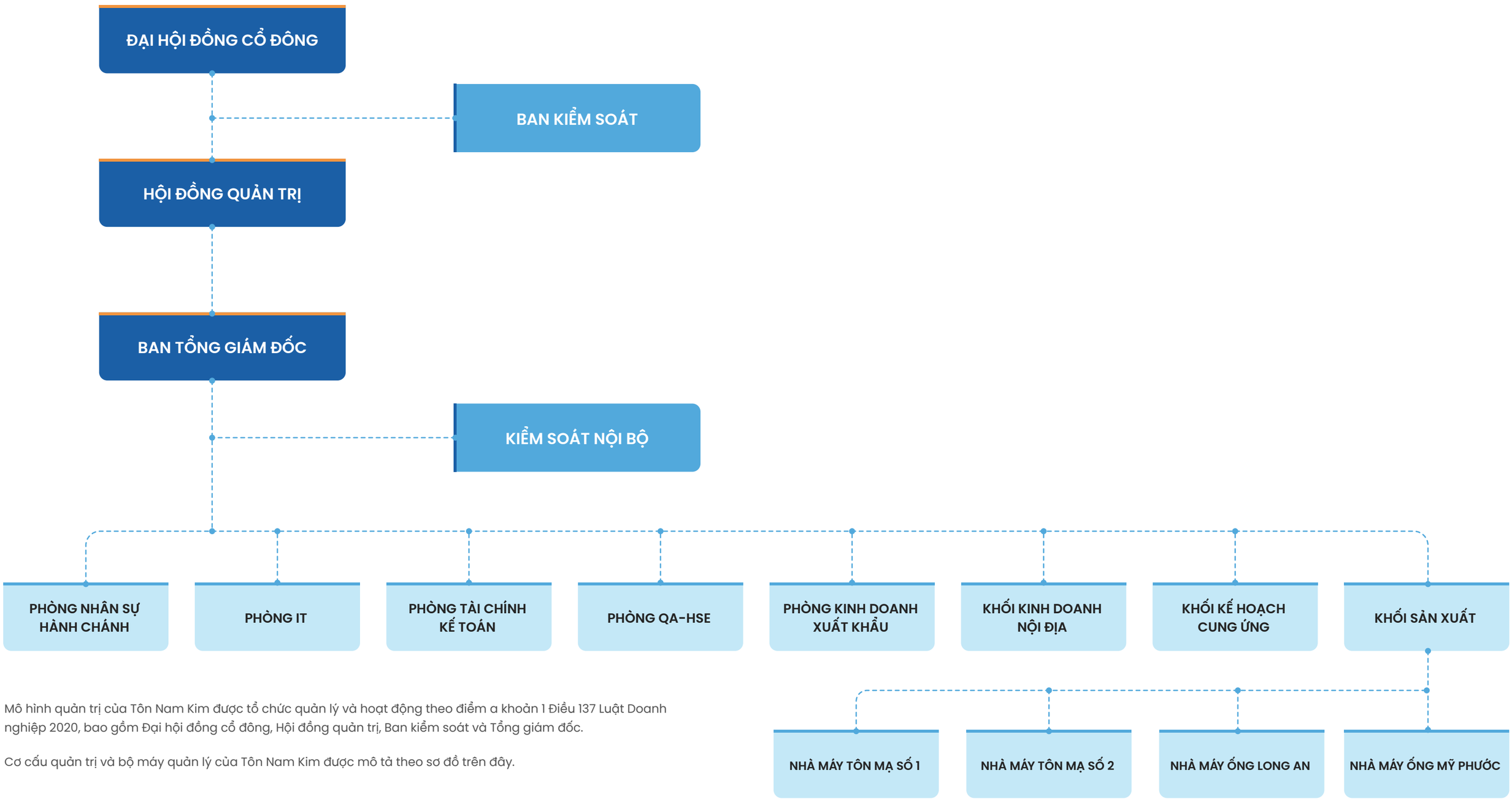
UBND Tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016..

2015

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015 cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

Vietnam Report phối hợp cùng Báo Điện tử Vietnamnet trao tặng các danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 năm 2015 (hạng 174), Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (hạng 297).

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Mô hình quản trị của Tôn Nam Kim được tổ chức quản lý và hoạt động theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tôn Nam Kim được mô tả theo sơ đồ trên đây.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HỒ MINH QUANG

Chủ tịch HĐQT

Trên cương vị Chủ tịch HĐQT, Ông Hồ Minh Quang đã lãnh đạo và dẫn dắt Tôn Nam Kim trở thành doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH NIHO CORPORATION;
- Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông VÕ HOÀNG VŨ

Thành viên HĐQT điều hành

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành và lãnh đạo công ty đại chúng.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh Ngoại thương.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai;
- Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam;
- Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông NGUYỄN VINH AN

Thành viên HĐQT điều hành

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Ông NGUYỄN TRUNG TÍN

Thành viên HĐQT không điều hành

Hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng.

Trình độ chuyên môn:

- Công nghệ thông tin.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Lộc Khang;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TT Capital.



Ông VÕ THỜI

Thành viên độc lập HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo doanh nghiệp.

Trình độ chuyên môn:

- Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Nam Hàn.

TÔN NAM KIM

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành và lãnh đạo công ty đại chúng.

Trình độ chuyên môn:
Quản trị kinh doanh Ngoại thương.

Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai;
- Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam;
- Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông NGUYỄN VINH AN
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.

Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Ông QUẢNG TRỌNG LĂNG
Phó Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Cơ khí.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Ông LÊ MINH HẢI
Phó Tổng giám đốc

Hơn 14 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực sản xuất – kỹ thuật – bảo trì – R&D trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Thiết kế máy.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà TRẦN NGỌC DIỆU
Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát và tài chính Công ty.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, am hiểu thị trường và thông lệ quốc tế trong ngành thép.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại ngữ.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.



Bà VŨ THỊ HUYỀN
Kế toán trưởng

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không.

BAN KIỂM SOÁT



Bà VÕ THỊ VUI
Trưởng BKS

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không



Ông ĐẶNG VĂN HÒA
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không



Ông LÊ NHẬT TÂN
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác:
Không

HỆ THỐNG NHÀ MÁY



NHÀ MÁY TÔN MA SỐ 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Diện tích: 10 ha.

Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.

Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Diện tích: 6,5 ha.

Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.

Địa chỉ: Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM

Diện tích: 3,2 ha.

Sản phẩm: Ống thép.

Địa chỉ: Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.



NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

CÔNG TY TNHH DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM

Diện tích: 5 ha.

Sản phẩm: Ống thép.

Địa chỉ: Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

HỆ THỐNG NHÀ MÁY



DỰ ÁN NHÀ MÁY
TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

CÔNG TY TNHH TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

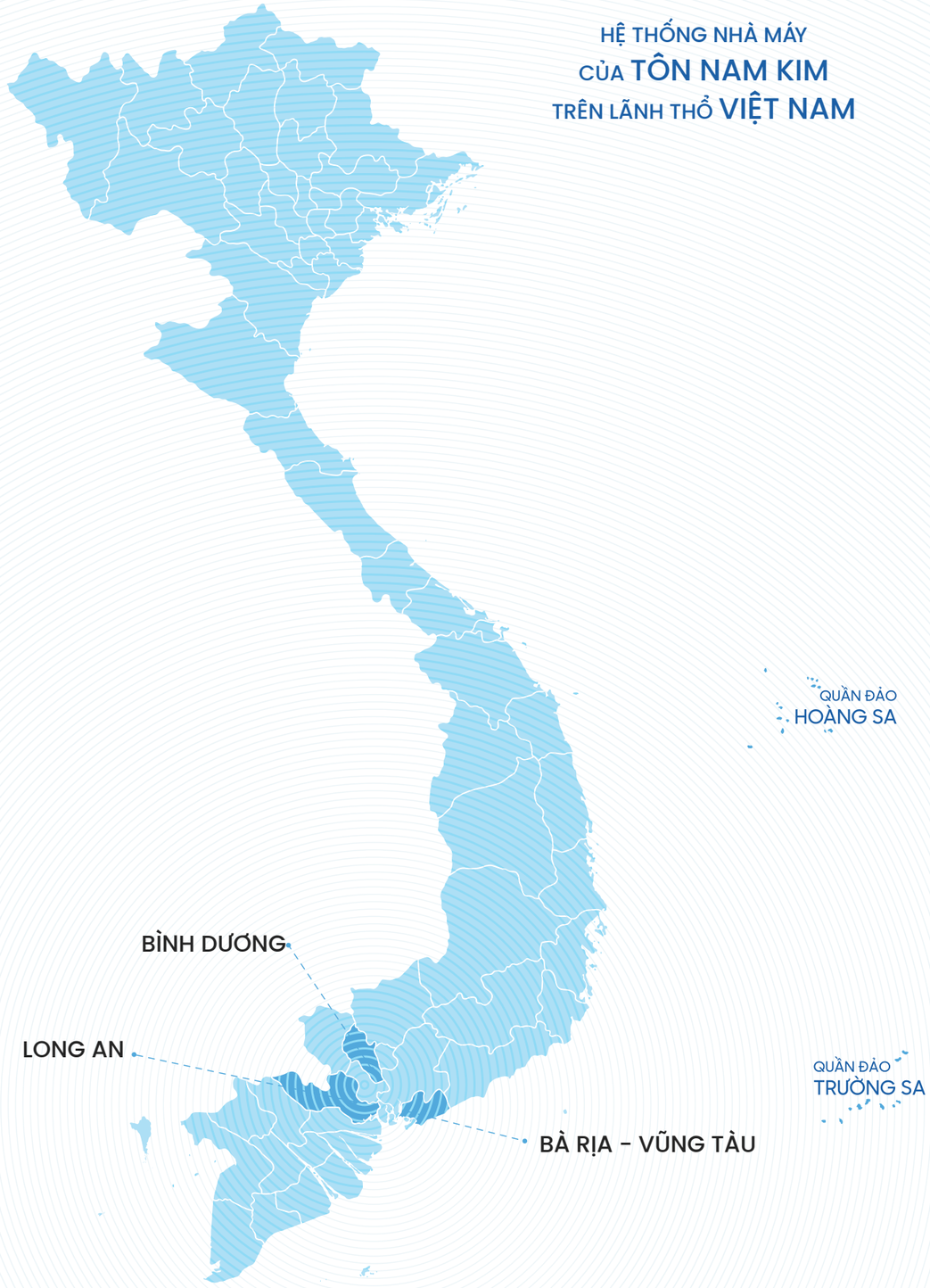
Diện tích: 32,7 ha.

Sản phẩm: PO, CRC, tôn mạ lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu.

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Chi tiết tại Chương 3: Tình hình hoạt động năm 2024 – mục: Tôn Nam Kim 2024 trang 81)

HỆ THỐNG NHÀ MÁY CỦA TÔN NAM KIM TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN TẨY GỈ

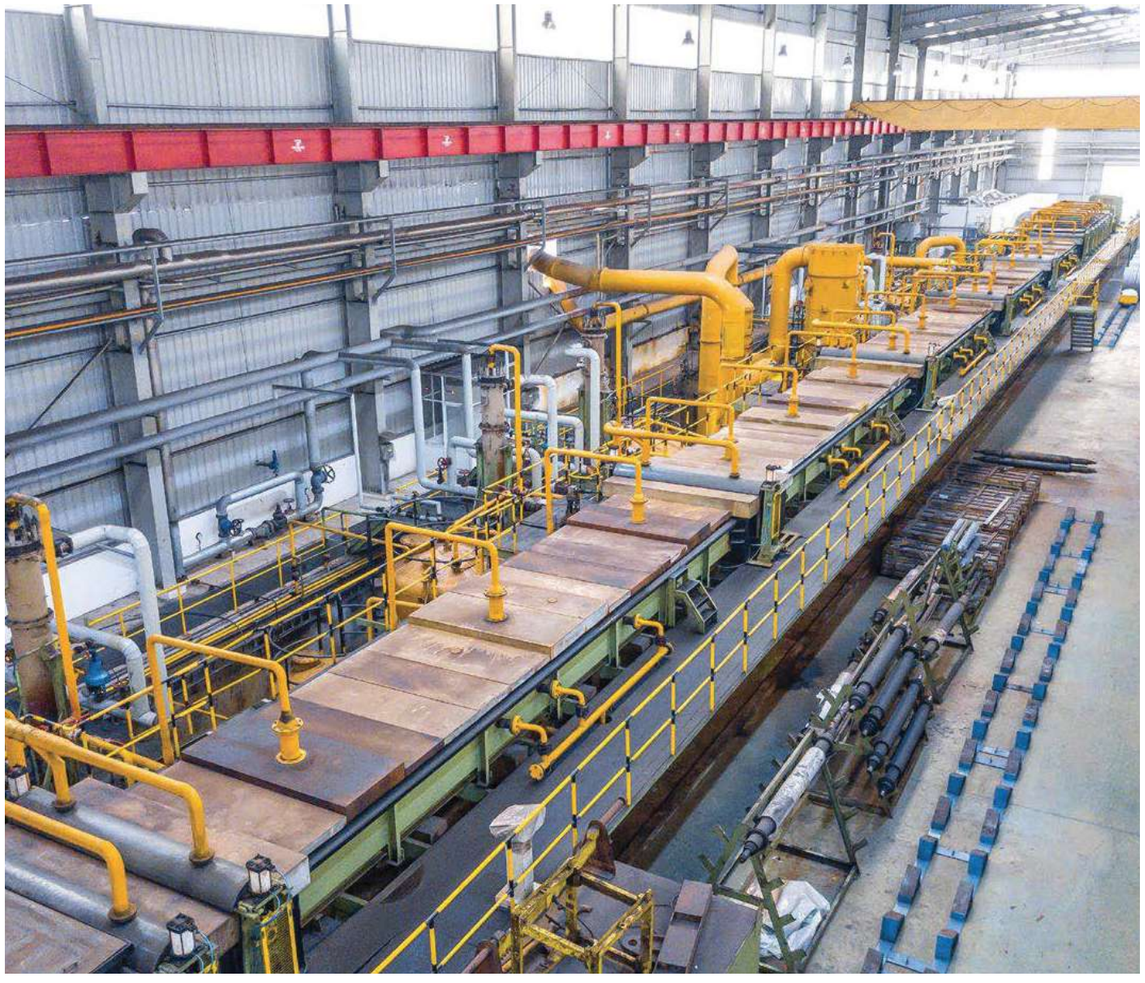
CÔNG SUẤT TẨY GỈ

1.000.000 tấn/năm

Độ dày thép nguyên liệu:	1,5 mm – 5,0 mm
Khổ rộng:	750 mm – 1.300 mm

Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay.

Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chú trọng thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cân nhắc nguồn nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho hiệu quả sắt vụn đạt tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.





DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI

1.000.000 tấn/năm

Độ dày đầu ra của thép:	0,15 mm – 3,0 mm
Tốc độ cán:	1.400 mét/phút

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất.

Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khí lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dãy sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH, MẠ KẼM HOẶC MẠ ZINMAG®

CÔNG SUẤT MẠ

1.200.000 tấn/năm

Độ dày tôn mạ:	0,18 mm – 3,5 mm
Lớp mạ hợp kim:	AZ200 (Tôn Lạnh) (GL), Z600 (Tôn Kẽm) (GI)

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật), có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt bằng long inductors của Ajax (Mỹ); đặc biệt, dây chuyền mạ số 1 của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều ở 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.





DÂY CHUYỀN MẠ MÀU

CÔNG SUẤT MẠ MÀU

180.000 tấn/năm

Độ dày tôn mạ:	0,2 mm – 1,2 mm
Khổ rộng:	860 mm – 1.250 mm
Độ dày sơn:	lên đến 100 µm/2 mặt

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX, với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất.





1-2

Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.

03

Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền.

04

Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ màu.

05

Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

06

Kiểm tra khả năng chống ố, mốc, phản ứng ăn mòn, kháng gỉ của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh trong điều kiện tiêu chuẩn và điều kiện môi trường khắc nghiệt khác nhau.









SẢN PHẨM

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.



TÔN MẠ KẼM (GI)



TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM (GL)



TÔN LẠNH MÀU



ZINMAG® TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE



ZINMAG® COLOR



ỐNG THÉP MẠ KẼM

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

Tiêu chuẩn Nhật

Tiêu chuẩn Mỹ

Tiêu chuẩn Châu Âu

Tiêu chuẩn Úc

ISO 9001

ISO 14001

ISO 17025

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

TÔN MẠ KẼM
(GI Z80-Z600)

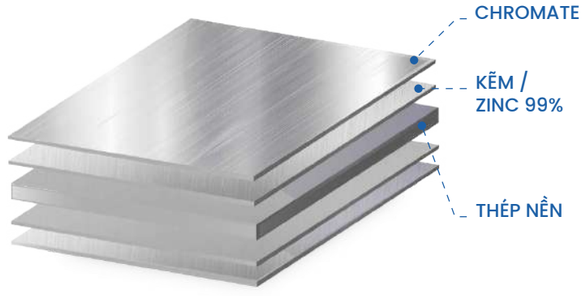


MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.



TIÊU CHUẨN

JIS G3321	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A792/A792M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

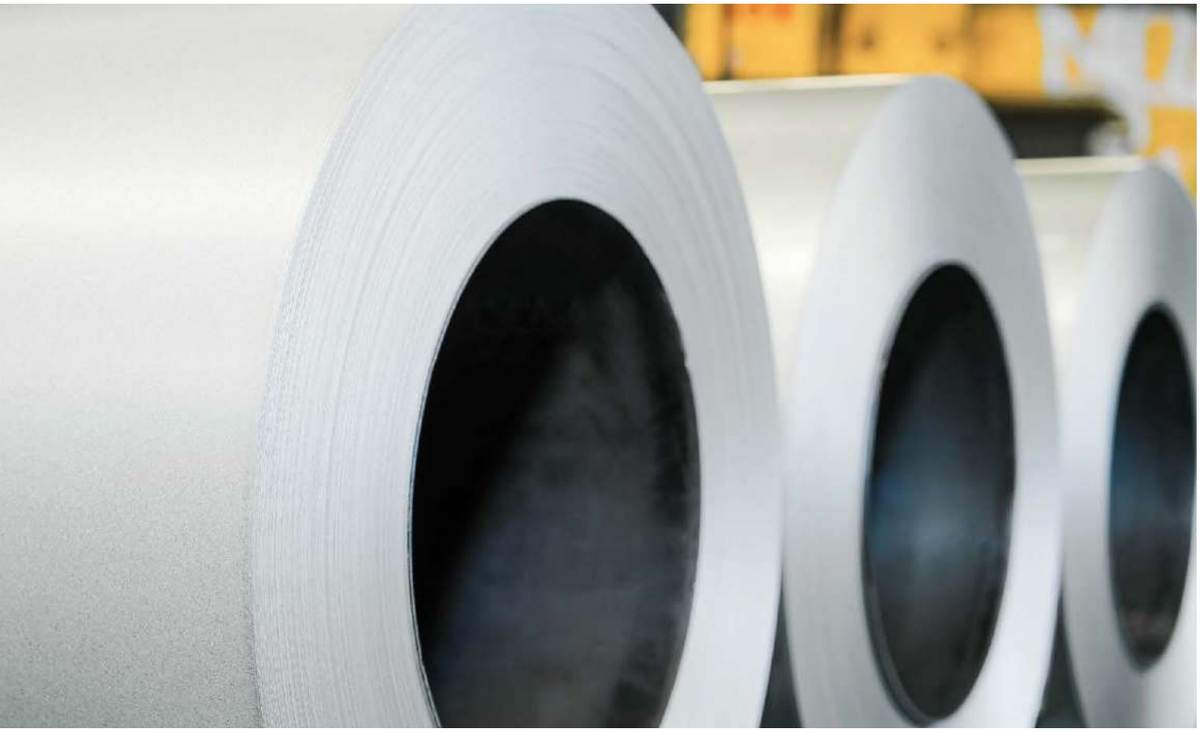
THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,25 mm – 3,75 mm
Khổ rộng	860 mm – 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ	80 – 600g/m²/2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

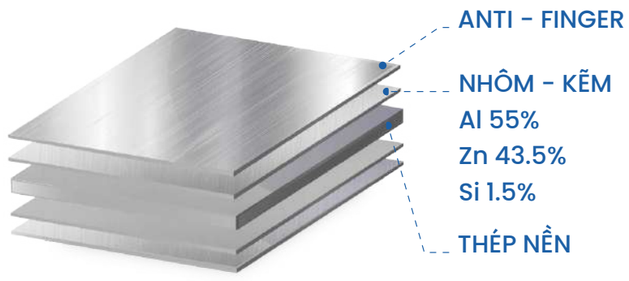
STEEL GRADE Mác Thép	YS min, [N/mm²]	TS min, [N/mm²]	E min, [%]
CHÂU ÂU - EN 10346			
DX51D	-	270 ÷ 500	22
DX52	140 ÷ 300	270 ÷ 420	26
DX53	140 ÷ 260	270 ÷ 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S390GD	390	460	16
S420GD	420	480	15
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-
CHÂU MỸ - ASTM A653/A653M			
CS Type A	205 ÷ 410	-	20
CS Type B	245 ÷ 410	-	20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] Class 1	340	450	12
SS 50 [340] Class 2	340	410	12
SS 50 [340] Class 4	340	410	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] Class 1	550	570	-
CHÂU ÚC – AS 1397			
G250	250	320	22
G300	300	340	18
G350	350	420	14
G450	450	480	9
G500	500	520	7
G550	550	550	2
NHẬT BẢN - JIS G 3302			
SGLCC	-	-	-
SGLC400	295	400	16:18
SGLC440	335	440	14:18
SGLC490	365	490	12:16
SGLC570	560	570	-

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM
(GL AZ70 – AZ200)



MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Silic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.



ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

TIÊU CHUẨN

JIS G3302	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,18 mm – 2,00 mm
Khổ rộng	860 mm – 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ	70 – 200g/m²/2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

STEEL GRADE Mác Thép	YS min, [N/mm²]	TS min, [N/mm²]	E min, [%]
CHÂU ÂU - EN 10346			
DX51D	-	270 ÷ 500	22
DX52	140 ÷ 300	270 ÷ 420	26
DX53	140 ÷ 260	270 ÷ 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S390GD	390	460	16
S420GD	420	480	15
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-
CHÂU MỸ - ASTM A653/A653M			
CS Type A	205 ÷ 410	-	20
CS Type B	245 ÷ 410	-	20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] Class 1	340	450	12
SS 50 [340] Class 2	340	-	12
SS 50 [340] Class 3	340	480	12
SS 50 [340] Class 4	340	410	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] Class 1	550	570	-
CHÂU ÚC – AS 1397			
G250	250	320	22
G300	300	340	18
G350	350	420	14
G450	450	480	9
G500	500	520	7
G550	550	550	2
NHẬT BẢN - JIS G 3302			
SGLCC	-	-	-
SGC400	295	400	16 ÷ 18
SGC440	335	440	14 ÷ 18
SGC490	365	490	12 ÷ 16
SGC570	560	570	-

TÔN LẠNH MÀU
(PPGL – AZ100 – PE 17/8)

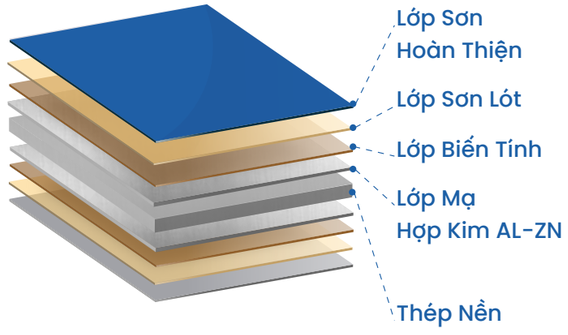


MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến, đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường ôn hòa.



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng 15 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn 8 năm
Bảo hành phai màu sơn 5 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,20 mm - 1,20 mm
Khổ rộng	Max 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	100g/ m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	17/8 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	12 µm
Lớp sơn lót	Polyester	5 µm
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót	Polyester	4 µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	4 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 100g/m²/2 mặt.
*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

TÔN LẠNH MÀU

(PPGL AZ150 | PE 25/10 | SPE 25/10 | PVDF 25/12)



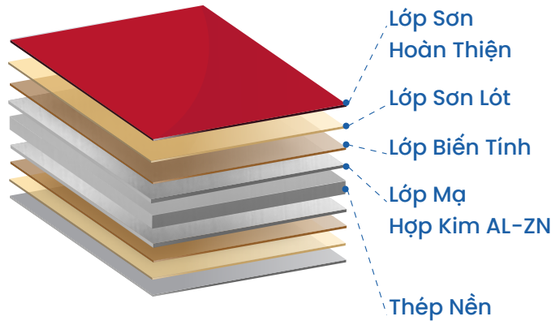
MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại tính chống ăn mòn vượt trội và khả năng chống bụi, chống phai màu, góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt.



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

	Bảo hành chống thủng 20 năm
Sơn PE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 10 năm Bảo hành phai màu sơn 8 năm
Sơn SPE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 15 năm Bảo hành phai màu sơn 10 năm
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 20 năm Bảo hành phai màu sơn 20 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,20 mm - 1,20 mm
Khổ rộng	Max 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	150g/m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm / 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính	
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp sơn lót	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp biến tính	Chemical
Sơn mặt lưng	
Lớp biến tính	Chemical
Lớp sơn lót	Polyester
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m²/2 mặt.
Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

TÔN LẠNH MÀU
(PPGL AZ200 | SPE 25/10 | PVDF 25/12)



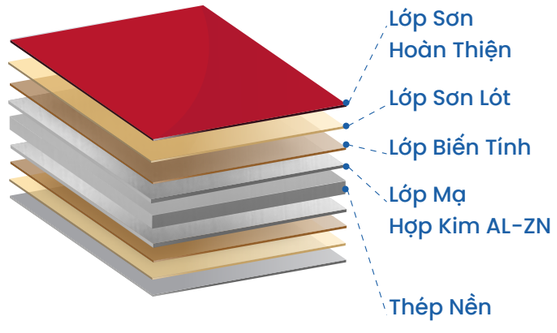
MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.



TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

Sơn PE	Bảo hành chống thủng 25 năm
	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 15 năm
	Bảo hành phai màu sơn 10 năm
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 20 năm Bảo hành phai màu sơn 20 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

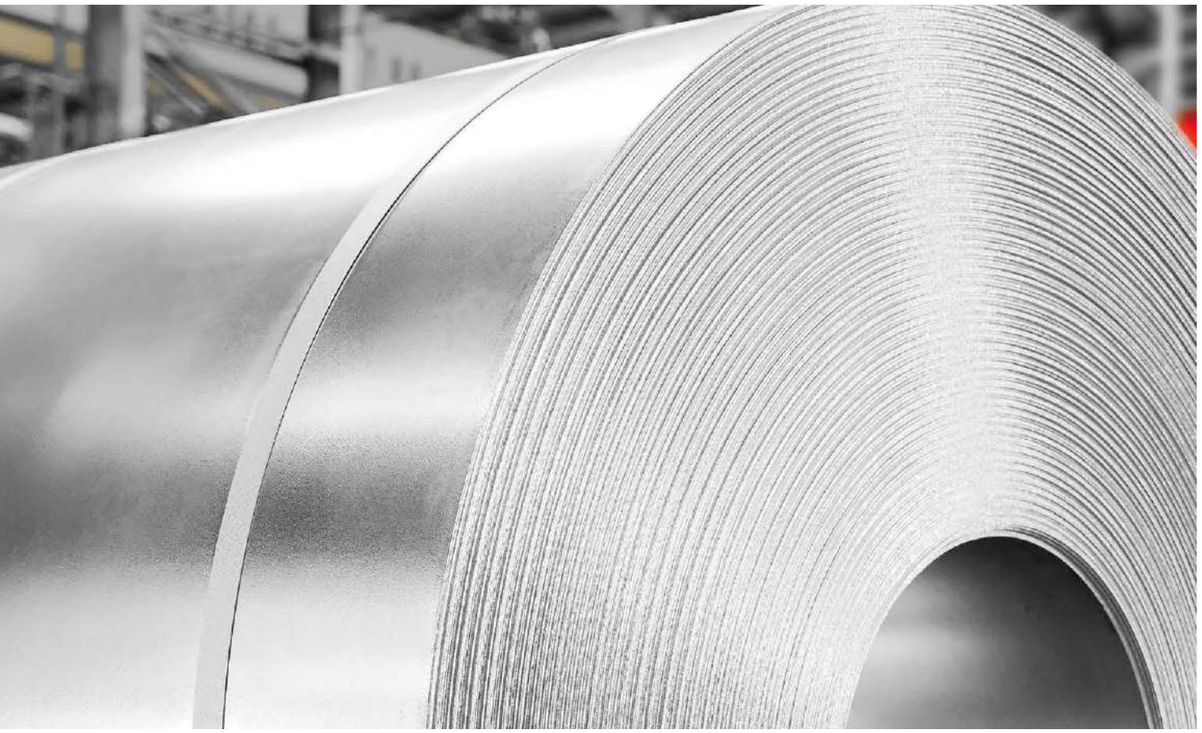
Độ dày tôn nền	0,20 mm - 1,20 mm
Khổ rộng	Max 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	200g/m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm / 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Super Polyester / PVDF	20 µm
Lớp sơn lót	Super Polyester / PVDF	5 µm
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót	Polyester	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	7 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m²/2 mặt.
Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

ZINMAG® - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE



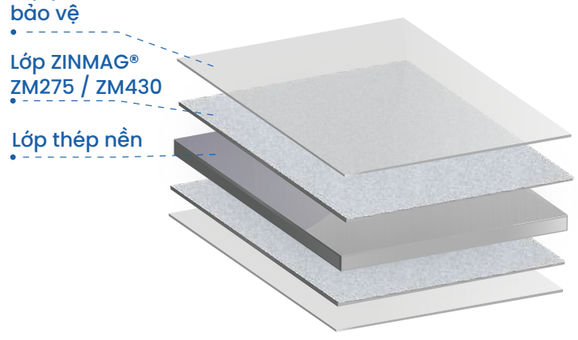
MÔ TẢ

ZINMAG® là loại thép mạ hợp kim Magie được phát triển bởi Tôn Nam Kim với sự hợp tác của đối tác MGK và Van Der Laan International Consultancy B.V.

Tôn ZINMAG® với lớp mạ độc đáo Zn-Al5%-Mg3% cung cấp một giải pháp đột phá trong việc bảo vệ chống ăn mòn bề mặt và bảo vệ mép cắt kim loại, có thể sử dụng ngay cả trong các môi trường khắc nghiệt nhất (C5) như môi trường chăn nuôi, hóa chất, vận chuyển biển,...

ỨNG DỤNG

Ứng dụng làm các công trình gần biển, vật liệu dùng để sản xuất silo, công trình chăn nuôi, thiết bị đồ gia dụng, khung đỡ pin năng lượng mặt trời, HVAC, xà gồ, sàn deck, máng xối, thanh hộ lan cao tốc,...



TIÊU CHUẨN

AS 1397	G350,...
ASTM A1046/A1046M	SS 340 Class 1/2/4,...
BS EN 10346	S350GD,...
JIS G 3323	SGMC340, SGMC570,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

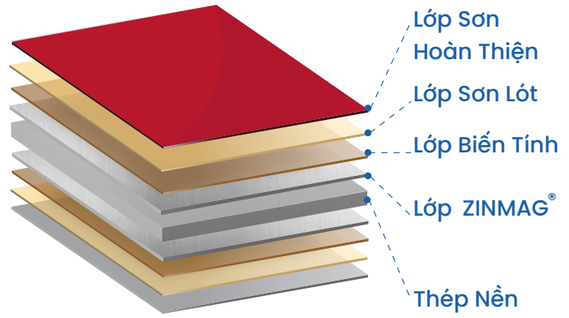
Chiều dày	0,4 – 3,2mm
Khổ rộng	900 – 1.260mm
Khối lượng mạ	ZM60 – ZM450



ZINMAG® COLOR – TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE MÀU

(PE ESY - CLEANING/ SPE / SMP / PVDF)





TIÊU CHUẨN

AS/NZS 2728	G350, G550,...
ASTMA755/A755M	SS 340 Class 1/2/3,...
BS EN 10169	S.350GD,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0,35 - 1,20 mm
Khổ rộng	1.250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	110 ~ 430g / m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25 ~ 110 µm / 10 ~110 µm

MÔ TẢ

Tôn màu ZINMAG® COLOR được sản xuất bởi Tôn Nam Kim trên dây chuyền công nghệ hiện đại giúp giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường, là sự kết hợp giữa lớp tôn nền được mạ hợp kim 3% Magie với các dòng sơn PE Easy-Cleaning, SPE, SMP và PVDF cao cấp. Mỗi lớp dòng mạ có vai trò quan trọng trong việc tạo ra chất lượng của sản phẩm, bảo hủy các đặc tính nổi bật như chống ăn mòn thùng, kháng bám bụi, chống phai màu, mang lại tuổi thọ lâu dài và giảm đáng kể chi phí bảo trì cho công trình.

Bề mặt lớp mạ ZINMAG® hoàn toàn không có bông vân, đây là yếu tố cực kỳ quan trọng hoàn toàn vượt trội so với với hàng lạnh thường (AZ) và lạnh Magie (AM) giúp lớp sơn đồng đều trên bề mặt, gia tăng liên kết bám dính với màng sơn và tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Tôn Nam Kim có đủ năng lực sản xuất đáp ứng hầu hết yêu cầu về màu sắc, kích thước và cơ tính. Từ đó mở rộng khả năng ứng dụng của khách hàng đối với công trình dự án, ngoại thất và tòa nhà, đồ trang trí nội thất, thiết bị gia dụng...

Ngoài ra, ZINMAG® có thể đáp ứng độ mạ tối đa lên đến 450g/m²/2 mặt giúp khắc phục hạn chế của hàng lạnh thường (AZ) và lạnh Magie (AM) (độ mạ tối đa 200g/m²/2 mặt) giúp thiết kế linh hoạt hơn với các môi trường ăn mòn khác như công trình sát biển, chăn nuôi, công nghiệp nặng và hóa chất. Do vậy, ZINMAG® COLOR có thể bảo hành tối đa lên đến 50 năm.



ZINMAG® COLOR ZM110

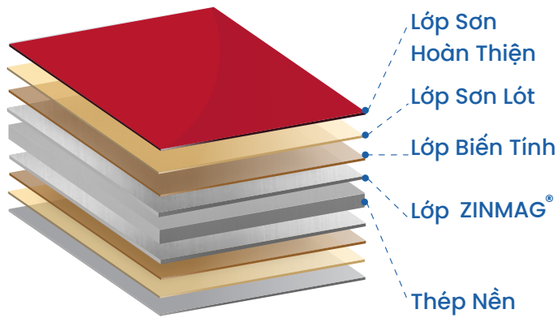
PE EASY CLEANING 25/10 µm



MÔ TẢ

ZINMAG® COLOR ZM110 sử dụng hệ sơn PE Easy-Cleaning với độ dày sơn 25/10 µm là dòng sản phẩm thông dụng mang nhiều ưu điểm về chi phí nhưng vẫn đảm bảo độ bền và duy trì màu sắc lâu dài.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM110 là một giải pháp phù hợp cho môi trường khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mặt độ bụi trong không khí cao.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim	Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie
Khối lượng lớp mạ hợp kim	110 g/m² / 2 mặt

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning	Polyester	DFT ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	DFT ≥ 5µm

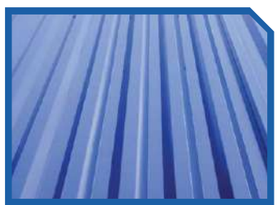
BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng 25 năm

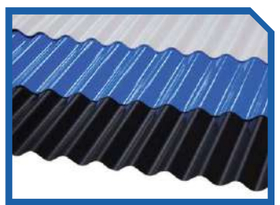
Bảo hành toàn vẹn màng sơn 08 năm

Bảo hành phai màu sơn 08 năm

ỨNG DỤNG



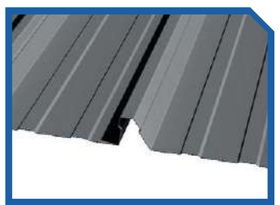
Tôn lợp sóng vuông



Tôn lợp sóng tròn



Tôn lợp seamlock



Tôn lợp Kliplock



Máng xối



Cửa cuốn



Bảng hiệu

ZINMAG® COLOR ZM150

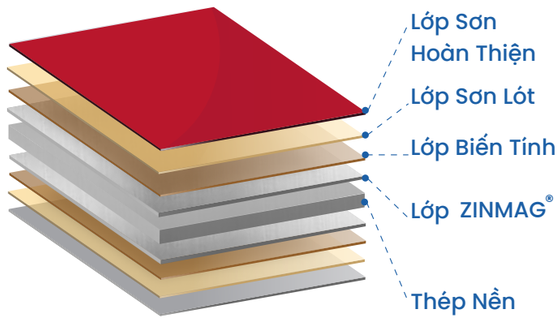
SPE 25/10 µm



MÔ TẢ

ZINMAG® COLOR ZM150 là sự kết hợp giữa lớp thép nền hợp kim 3% Magie với hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp mang lại hiệu quả kháng bám bụi, duy trì màu sắc lâu dài và chống ăn mòn vượt trội.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM150 kết hợp cùng hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp phù hợp với công trình chất lượng cao.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày thép nền	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim	Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie
Khối lượng lớp mạ hợp kim	150 g/m² / 2 mặt

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

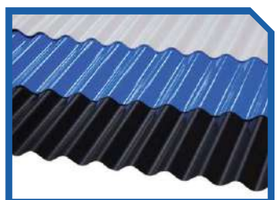
Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế kháng bám bụi	Supper Polyester	DFT ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Supper Polyester	DFT ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính chống ăn mòn	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn	Polyester	DFT ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	DFT ≥ 5µm

BẢO HÀNH

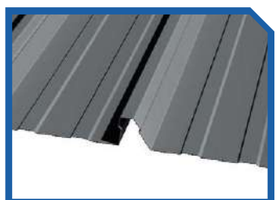
Bảo hành chống thủng 35 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn 15 năm
Bảo hành phai màu sơn 10 năm
Bảo hành kháng bám bụi 01 năm

ỨNG DỤNG


Tôn lợp sóng vuông


Tôn lợp sóng tròn


Tôn lợp seamlock


Tôn lợp Kliplock


Máng xối


Cửa cuốn



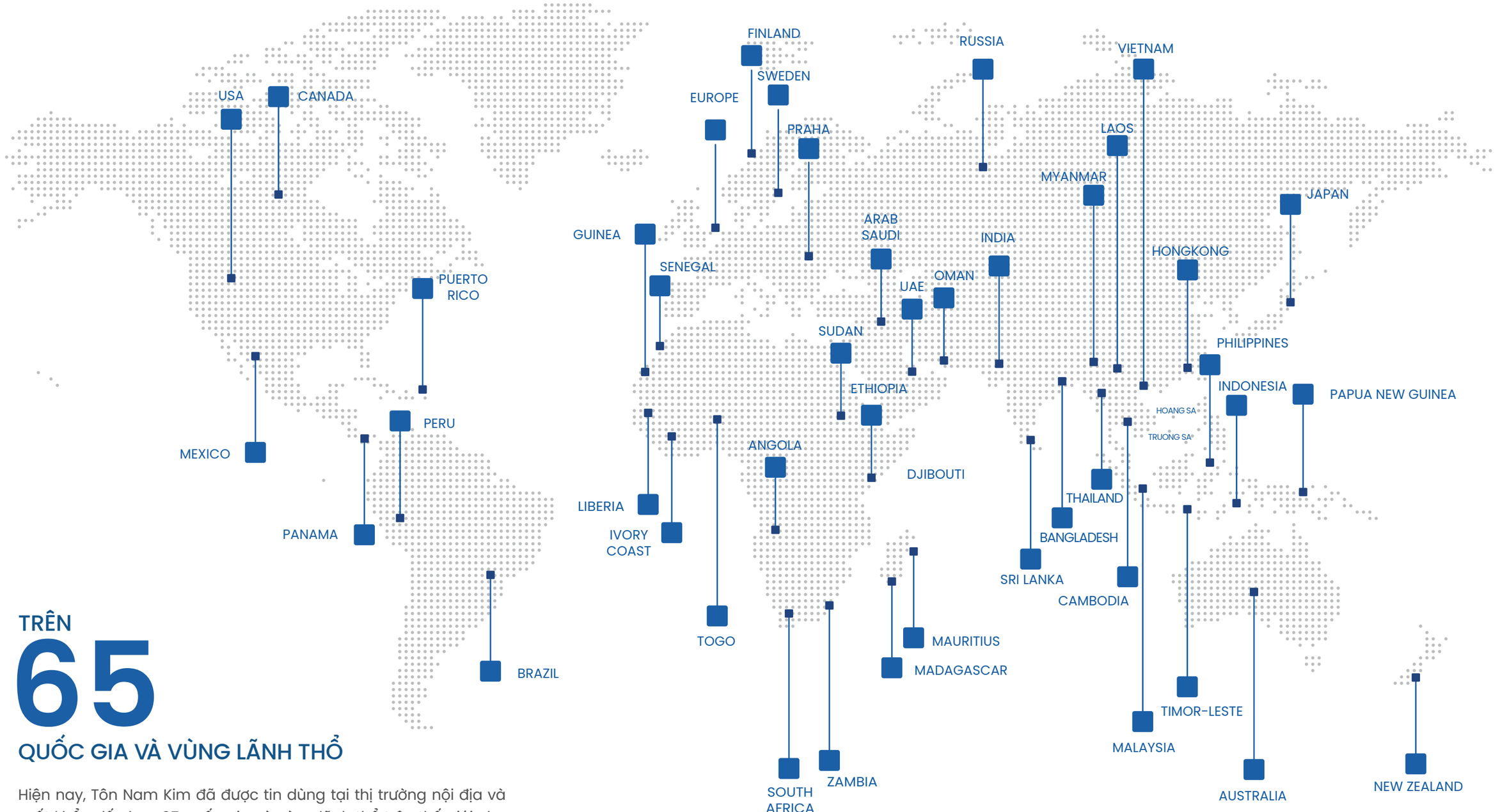
Bảng hiệu

ỐNG THÉP MẠ KẼM

ASTM A500/A500M | COATING Z80 - Z275



THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



TRÊN

65

QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

Hiện nay, Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Châu Phi.



03.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

VĨ MÔ 2024 61
NGÀNH THÉP 2024 67
TÔN NAM KIM 2024 79
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 89

TỐI ƯU HÓA GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ

VĨ MÔ

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ TOÀN CẦU NĂM 2024

Năm 2024 là có thể xem là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới với những gam màu sáng tối đan xen. Từ xu hướng hạ lãi suất ở các ngân hàng trung ương lớn giúp làm giảm bớt áp lực lên hệ thống tài chính toàn cầu, cho đến căng thẳng thương mại giữa các nước, các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế quyết liệt tại Trung Quốc cùng sự kiện bầu cử Mỹ diễn ra vào cuối năm và cũng là một năm bùng nổ về kinh tế số, trí tuệ nhân tạo AI và sự trở lại của điện hạt nhân.

Ngoài ra, thế giới vẫn đang phải đối mặt với áp lực về dân số già hóa, chuyển đổi xanh và biến đổi khí hậu, cũng như tăng cường khả năng chống chịu và cải thiện cuộc sống của những người dễ bị tổn thương, trong và giữa các quốc gia. Nhiều quốc gia đang thực hiện các biện pháp chính sách công nghiệp và thương mại để bảo vệ người lao động và các ngành trong nước.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TOÀN CẦU

GDP toàn cầu năm 2024 dự kiến đạt 3,2%, vượt xa dự báo của IMF (2,9%) cho thấy sự bền bỉ của nền kinh tế toàn cầu. Tuy vậy, năm 2024 tiếp tục chứng kiến sự phân hóa trong triển vọng tăng trưởng giữa các khu vực. Nhiều nền kinh tế phát triển đang phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng, bất chấp chính sách tiền tệ đã bắt đầu nới lỏng. Hoạt động kinh tế toàn cầu tuy không rơi vào suy thoái, nhưng vẫn ở mức thấp hơn tiềm năng.

Nguồn: IMF World Economic Outlook (January 2025)

Bảng: Tăng trưởng kinh tế thế giới (%)

	2022	2023	2024	2025 Dự báo	2028 Dự báo
IMF					
Toàn cầu	3,50	3,30	3,20	3,20	3,10
Các nền kinh tế phát triển	2,60	1,70	1,80	1,80	1,70
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	4,10	4,40	4,20	4,20	3,90
WB					
Toàn cầu	3,00	2,60	2,60	2,70	-
Các nước phát triển	2,60	1,50	1,50	1,70	-
Các nước mới nổi và đang phát triển	3,70	4,20	4,00	4,00	-
OECD					
Toàn cầu		3,10	3,20	3,20	-
Khu vực đồng Euro		0,50	0,70	1,30	-
G20		3,40	3,20	3,10	-

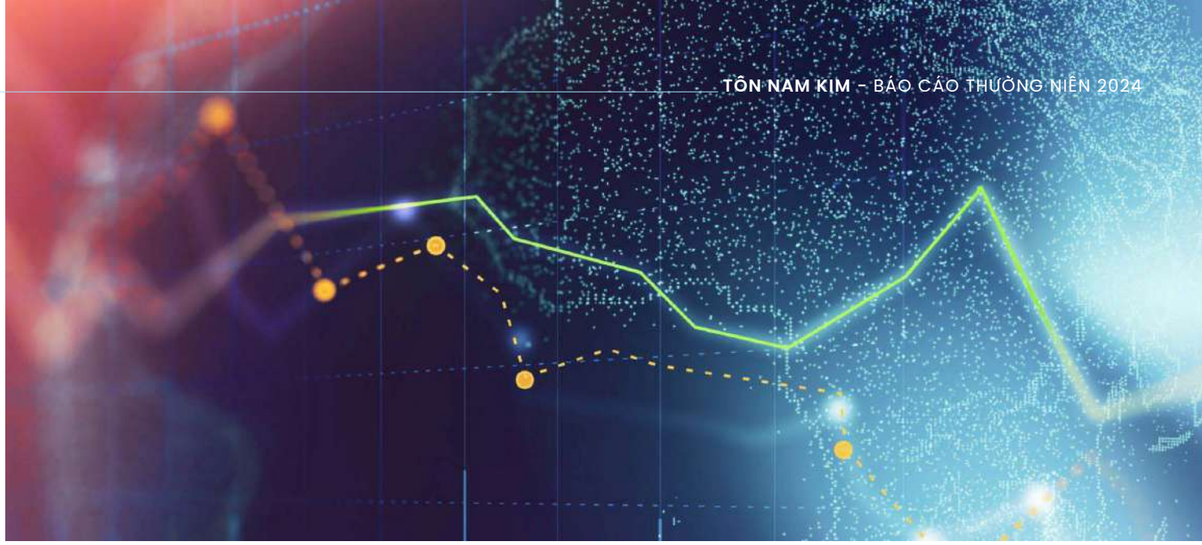
Nguồn: IMF, WB, OED.

LẠM PHÁT TOÀN CẦU

Điểm sáng đầu tiên của kinh tế thế giới năm nay là về cuộc chiến chống lạm phát. Lạm phát toàn cầu trong năm 2024 giảm xuống 5,80%, theo IMF, so với mức 6,7% trong năm 2023 phản ánh những thành công trong việc kiểm soát lạm phát qua các chính sách tiền tệ thắt chặt từ các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới. Mặc dù vẫn còn áp lực giá cả ở một số quốc gia, song về cơ bản, lạm phát toàn cầu đang được kiềm chế có hiệu quả, từ đó cho phép các ngân hàng trung ương (NHTW) nới lỏng chính sách tiền tệ. Kinh tế toàn cầu vẫn duy trì tính linh hoạt nhất định trong quá trình giảm lạm phát.

Tuy lạm phát dù đã hạ nhiệt so với năm 2023, nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu tại nhiều quốc gia.

Nguồn: IMF World Economic Outlook (Oct, 2024)



TÌNH HÌNH KINH TẾ CÁC KHU VỰC

Mỹ:

Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng 2,7% GDP, cao nhất nhóm các nước phát triển năm 2024. Điều này chủ yếu có được nhờ việc cải thiện chi tiêu của các hộ gia đình, đặc biệt là vào dịp mua sắm cuối năm. Tuy nhiên, đà tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại vào năm 2025, chủ yếu là do tác động chậm trễ của lãi suất cao, khả năng suy yếu của thị trường lao động và khả năng thanh toán của người tiêu dung. Triển vọng tăng trưởng của Mỹ có thể thay đổi trong thời gian tới, theo cả chiều hướng tăng (do cắt giảm thuế cho doanh nghiệp trong nước, giúp thúc đẩy tâm lý và khuyến khích các công ty đầu tư và người tiêu dùng chi tiêu, đặc biệt là trong bối cảnh lãi suất đang giảm), đi kèm cả rủi ro giảm (do tăng thuế lên hàng nhập khẩu và kiểm soát nhập cư chặt chẽ).

Nguồn: IMF World Economic Outlook (Jan, 2025)

Khu vực Eurozone:

Tăng trưởng GDP của khu vực đồng euro chỉ đạt 0,9% trong năm 2024 do giá nguyên liệu cao và thiếu sức cạnh tranh, chủ yếu do sự yếu đi của nền kinh tế Đức và tác động kéo dài của cuộc chiến tại Ukraine.

Nguồn: European Central Bank (2024)

Khu vực đồng tiền chung châu Âu tiếp tục phục hồi dần sau đợt suy thoái năm 2023 (chủ yếu do nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi giá năng lượng cao và lạm phát) và dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh hơn vào năm 2025, khi lãi suất giảm và nền kinh tế thoát khỏi tình trạng trì trệ.

Trung Quốc:

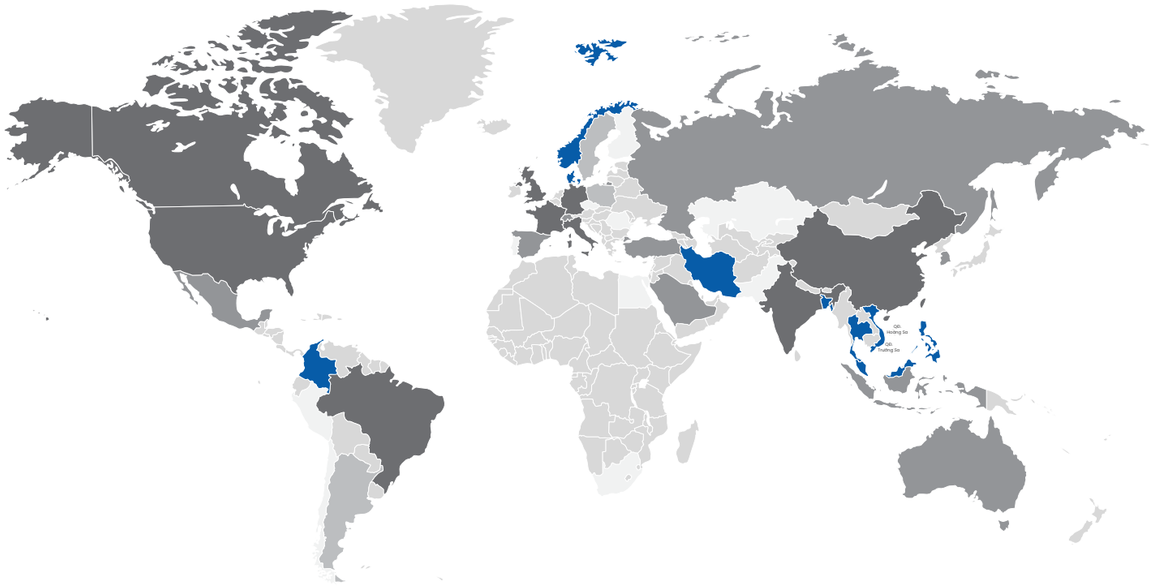
Theo IMF, Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 4,8% cho năm 2024; theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố ngày 17/01/2025, Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 5%. Mặc dù sự phục hồi có phần chậm, nhưng nền kinh tế Trung Quốc đã có một năm tăng trưởng ổn định sau khi chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh và các chính sách nghiêm ngặt trước đó. Từ cuối tháng 9 năm 2024, Trung Quốc đã liên tục ban hành các gói kích thích kinh tế khổng lồ trị giá lên tới hàng nghìn đô la Mỹ, bên cạnh đó là các chính sách hạ lãi suất, hạ tỷ lệ dữ trữ bắt buộc với mục đích thúc đẩy nền kinh tế.

Các nước ASEAN:

Các nước ASEAN tiếp tục hồi phục với GDP tăng trưởng ở tất cả các nền kinh tế, trong đó Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất. Các động lực tăng trưởng chính của các nền kinh tế Đông Nam Á gồm kết tiêu dùng mạnh mẽ, sản xuất được mở rộng và xuất khẩu tăng cao hơn nhờ sự cải thiện về nhu cầu toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực điện tử. IMF (2024) dự kiến các nền kinh tế ASEAN-5 sẽ đạt mức tăng trưởng 4,5% năm 2024, cao hơn so với mức 4% đạt được vào năm 2023.

Nguồn: National Bureau of Statistics of China (2024), IMF World Economic Outlook (January 2025).

XẾP HẠNG GPD CÁC NƯỚC NĂM 2024



Xếp hạng 1-10 | Xếp hạng 11-20 | Xếp hạng 21-30 | Xếp hạng 31-40 | Xếp hạng 41-50

Nguồn: IMF (Oct, 2024)

CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI CÓ CHIỀU HƯỚNG GIA TĂNG

Tình trạng căng thẳng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Điều này đang đòi hỏi các chính phủ cần có những hành động quyết đoán để bảo đảm tính bền vững của nợ công và duy trì không gian chính sách cho các phản ứng với các cú sốc trong tương lai.

Ngày 31/10/2024, EU tuyên bố áp thuế lên đến 45% đối với các loại xe điện nhập khẩu từ Trung Quốc với lý do Bắc Kinh trợ cấp không công bằng. Mỹ, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ cũng áp mức thuế tương tự, dao động từ 40%-100%.

Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung Quốc cũng tiếp tục leo thang khi Washington siết chặt xuất khẩu chip tiên tiến dưới 16 nano-met sang Bắc Kinh, đáp lại, Trung Quốc siết chặt xuất khẩu khoáng sản quan trọng. Căng thẳng thương mại sẽ tiếp tục diễn biến gia tăng và phức tạp hơn trong năm 2025 với các chính sách mới của Mỹ.

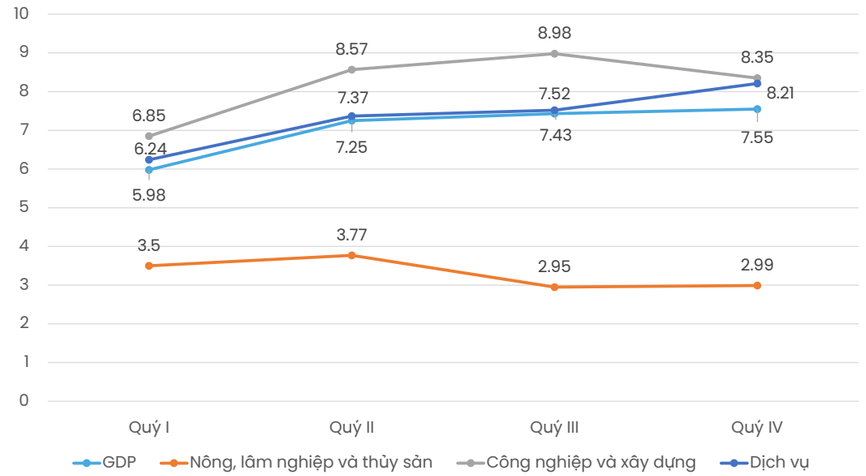
II. KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM NĂM 2024

Tình hình kinh tế – xã hội năm 2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, an sinh xã hội được duy trì, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi nhưng kinh tế năm 2024 của nước ta tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%; quý II tăng 7,25%; quý III tăng 7,43%; quý IV tăng 7,55%), vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Tính chung cả năm 2024, GDP tăng 7,09% so với năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG GDP VÀ VA CÁC KHU VỰC THEO QUÝ NĂM 2024 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phát triển ổn định. Kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cao, chăn nuôi ổn định, nuôi trồng thủy sản tăng khá do ứng dụng mô hình công nghệ cao đã mang lại hiệu quả kinh tế.

Ngành công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 ước tính tăng 8,4% so với năm trước, cao nhất kể từ năm 2020 đến nay.

Hoạt động thương mại dịch vụ sôi động và duy trì tăng trưởng.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội cả năm 2024 tăng 7,5%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 25,35 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay.

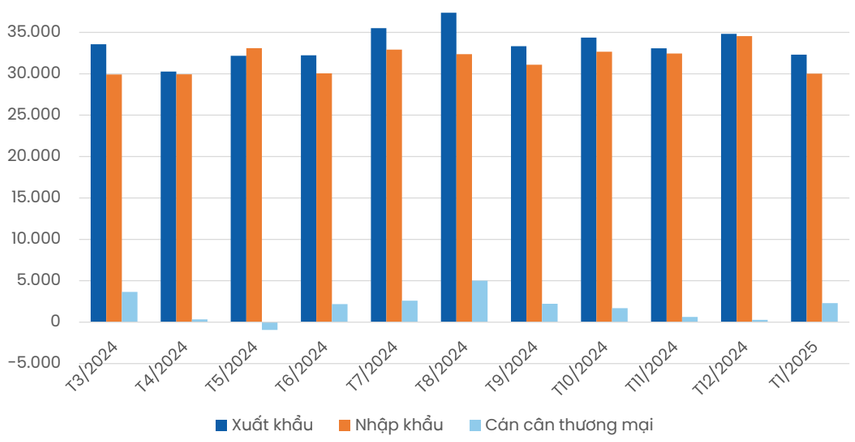
Xuất, nhập khẩu hàng hóa là điểm sáng nổi bật và là động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 nhờ nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà phục hồi. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 xuất siêu 24,77 tỷ USD (năm trước xuất siêu 28,4 tỷ USD). Đây là năm thứ 9 cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu liên tiếp, nhờ đó góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối của nền kinh tế.



Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 so với năm trước tăng 3,63%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 4%-4,5%.

Lao động có việc làm và thu nhập bình quân của người lao động năm 2024 tăng so với năm trước; công tác an sinh xã hội được quan tâm kịp thời; hoạt động cứu trợ nhân dân vùng khó khăn, vùng thiên tai, bão được các bộ, ngành, địa phương được thực hiện rộng khắp, thiết thực và hiệu quả.

TỔNG TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU (TRIỆU USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

CÁC RỦI RO ĐỐI VỚI KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ VIỆT NAM

Biến động giá năng lượng và các yếu tố ngoài tầm kiểm soát có thể làm gián đoạn sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khi các quốc gia sản xuất lớn như Nga và Ả Rập Saudi có thể thay đổi chính sách cung cấp năng lượng. Chính sách bảo hộ gia tăng, nhất là từ các quốc gia lớn như Mỹ, có thể ảnh hưởng đến thương mại quốc tế và gây khó khăn cho các nền kinh tế xuất khẩu như Việt Nam.

KẾT LUẬN

Năm 2024 là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế toàn cầu, nhưng cũng là năm mà nền kinh tế toàn cầu dần phục hồi sau cú sốc đại dịch và các khủng hoảng trước đó. Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2025 có thể sẽ có sự phục hồi nhưng vẫn phải đối mặt với rất nhiều rủi ro. Việc duy trì ổn định lạm phát và cải thiện tình hình chuỗi cung ứng toàn cầu là điều kiện quan trọng cho sự phát triển trong năm tiếp theo.

Nguồn tham khảo: Tổng cục thống kê Việt Nam.

III. TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2025 sẽ chịu sự chi phối bởi xu hướng chính sách của các nước và các biến động địa chính trị thế giới.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TOÀN CẦU

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 được IMF (10/2024) dự báo đạt 3,2%, tương đương mức tăng trưởng năm 2024. Dự báo này được dựa trên giả định lãi suất tiền tệ thế giới sẽ dần trở lại quỹ đạo bình thường do lạm phát giảm. Việc cắt giảm sản xuất và vận chuyển hàng hóa (đặc biệt là dầu mỏ), xung đột và bất ổn dân sự đã dẫn đến việc điều chỉnh giảm triển vọng khu vực đối với Trung Đông và Trung Á và đối với châu Phi cận Sahara. Đồng thời, nhu cầu tăng vọt đối với chất bán dẫn và đồ điện tử, được thúc đẩy bởi khoản đầu tư đáng kể vào trí tuệ nhân tạo, đã thúc đẩy tăng trưởng mạnh hơn ở châu Á mới nổi.

Giá dầu thế giới có thể tiếp tục hạ nhiệt do Mỹ dự kiến đẩy mạnh khai thác dầu. Mối lo ngại về việc cắt giảm sản lượng của OPEC+ và sự gia tăng xung đột ở Trung Đông đã thúc đẩy sự biến động gần đây của giá dầu Brent. Tuy nhiên, sự suy giảm dần của giá dầu từ quý II/2024 đã khiến giá dầu tương lai trung bình hàng năm đi xuống theo đường chân trời dự báo, bị đẩy xuống do kỳ vọng về nhu cầu dầu toàn cầu yếu, đặc biệt là ở Trung Quốc.

TRIỂN VỌNG ĐỐI VỚI CÁC NỀN KINH TẾ LỚN

Goldman Sachs (2024) dự báo tác động của các chính sách thương mại mới tiềm năng đối với GDP của Mỹ dự kiến sẽ nhỏ và phần lớn được bù đắp bởi các yếu tố khác. Thuế nhập khẩu tăng sẽ dẫn đến tác động khiêm tốn đến thu nhập cá nhân khả dụng thực tế (đã điều chỉnh theo lạm phát) thông qua giá tiêu dùng cao hơn. Sự không chắc chắn về mức độ căng thẳng thương mại có thể leo thang. Mặt khác, việc Mỹ giảm thuế trong nước, bao gồm khả năng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 21% xuống 20% (và có thể 15% với một số ngành), có thể kích thích sản xuất tại Mỹ và thu hút dòng vốn đầu tư quay trở lại nước Mỹ.

Các nước bên ngoài sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn bởi chính sách của Mỹ. Việc tăng thuế quan nhập khẩu của Mỹ có thể sẽ giáng một đòn vào nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU) vốn có mức độ phụ thuộc lớn vào lĩnh vực xuất khẩu và đang trải qua một giai đoạn tăng trưởng ảm đạm cùng nhiều cuộc khủng hoảng chính trị nối tiếp nhau. Goldman Sachs đã giảm dự báo tăng trưởng của khu vực đồng Euro vào năm 2025 sau kết quả bầu cử của Hoa Kỳ 0,5 điểm phần trăm (quý IV so với quý IV) và có khả năng sẽ cắt giảm thêm nữa, nếu Hoa Kỳ áp dụng thuế quan toàn diện.

Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng do quy mô của các mức thuế quan được đề xuất đối với Trung Quốc và tầm quan trọng của ngành sản xuất đối với nền kinh tế của nước này. Các phản ứng chính sách của Trung Quốc có thể bao gồm đồng việc cho phép đồng Nhân dân tệ yếu hơn và tăng cường các biện pháp kích thích tài chính và tiền tệ.

Các quốc gia khác cũng có khả năng bị ảnh hưởng bởi chính sách thương mại của Mỹ. Các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào thương mại thể chịu ảnh hưởng tiêu cực, trong khi một số quốc gia thị trường mới nổi có thể được thúc đẩy bằng cách giành được thị phần xuất khẩu nếu thương mại chuyển hướng khỏi Trung Quốc. Các nhà nhập khẩu có thể chuyển sang tìm nguồn cung ứng từ một quốc gia không bị ảnh hưởng bởi thuế quan của Mỹ.

(Theo Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 02, tháng 01/2025).

NGÀNH THÉP

NGÀNH THÉP THẾ GIỚI 2024

A. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

SẢN LƯỢNG VÀ TIÊU THỤ

Theo Hiệp hội Thép Thế giới (World Steel Association - WSA), sản lượng thép thô toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 1,882 tỷ tấn, giảm 0,8% so với năm 2023. Trong đó:

- **Trung Quốc:** hơn 1 tỷ tấn (53,4% tổng sản lượng toàn cầu)
- **Ấn Độ:** gần 150 triệu tấn (7,95%)
- **Nhật Bản:** hơn 84 triệu tấn (4,47%)
- **Mỹ:** hơn 79 triệu tấn (4,22%)
- **Nga:** gần 71 triệu tấn (3,76%)

BẢNG SẢN LƯỢNG THÉP THÔ THẾ GIỚI 2024

Rank	Country	2024	2023	% 2024 / 2023
1	China	1.005	1.023	-1,7
2	India	150	141	6,3
3	Japan	84	87	-3,4
4	United States	80	81	-2,4
5	Russia (e)	71	76	-7,0
6	South Korea	64	67	-4,7
7	Germany	37	35	5,2
8	Turkiye	37	34	9,4
9	Brazil	34	32	5,3
10	Iran	31	31	0,8
11	Viet Nam (e)	22	19	14,9
12	Italy	20	21	-5,0
13	Taiwan, China (e)	19	19	-0,3
14	Indonesia (e)	17	17	0,9
15	Mexico (e)	14	16	-16,5
16	Canada (e)	12	12	0,1
17	Spain	12	11	3,3

Nguồn: World Steel Association Monthly Statistics Report, January 2025

Hiện nay, thế giới đang trải qua biến đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ, xung đột chính trị căng thẳng, chiến tranh thuế quan thương mại, biến đổi khí hậu kéo theo hàng loạt hoạt động kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Với hàng loạt chính sách phòng vệ, chống bán phá giá với mục đích hàng rào bảo vệ các nhà sản xuất trong nước của các nước phát triển từ cuối năm 2024 và đầu năm 2025 cùng với mức giảm giá của nội tệ khiến cho việc lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia ngày càng trở nên khó khăn hơn.

B. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH THÉP TRONG NĂM 2024

1. CHUYỂN ĐỔI THÉP XANH

Vào năm 2024, những nỗ lực toàn cầu đáng kể đã được thực hiện để thúc đẩy sản xuất thép xanh, nhằm mục đích giảm lượng khí thải carbon đáng kể của ngành thép. Những diễn biến chính bao gồm:



Đổi mới công nghệ

Các công ty trong ngành đang đẩy mạnh việc đầu tư, nghiên cứu về công nghệ sản xuất như phương pháp điện hóa mới sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất sắt ở nhiệt độ thấp hơn, giúp giảm đáng kể lượng khí thải hay sử dụng hydro xanh được sản xuất bằng điện tái tạo, có khả năng giảm 95% lượng khí thải carbon so với các phương pháp truyền thống.

Các biện pháp liên quan tới chính sách và quy định

Sứ mệnh thép xanh của Ấn Độ (India's Green Steel Mission): Ấn Độ đã công bố kế hoạch triển khai Sứ mệnh thép xanh quốc gia vào tháng 12 năm 2024, nhằm thúc đẩy sản xuất thép bền vững. Sáng kiến này bao gồm việc xác định các sản phẩm thép xanh và phân bổ lại khoảng 30 tỷ rupee Ấn Độ (356,8 triệu đô la) để hỗ trợ sản xuất thép xanh (theo Global Steel Web, tháng 10 năm 2024).

CBAM của EU: Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon, hay CBAM, do EU ban hành trở nên phổ biến hơn. CBAM, áp dụng giá carbon đối với hàng nhập khẩu từ các quốc gia có quy định về môi trường ít nghiêm ngặt hơn, tạo thêm động lực cho các nhà sản xuất trên toàn thế giới áp dụng các công nghệ xanh hơn để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Các đầu tư vào ngành

Dự án thép xanh của UAE:

Emsteel, hợp tác với công ty năng lượng tái tạo Masdar, đã hoàn thành chương trình thí điểm khám phá việc sử dụng hydro xanh để khử cacbon trong sản xuất thép. Điều này phù hợp với Chiến lược hydro quốc gia 2050 của UAE và Chính sách hydro carbon thấp của Abu Dhabi (theo AGBI, tháng 10 năm 2024).

ThyssenKrupp (Đức): Dự án thép hydro xanh

ThyssenKrupp đang triển khai dự án tkH_2 Steel® tại Duisburg, Đức. Dự án này sẽ sử dụng hydro thay vì than đá để sản xuất thép, với kế hoạch đưa vào hoạt động vào năm 2027. Dự kiến sẽ giảm phát thải CO_2 khoảng 3,5 triệu tấn mỗi năm.

POSCO (Hàn Quốc): Công nghệ HYREX™

POSCO đã bắt đầu thiết kế một nhà máy thử nghiệm công nghệ HYREX vào năm 2022 và dự kiến sẽ hoàn thành và kiểm tra tính thực tế kinh tế của công nghệ này vào năm 2030. Công nghệ HYREX sử dụng hydrogen để sản xuất thép, giúp giảm phát thải CO_2 gần bằng 0.

ArcelorMittal: Dự án giảm phát thải carbon

ArcelorMittal đã đặt mục tiêu giảm phát thải CO_2 cấp nhóm 25% vào năm 2030 và 35% tại các hoạt động châu Âu. Công ty cũng đang triển khai các dự án năng lượng tái tạo và công nghệ khôi hồi CO_2, với kế hoạch đạt được bền vững toàn cầu vào năm 2050.

Các dự án này đều đang tiến triển mạnh mẽ và đóng góp lớn vào việc giảm thiểu tác động môi trường của ngành thép.

2. GIÁ NGUYÊN LIỆU THÔ BIẾN ĐỘNG

Vào năm 2024, giá thép toàn cầu đã có những biến động đáng kể, do sự kết hợp của căng thẳng địa chính trị, thách thức kinh tế và gián đoạn chuỗi cung ứng.

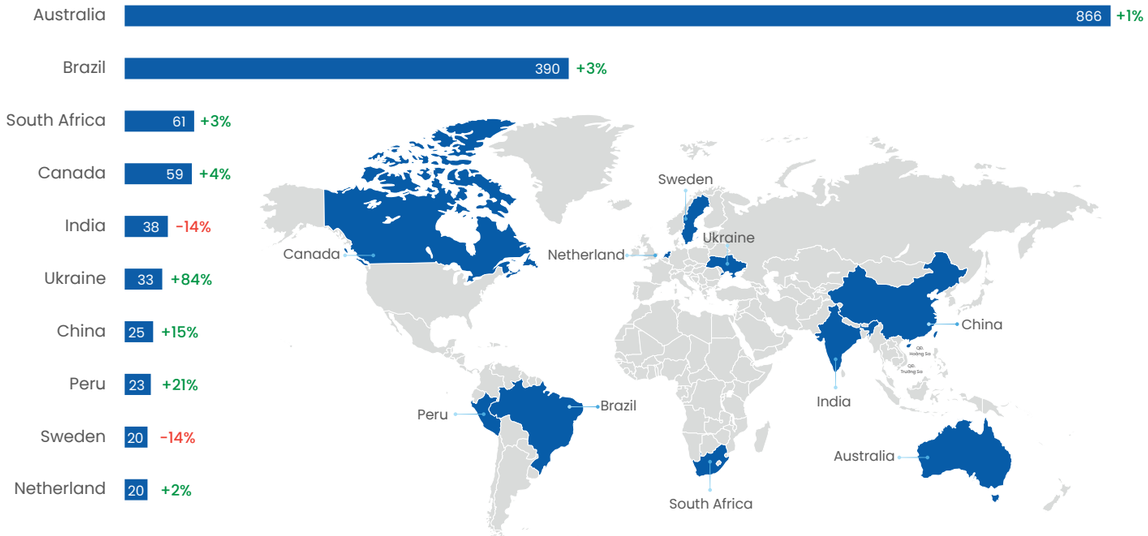
a. QUẶNG SẮT

Theo BigMint, năm 2024, Sản lượng quặng khai thác tăng trên toàn cầu. Cụ thể, Sản lượng quặng sắt của BHP tại Úc đã tăng 3% lên 290 triệu tấn. Tổng doanh số quặng sắt từ Pilbara đã tăng 4% lên 290 triệu tấn. Fortescue Metals Group (FMG), đã ghi nhận tăng 2% lên 194 triệu tấn. Sản lượng của Vale tại Brazil tăng 2% lên 328 triệu tấn - mức cao nhất kể từ năm 2018. Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ và nhập khẩu quặng sắt lớn nhất thế giới, đã ghi nhận mức tăng 5% về nhập khẩu quặng sắt lên 1.237 triệu tấn trong năm 2024. Một số yếu tố thúc đẩy mức tăng:

Tình hình kinh tế vĩ mô được cải thiện vào nửa cuối năm 2024 do chính sách hỗ trợ đặc biệt thúc đẩy bất động sản và sản xuất, việc cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ tác động đến tâm lý mua hàng và gia tăng nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc.

Sản lượng thép thô của Trung Quốc, mặc dù có giảm nhẹ, nhưng vẫn tương đối ổn định trong suốt cả năm với tổng sản lượng là 929 triệu tấn, chỉ giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, lượng quặng sắt tồn kho tại các cảng của Trung Quốc đã tăng lên 143 triệu tấn trong năm 2024, từ mức 123 triệu tấn trong năm 2023.

TOP 10 QUỐC GIA XUẤT KHẨU QUẶNG 2024



Nguồn: BigMint

Theo dự báo từ S&P Global Market Intelligence; S&P Global Market Intelligence Global Trade Analytics Suite; Global Trade Tracker, thị trường quặng sắt sẽ đối mặt với suy thoái; giá sẽ chạm mức thấp nhất trong 6 năm vào năm 2025. Giá quặng sắt đang bước vào giai đoạn giảm liên tục, do nhu cầu ở Trung Quốc giảm và tình trạng dư cung ngày càng tăng. Ngành công nghiệp thép của Trung Quốc vẫn là ngành tiêu thụ lớn nhất; tuy nhiên, nhu cầu trong nước yếu, kết hợp với các biện pháp chống bán phá giá toàn cầu và thuế quan tiềm tàng của Hoa Kỳ, dự kiến sẽ làm giảm lượng quặng sắt nhập khẩu của Trung Quốc.

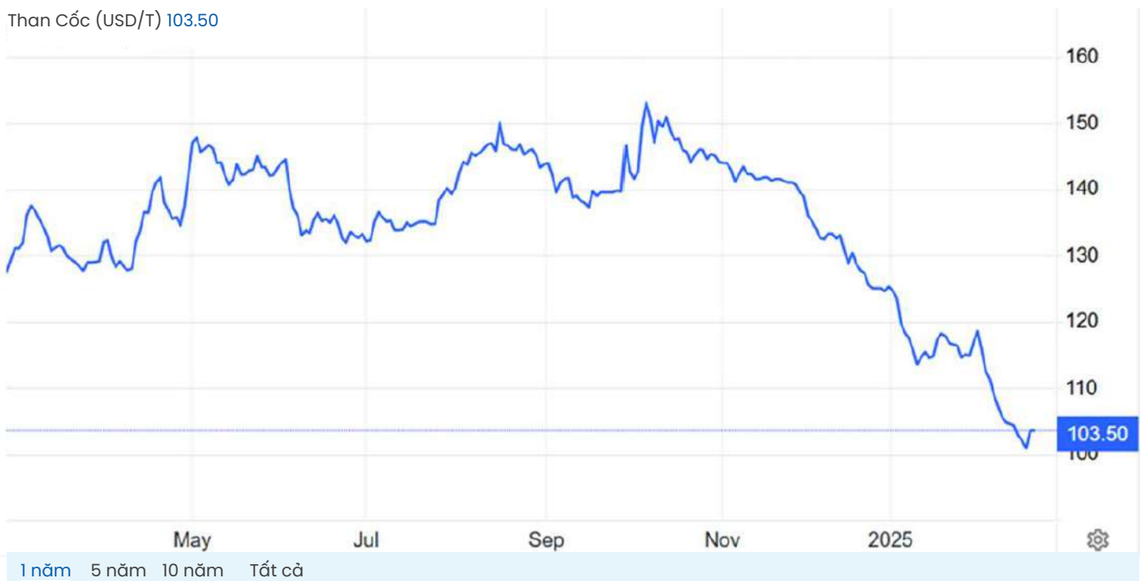


Nguồn www.tradingeconomics.com

b. THAN CỐC

Theo số liệu hải quan, tổng khối lượng xuất khẩu than cốc của Trung Quốc năm 2024 là 725.800 tấn, tăng 359.200 tấn so với năm 2023 và tăng 97,98% so với cùng kỳ năm trước. Theo số liệu hải quan, tổng khối lượng nhập khẩu than cốc của Trung Quốc năm 2024 là 121,895 triệu tấn, tăng 19,72% so với cùng kỳ năm trước theo SunSirs-China Commodity Data Group.

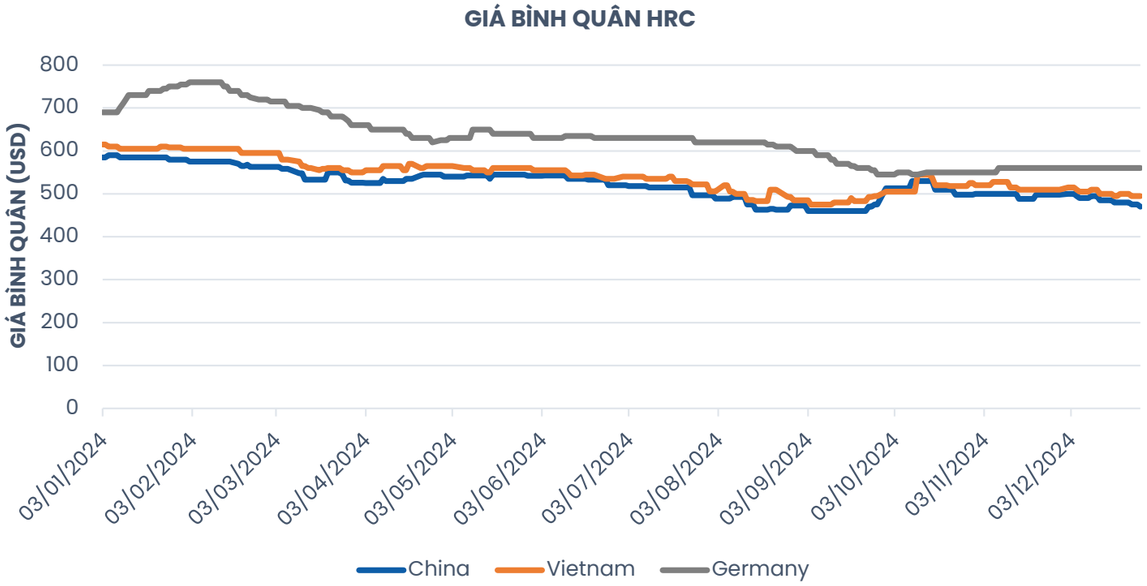
Dự báo thị trường 2025: Ngành thép đang đối mặt với chu kỳ đi xuống, nhu cầu bất động sản không cải thiện, tăng trưởng sản xuất chậm lại, dẫn đến nhu cầu chung của thị trường thép giảm. Do nhu cầu thép chậm dẫn đến các nhà máy thép cũng thận trọng trong việc sản xuất do vậy nhu cầu than cốc cũng giảm theo. Thị trường than cốc dự kiến sẽ phải đối mặt với tình trạng cung vượt cầu, sản lượng dự kiến khoảng 560 triệu tấn, trong khi mức tiêu thụ khó có thể vượt qua mốc 550 triệu tấn. Sản lượng tăng chủ yếu do sự phục hồi công suất khai thác của các mỏ quặng. Ngược lại, nhu cầu đang phải đối mặt với áp lực kép là tình trạng dư thừa công suất trong ngành than cốc và nhu cầu chậm chạp trên thị trường thép.



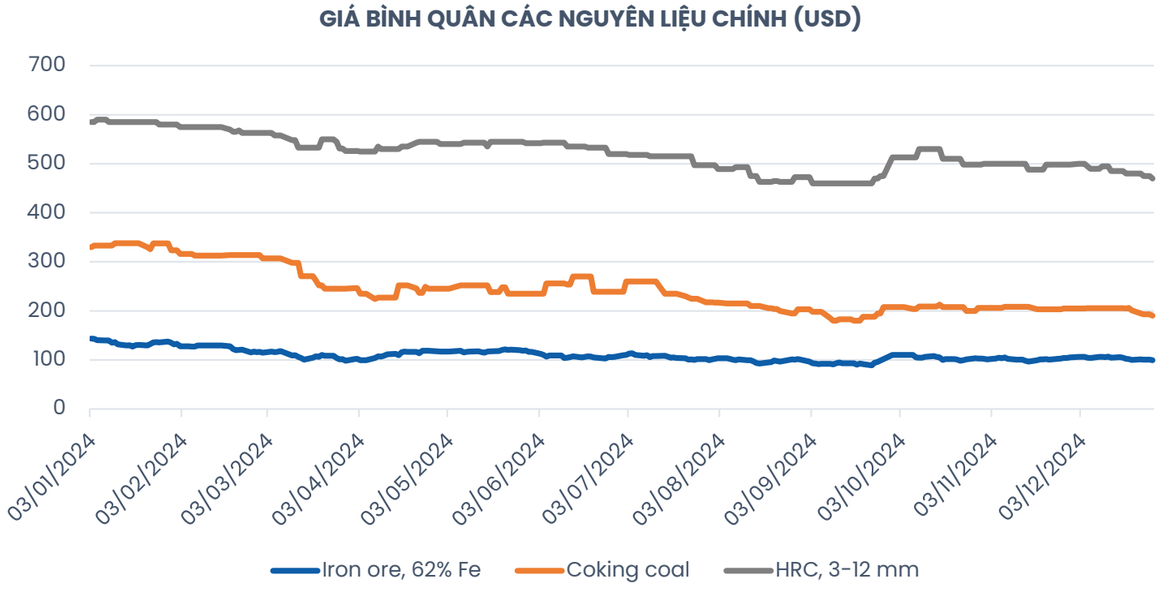
Nguồn www.tradingeconomics.com

c. HRC

Xuất khẩu thép của Trung Quốc đạt 110 triệu tấn vào năm 2024. Tỷ lệ sử dụng công suất thép toàn cầu đã giảm xuống dưới 75% vào đầu năm 2025, so với 77,3% vào quý 4 năm 2024, cho thấy tình trạng cung vượt cầu dai dẳng. Sự suy thoái của ngành bất động sản tại Trung Quốc chưa có dấu hiệu phục hồi đáng kể, vì vậy các nhà sản xuất lớn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức về thanh khoản. Điều này tạo áp lực buộc các nhà sản xuất Trung Quốc phải chuyển hướng xuất khẩu để giảm bớt gánh nặng dư thừa . Tại châu Âu, nhu cầu cơ bản vẫn yếu, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng và ô tô. Tổng thống Donald Trump thông báo về việc áp thuế 25% đối với tất cả thép nhập khẩu vào Hoa Kỳ điều này làm lượng thép dư thừa sẽ chảy về các thị trường khác như Châu Âu, Trung Đông và Nam Mỹ. Vì vậy, giá thép có khả năng khó phục hồi trong giai đoạn đầu năm 2025.



Nguồn: Metal Expert



Nguồn: Metal Expert

Xung đột Trung Đông (Israel-Hamas, Hezbollah, Houthi): Xung đột Israel-Hamas leo thang và sự tham gia của các chiến binh Hezbollah và Houthi vào cuối năm 2024 đã có tác động lan tỏa đến thị trường thép toàn cầu. Vì Trung Đông là khu vực chính xuất khẩu năng lượng và nguyên liệu thô, những xung đột này đã gây ra sự bất ổn về giá dầu và làm gián đoạn chuỗi cung ứng, dẫn đến chi phí sản xuất tăng đối với các nhà sản xuất thép. Giá thép ở các khu vực phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu đã chịu áp lực tăng theo đó.

Căng thẳng Syria và Triều Tiên: Bất ổn chính trị và xung đột ở Syria và Bán đảo Triều Tiên càng làm trầm trọng thêm các vấn đề về chuỗi cung ứng toàn cầu. Các khu vực này rất quan trọng đối với quá cảnh nguyên liệu thô và tài nguyên năng lượng, và sự gián đoạn ở đây đã dẫn đến chi phí cao hơn cho các nhà sản xuất thép trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Châu Á.

Khủng hoảng năng lượng và giá nguyên liệu thô: Khủng hoảng năng lượng đang diễn ra ở châu Âu và châu Á đã gây ra sự gián đoạn trong việc cung cấp các nguyên liệu thô chính cho sản xuất thép, chẳng hạn như than cốc và quặng sắt. Khi giá năng lượng tăng đột biến do hạn chế về nguồn cung và bất ổn địa chính trị, các nhà sản xuất thép phải đối mặt với chi phí đầu vào cao hơn, dẫn đến biến động giá. Mặc dù điều này có thể đẩy giá lên cao trong ngắn hạn, nhưng sự suy thoái kinh tế đã làm giảm nhu cầu chung.

3. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH THÉP

TÍCH HỢP TỰ ĐỘNG HÓA VÀ AI

Trí tuệ nhân tạo (AI): Các nhà sản xuất thép ngày càng áp dụng các thuật toán AI và Machine learning để tối ưu hóa quy trình sản xuất. AI được sử dụng để bảo trì dự đoán, kiểm soát chất lượng và cải thiện hiệu quả năng lượng. Bằng cách phân tích dữ liệu thời gian thực, các hệ thống AI đã giúp phát hiện các lỗi thiết bị tiềm ẩn trước khi chúng xảy ra, giảm thời gian chết và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Tự động hóa: Công nghệ robot và tự động hóa đã trở thành một phần không thể thiếu trong sản xuất thép, từ xử lý vật liệu đến quy trình hoàn thiện. Các hệ thống tự động trong lò cao và nhà máy cán đã cải thiện độ chính xác, tốc độ và độ an toàn, giảm chi phí lao động và lỗi của con người.

Cảm biến IoT: Cảm biến IoT được triển khai rộng rãi trong các nhà máy thép để giám sát và kiểm soát sản xuất theo thời gian thực. Các cảm biến này cung cấp dữ liệu có giá trị về nhiệt độ, áp suất và dòng vật liệu, cho phép các nhà sản xuất tối ưu hóa các thông số sản xuất và giảm thiểu chất thải.

Nhà máy thông minh: Khái niệm về nhà máy thông minh tiếp tục phát triển, nơi các thiết bị và hệ thống được kết nối với nhau giao tiếp liền mạch để cải thiện hiệu quả hoạt động. Dữ liệu thu thập được từ cảm biến IoT cho phép đưa ra quyết định năng động, tăng khả năng phản ứng của các nhà máy thép đối với nhu cầu của thị trường và sản xuất.

DỰ BÁO TRONG NĂM 2025

Dựa trên các sự kiện và xu hướng hiện tại, ngành thép năm 2025 có thể chịu ảnh hưởng của một số yếu tố chính sau:

1. CHUYỂN ĐỔI SANG SẢN XUẤT XANH

Các nhà sản xuất thép sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ giảm phát thải carbon, chẳng hạn như sản xuất thép dựa trên hydro hoặc sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất. Điều này được thúc đẩy bởi các quy định về môi trường ngày càng nghiêm ngặt và nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm bền vững.

2. TÁI CẤU TRÚC CHUỖI CUNG ỨNG

Căng thẳng địa chính trị và biến động thị trường toàn cầu buộc các công ty thép phải đa dạng hóa nguồn nguyên liệu thô và phát triển chuỗi cung ứng linh hoạt hơn để giảm thiểu rủi ro từ các cú sốc kinh tế.

3. TỰ ĐỘNG HÓA VÀ CÔNG NGHỆ SỐ GIA TĂNG

Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) sẽ tiếp tục được áp dụng để tối ưu hóa sản xuất, tăng cường quản lý hàng tồn kho và dự báo chính xác hơn nhu cầu thị trường.

4. BIẾN ĐỘNG LIÊN TỤC VỀ GIÁ NGUYÊN LIỆU THÉP THÔ

Năm 2025 có thể chứng kiến sự bất ổn về giá quặng sắt, than cốc và HRC do tác động của nền kinh tế toàn cầu, căng thẳng thương mại, sản lượng khai thác và chính sách bảo vệ môi trường ở các quốc gia khai thác lớn.

NGÀNH THÉP VIỆT NAM 2024

Thị trường thép Việt Nam năm 2024 đã cho thấy những tín hiệu phục hồi tích cực trong quý I, II, III và bắt đầu chậm lại trong quý IV. Chu kỳ ngành thép thường kéo dài 5 năm và tiếp tục trong pha tăng trưởng của chu kỳ từ năm 2022 – 2027 dựa trên tăng trưởng sản lượng tiêu thụ sản phẩm thép toàn ngành. Sau 2 năm tăng trưởng âm về sản lượng tiêu thụ so với cùng kỳ, ngành thép Việt Nam có một năm 2024 hồi phục 12,5% so với năm 2023.



Nguồn: Báo cáo VSA

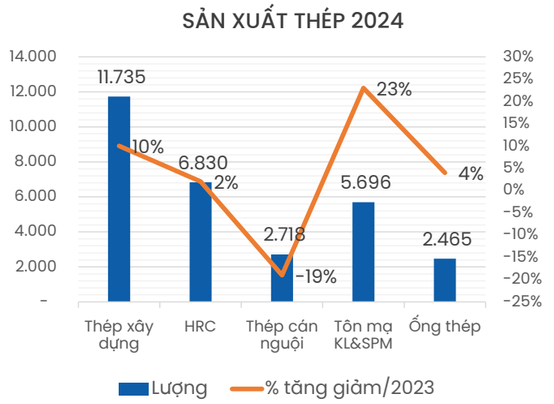
THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA SẢN LƯỢNG NGÀNH THÉP 2024

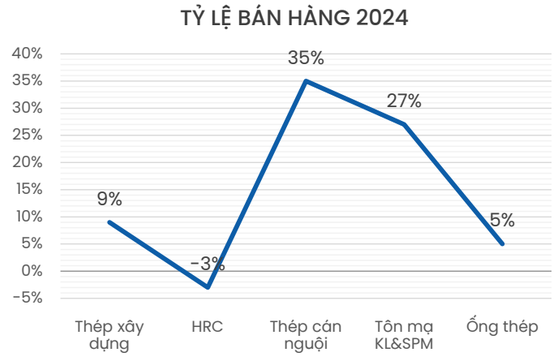
Theo báo cáo từ Hiệp hội Thép Việt Nam, sản lượng thép thô đạt 21,98 triệu tấn tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ thép nội bộ và xuất bán đạt 21,41 triệu tấn tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Sản xuất thép thành phẩm đạt 29,443 triệu tấn tăng 6,1% so với năm 2023. Trong đó, sản xuất thép tôn mạ kim loại & sơn phủ màu đạt cao nhất 23,1%, thép xây dựng tăng 10,1%, Ống tăng 3,5% và HRC 1,5%. Duy nhất, sản xuất cuộn cán nguội ghi nhận ở mức tăng trưởng âm 19,4%.

Bán hàng đạt 29,09 triệu tấn, tăng 10,4% so với năm 2023. Mức tăng trưởng ghi nhận hầu hết các mặt hàng trong đó; CRC tăng cao nhất 34,6%, tôn mạ 26,9%, thép xây dựng 9,3% và ống thép 5,5%, riêng thép cuộn cán nóng giảm 3,3% so với năm 2023. Xuất khẩu đạt 8.042 triệu tấn.

SẢN PHẨM	SẢN XUẤT	BÁN HÀNG
Thép XD	▲ 10,1%	▲ 9,3%
HRC	▲ 1,5%	▼ 3,3%
CRC	▼ 19,4%	▲ 34,6%
Tôn Mạ	▲ 23,1%	▲ 26,9%
Ống Thép	▲ 3,5%	▲ 5,5%

Nguồn: Báo cáo VSA





Nguồn: Báo cáo VSA, tháng 1/ 2025

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

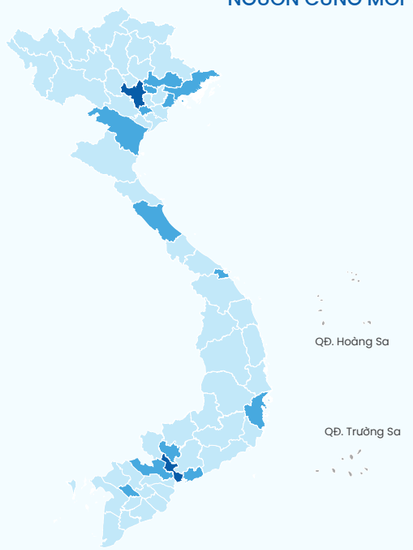
Theo Hội Môi giới bất động sản Việt Nam (VARS), thị trường bất động sản Việt Nam năm 2024 đã bước qua giai đoạn khó khăn nhất với nhiều kết quả phục hồi tích cực và vẫn đang bám sát tiến trình phục hồi cùng nhiều dư địa tăng trưởng trong tương lai nhờ các yếu tố hỗ trợ từ kinh tế vĩ mô, chính sách điều hành, nhu cầu thị trường.

Tính chung cả năm 2024, toàn thị trường ghi nhận khoảng gần 81.000 sản phẩm chào bán, tăng hơn 40% so với năm 2023. Trong đó, có 65.376 sản phẩm chào bán mới, gấp khoảng 3 lần so với năm 2023, nhưng mới chỉ bằng khoảng 7% so với năm 2018 - năm chưa xảy ra đại dịch. Riêng quý IV/2024, thị trường ghi nhận 28.000 sản phẩm chào bán mới, gấp 2 lần so với quý trước và gấp 4 lần cùng kỳ năm 2023. Đồng thời, Giá đất nền, đã tách thửa, pháp lý đầy đủ cũng phục hồi và tăng trưởng mạnh trong bối cảnh nguồn cung đất nền giảm do quy định "siết" phân lô bán nền. Vì vậy, thị trường xây dựng nhà ở của người dân phục hồi do giá vật liệu xây dựng ở mức thấp, tạo nhu cầu xây nhà ở cho người dân sau giai đoạn chờ đợi giá nguyên vật liệu giảm. Thị trường ấm dần và phục hồi sau thời gian leo thang ở mức đỉnh của nhiều bất động sản đóng băng trước đó. Do vậy, sự ấm lại của thị trường BĐS đang dần giải quyết các tồn đọng đối với phân khúc BĐS có sẵn hơn xây dựng mới nên chưa tạo bước tác động mạnh để đẩy thị trường thép đi lên.

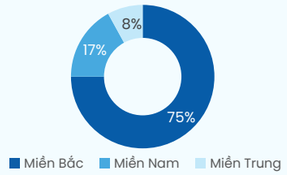
Nhìn chung, thị trường BĐS đã "khép lại" năm 2024 với kết quả phục hồi tích cực nhờ những bước tiến lớn trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý và sự quay đầu tại điểm rơi thấp. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những dấu hiệu khởi sắc ban đầu, sự phục hồi này vẫn chưa chắc chắn và bền vững do nhu cầu tiêu thụ không thực sự đột phá. Các dữ liệu phục hồi chủ yếu vẫn so sánh dựa trên mức nền thấp của năm ngoái. Nhìn trên phương diện tích cực, năm 2024 là một năm bản lề, là nền tảng tạo động lực cho thị trường BĐS phát triển trong năm 2025.



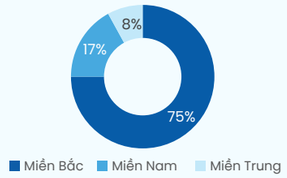
NGUỒN CUNG MỚI VÀ LƯỢNG GIAO DỊCH NỔI BẬT TRONG NĂM



Tỷ lệ nguồn cung mới



Tỷ lệ hấp thụ



Miền Bắc:

- TP. Hà Nội
- TP. Hải Phòng
- Tỉnh Quảng Ninh
- Tỉnh Bắc Giang
- Tỉnh Hưng Yên
- Tỉnh Hà Nam

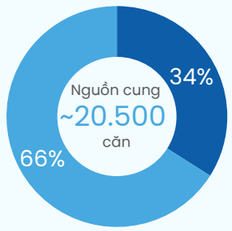
Miền Trung:

- TP. Đà Nẵng
- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Quảng Bình
- Tỉnh Khánh Hòa

Miền Nam:

- TP. Hồ Chí Minh
- Tỉnh Bình Dương
- Tỉnh Long An
- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- TP. Cần Thơ

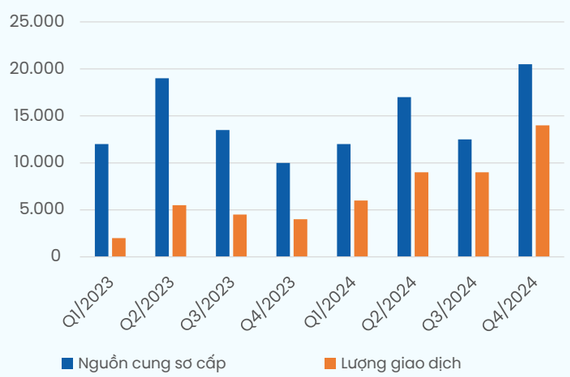
Q4/2024



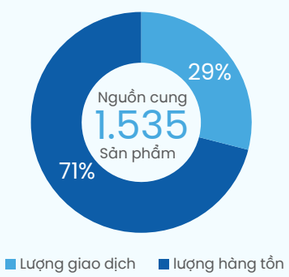
Tăng
62%
so với Q3/2024

Tỷ lệ hấp thụ
73%

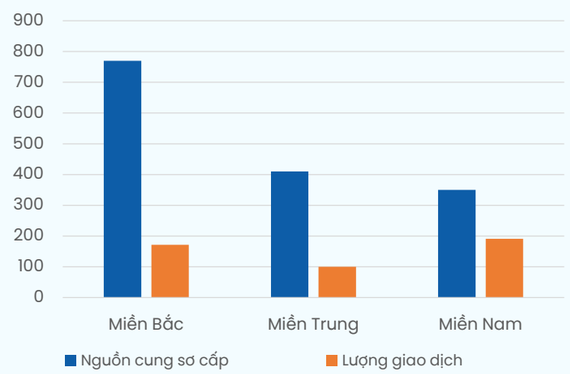
Nguồn cung sơ cấp và lượng giao dịch theo quý



Nguồn cung sơ cấp và lượng giao dịch Q4/2024



Nguồn cung sơ cấp và lượng giao dịch theo miền



Nguồn dữ liệu từ BHS group

BỨC TRANH ĐẦU TƯ FDI & ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỂM SÁNG NĂM 2024

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến hết năm 2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 38,23 tỷ USD. Đáng chú ý, vốn FDI thực hiện năm 2024 lập kỷ lục vượt 25 tỷ USD. Theo đó, 3.375 dự án đăng ký mới được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 19,73 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 7,6% về số vốn đăng ký. Đặc biệt, loạt dự án hạ tầng trọng điểm như cao tốc Bắc-Nam, các tuyến Đông-Tây, và các dự án cảng biển lớn như Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh) và Nam Đồ Sơn (Hải Phòng) sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy nhu cầu thép. Bức tranh đầu tư FDI năm 2024 là điểm sáng rất tích cực, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế và triển vọng rộng mở cơ hội thu hút FDI thế hệ mới trong năm 2025.

Trong bối cảnh chiến tranh thương mại đang diễn biến phức tạp giữa các siêu cường quốc giới trên thế giới chuyên gia đầu ngành dự báo, làn sóng đầu tư sẽ bùng nổ trở lại trong năm 2025, khi các doanh nghiệp FDI đã và đang mở rộng dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam. Đây được xem như cơ hội cũng như những thách thức để Việt Nam chuyển sang giai đoạn tăng tốc, thu hẹp và đuổi kịp sự phát triển của các nước lớn trong khối ASEAN, các nước phát triển trên thế giới, góp phần nâng cao sức cạnh tranh để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu trở thành điểm đến của dòng vốn FDI mới trên toàn cầu.

CẠNH TRANH "KHỦNG HOẢNG THỪA" TỪ TRUNG QUỐC

Ngành thép Việt Nam bị chi phối rất lớn bởi ngành thép của Trung Quốc. Hiện quốc gia này đang phải vật lộn với cuộc khủng hoảng thừa thép và ngành công nghiệp khổng lồ của nước này đang trên đà thoái trào, giá thép liên tục lao dốc về mức đáy nhiều năm. Do đó, nước ta khó có thể tránh khỏi những tác động tiêu cực như một "hiệu ứng domino". Hơn thế, việc nước này liên tục đẩy mạnh xuất khẩu thép giá rẻ gây rất nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp nội địa trong việc giữ thị phần.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU "NGỌN ĐUỐC" 2024 "NGỌN ĐÈN MỜ" 2025

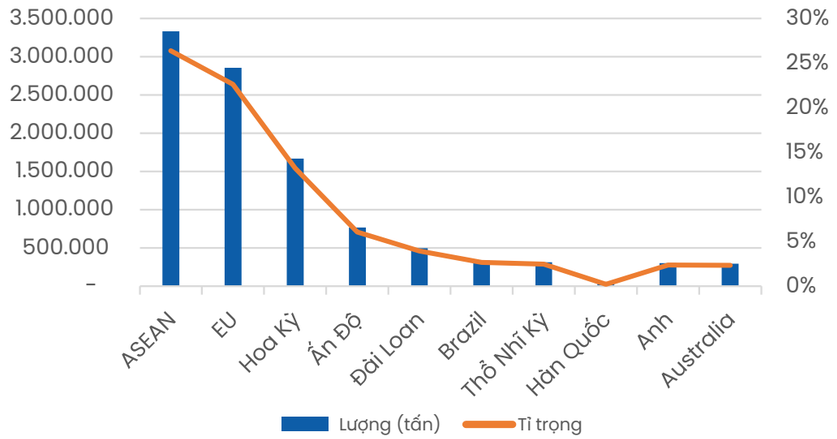
Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Thép Việt Nam, Việt Nam đã xuất khẩu 12,62 triệu tấn thép tăng 13,47% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu đạt 9,08 tỷ USD tăng 8,78% so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024 có thể nói là năm xuất khẩu thuận lợi cho tất cả các nhà sản xuất thép Việt Nam, sản lượng và lợi nhuận đạt được của xuất khẩu năm 2024 giúp các nhà máy thép vượt qua khó khăn năm 2023.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong năm 2024: khu vực Asean (26,39%), khu vực EU (22,63%), Hoa Kỳ (13,23%), Ấn Độ (6,09%) và Đài Loan (3,95%).

Bên cạnh đó, Thị trường xuất khẩu đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do vấp phải các vụ kiện phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ mà thị trường nhập khẩu dựng lên vào cuối năm 2024, đầu năm 2025. Đáng nói, những vụ kiện này hầu hết xảy ra ở các thị trường xuất khẩu thép chủ lực của nước ta như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, các nước khác trong khu vực Đông Nam Á.

Với những thách thức này, ngành thép nước ta khó có thể đạt được sự bứt phá mạnh mẽ trong ngắn hạn và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì trạng thái trầm lắng, ít nhất là trong nửa đầu năm tới. Nhưng xét về mặt cơ hội thì đây có thể coi là thời gian để ngành thép Việt Nam nỗ lực cải thiện và tìm kiếm hướng đi bền vững hơn trong tương lai.

TOP 10 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU THÉP CỦA VIỆT NAM 2024



Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA CÓ THỂ LÀ ĐIỂM TỰA CỦA XUẤT KHẨU 2025

Với mục tiêu GDP 2025 tăng trưởng trên 8% tại phiên bế mạc kỳ họp bất thường lần thứ 9 diễn ra vào sáng nay (19/2/2025) , đầu tư công sẽ là lĩnh vực chủ chốt giúp góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế, điều này tạo áp lực lên tiến độ thi công của các dự án chậm tiến độ, đặc biệt là khi kế hoạch giải ngân đã được thông qua. Theo FPTS, tăng trưởng thực giá trị xây dựng dân dụng (mảng tiêu thụ thép lớn nhất) được dự báo tăng tốc trong năm 2025 với mức tăng 8,2% (tăng so với mức dự kiến thực hiện 7,2% năm 2024). Trong đó, mảng xây dựng dân dụng nhà để ở và không để ở dự báo tăng trưởng lần lượt là 4,0% và 13,8% so với cùng kỳ. Ngành xây dựng dân dụng dự báo tăng tốc trong năm 2025. Tuy nhiên, cung cầu tại thị trường nội địa đang mất cân bằng nên dự báo khó khan vẫn tiếp tục duy trì và đè nặng lên thị trường nội địa.

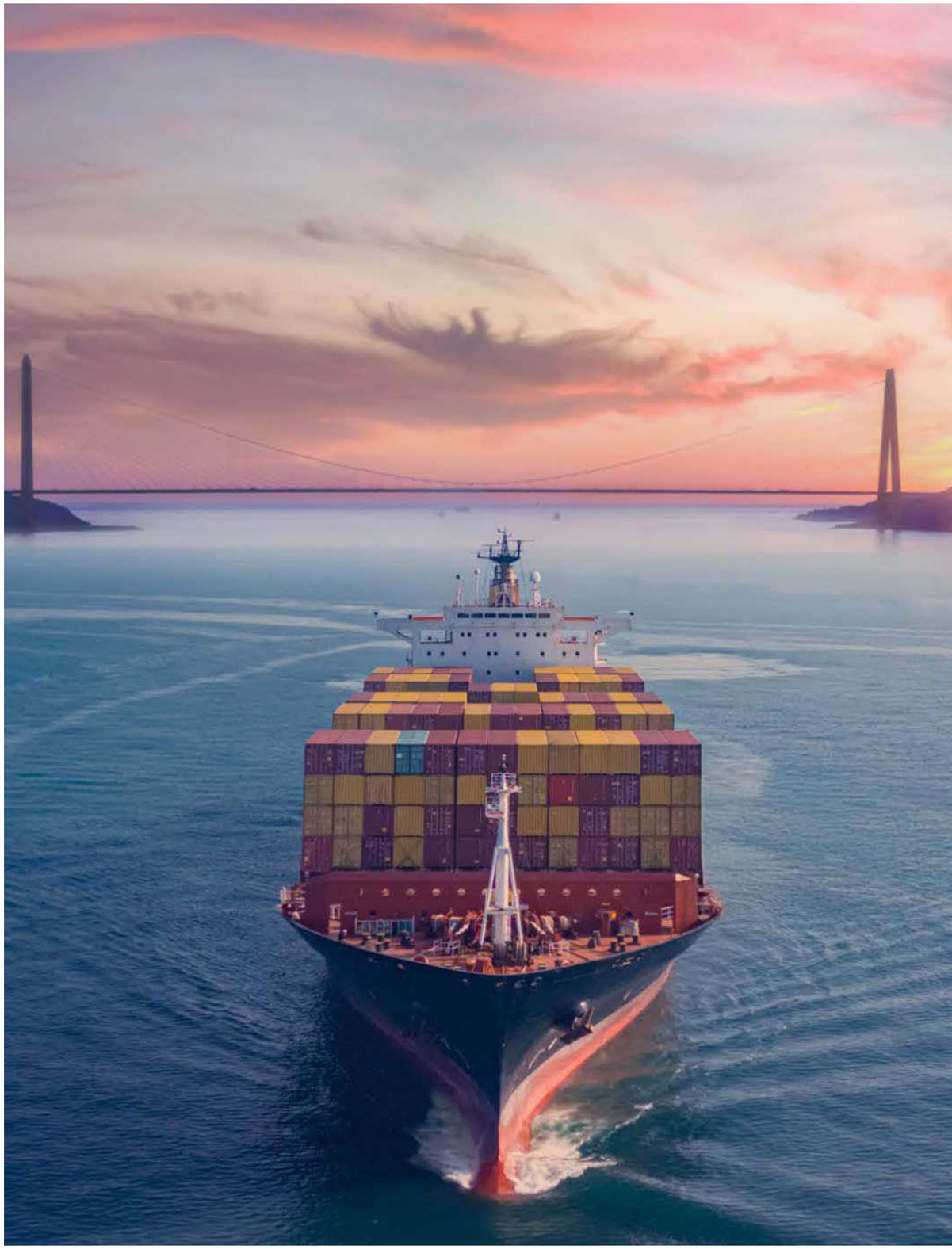
KHÓ KHĂN THÁCH THỨC CỦA NGÀNH THÉP CŨNG NHƯ TRIỂN VỌNG 2025

Trong năm 2025, dư báo tình hình kinh tế thế giới vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong trung hạn dù triển vọng toàn cầu đã có sự cải thiện:

- Thế giới vẫn tiếp diễn các cuộc chiến tranh, tình hình an ninh căng thẳng;
- Nguy cơ xảy ra cuộc chiến thương mại toàn cầu; đặc biệt chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể gây tổn thất lớn cho kinh tế thế giới;
- IMF dự báo tăng trưởng năm 2025 bị điều chỉnh giảm 0,1 điểm % xuống còn 3,2%;
- Thị trường tài chính, các kênh đầu tư như vàng hay chứng khoán còn biến động do bất ổn địa chính trị.

ĐỒNG THỜI, TRIỂN VỌNG KINH TẾ – XÃ HỘI VIỆT NAM CÓ NHIỀU ĐIỂM SÁNG:

- Lạm phát vẫn sẽ trong tầm kiểm soát;
- Tình hình xuất khẩu và thu hút FDI có tốc độ tăng trưởng tích cực khi Việt Nam đón nhận dòng vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ cao và bán dẫn;
- Cơ sở hạ tầng đang ngày càng được đầu tư và hoàn thiện (nhất là đường bộ cao tốc);
- Đầu tư công và chi chính sách hỗ trợ phát triển nhờ thu ngân sách nhà nước trong năm 2024 tăng mạnh;
- Sáp nhập, tinh giản bộ máy góp phần tạo lập một môi trường kinh doanh lành mạnh;
- Thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi rõ rệt, một số luật được ban hành trong năm 2024 (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Đấu thầu) sẽ giúp hình thành khung thể chế tốt hơn cho phát triển kinh tế.



TÔN NAM KIM 2024



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khép lại năm 2024, nền kinh tế thế giới vẫn giữ nhịp tăng trưởng nhưng phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp. Trong đó, thị trường thép Việt Nam sau giai đoạn đầu năm tăng trưởng tốt thì giá thép cuộn cán nóng (HRC) tiếp tục biến động giảm gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất thép dẹp (CRC, tôn mạ, ống thép,...) khi có thể phải thực hiện trích lập giảm giá hàng tồn kho, gây ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp. Theo VSA, giá HRC trung bình năm 2024 đạt mức 513,9 USD/tấn, giảm 11,3% so với cùng kỳ.

Vững vàng trước nhiều thách thức từ nền kinh tế vĩ mô nói chung và từ ngành thép nói riêng, Tôn Nam Kim đã thể hiện sự linh hoạt trước những biến động của thị trường và phát huy năng lực nội tại để thực hiện kế hoạch đề ra. Kết thúc năm tài chính 2024, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tôn Nam Kim tiếp tục duy trì được nhịp tăng trưởng. Tổng doanh thu của Công ty đạt 20.707 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ và hoàn thành 98,6% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 558 tỷ đồng, tăng 214,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 132,8% kế hoạch đề ra.

Trong bối cảnh áp lực từ chênh lệch tỷ giá và giá cước vận chuyển leo thang. Tính chung cả năm 2024, Tôn Nam Kim vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực. Khi quản lý chặt chẽ giá vốn tương ứng với sản lượng tiêu thụ hợp lý, chỉ tăng 7,4% so với cùng kỳ, do sản lượng sản xuất tăng làm cho chi phí sản xuất bình quân giảm. Nhờ đó, biên độ lợi nhuận gộp được cải thiện, tăng 64,7% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 453 tỷ đồng, tăng ấn tượng 285,8% so với cùng kỳ.

Đối diện với nhiều áp lực cạnh tranh từ thị trường, nhưng tổng sản lượng bán hàng tôn mạ và ống thép năm 2024 của Tôn Nam Kim đạt 1,02 triệu tấn, tăng 18,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 102,3% kế hoạch đề ra. Sản lượng bán hàng mảng tôn mạ đạt 892.252 tấn, tăng 23,5% so với cùng kỳ, đồng thời tiếp tục giữ vững vị trí là một trong ba doanh nghiệp đứng đầu về thị phần tôn mạ trên toàn quốc. Sản lượng bán hàng mảng ống thép đạt 130.542 tấn, giảm 5,9% so với cùng kỳ.

TỔNG KẾT NĂM 2024, TÔN NAM KIM CÓ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦY KHỞI SẮC ĐẾN TỪ NHIỀU NGUYÊN NHÂN, TRONG ĐÓ:

- Hệ thống quản trị vận hành tích hợp nền tảng ERP – SAP S/4 HANA được tối ưu hóa, đảm bảo sản xuất ổn định, giảm hao phí và nâng cao năng suất lao động .

- Quản trị hàng tồn kho hiệu quả, theo dõi sát sao, tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giúp biên lợi nhuận gộp được cải thiện.

- Tận dụng lợi thế thị trường và hệ thống phân phối phong phú; phương án kinh doanh linh hoạt, chính sách tiếp thị hiệu quả; danh mục sản phẩm đa dạng mang đến cho khách hàng giải pháp toàn diện và chất lượng cao.

- Tận dụng cơ hội từ nhu cầu phục hồi của thị trường để đẩy mạnh chiến lược phân phối trên cả thị trường nội địa và xuất khẩu, trong đó tỷ trọng xuất khẩu trong tổng doanh thu chiếm 64,8%, tương ứng với 13.409 tỷ đồng, tăng 17,7% so với cùng kỳ.

Năm 2025, Tôn Nam Kim định hướng các mục tiêu sản xuất kinh doanh thích ứng với tình hình thực tiễn, chú trọng quản trị rủi ro, tập trung phát triển thị trường gắn liền với tăng trưởng bền vững. Đồng thời, tập trung triển khai Dự án trọng điểm - Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Tầm nhìn đến năm 2027, hướng đến sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp, ô tô và đồ gia dụng.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Thực hiện 2024/ Kế hoạch 2024 (%)	Tăng/giảm 2024/2023 (%)
Tổng sản lượng	Tấn	1.000.000	861.228	1.022.794	102,3%	18,8%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	21.000	18.621	20.707	98,6%	11,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	420	177	558	132,8%	214,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	117	453	-	285,8%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

1.515

CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Tôn Nam Kim có tổng số lượng người lao động đang làm việc là 1.515 cán bộ công nhân viên. Do đặc tính ngành nghề, số lượng nam giới chiếm đa số với hơn 90% tổng số lượng người lao động. Tôn Nam Kim nhận thức được rằng nguồn nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền lợi ích an sinh cho người lao động, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội.

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NĂM 2024:

• Thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực, luân chuyển của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty.

• Công tác tuyển dụng lao động tiếp tục được đầu tư hợp lý và minh bạch khách quan với các điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, cách thức tổ chức phù hợp đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo lựa chọn được đội ngũ lao động chất lượng, phù hợp với yêu cầu công tác.

• Thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và duy trì các hoạt động đào tạo sản phẩm, về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ cho người lao động theo từng giai đoạn. Đặc biệt, chú trọng việc đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đúng các nguyên tắc phòng cháy chữa cháy, đặc biệt là người lao động trực tiếp sản xuất.

• Nghiên cứu các chế độ chi trả tiền lương, thu nhập và thực hiện các chính sách đãi ngộ về lương, thưởng tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động.

• Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

DỰ ÁN NHÀ MÁY THÉP TẤM LỢP NAM KIM PHÚ MỸ

Diện tích: 32,7 ha.

Sản phẩm: PO, CRC, tôn mạ lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu.

Địa điểm: Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ (gọi tắt là **"Dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ"**) do Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ làm chủ đầu tư dự án. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Tổng vốn đầu tư dự án giai đoạn 1 là 4.500 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được thiết kế với công suất mạ là 400.000 tấn/năm, khi đi vào vận hành 100% giúp nâng tổng công xuất mạ của Tôn Nam Kim lên 1,5 triệu tấn/năm.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với mục đích: Góp vốn vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ để đầu tư dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Tại thời điểm thực hiện Báo cáo thường niên năm 2024, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã hoàn thành việc góp vốn là toàn bộ số tiền thu được sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo đúng phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục tiêu dự án tập trung phân phối, tiêu thụ các sản phẩm phân khúc tôn mạ cao cấp hiện còn đang bỏ trống bởi các nhà sản xuất trong nước do hạn chế về công nghệ, chi phí đầu tư lớn và nguồn cung cấp chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu, được ứng dụng trong các sản phẩm điện tử gia dụng, linh phụ kiện cho ngành công nghiệp ô tô và các ngành cơ khí phụ trợ khác, mở rộng phân khúc cao hơn cho thị trường xây dựng, cũng như phát triển đa phân khúc cho các sản phẩm bán thành phẩm cho các ngành dịch chuyển từ các nước phát triển sang Việt Nam. Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ định hướng tỷ trọng xuất khẩu chiếm tỷ lệ 60% khi đi vào vận hành và nâng dần tỷ trọng xuất khẩu lên 80% sau thời gian 5 năm đi vào hoạt động. Hiện tại, tiến độ dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý, đang triển khai xây dựng và dự kiến đi vào hoạt động từ năm 2026.

CÔNG SUẤT HÀNG MẠ (GIAI ĐOẠN 1)

400.000 TẤN

NGÀNH HÀNG MỤC TIÊU:

Xây dựng, điện tử gia dụng, linh phụ kiện cho ngành công nghiệp ô tô, nội thất và các ngành cơ khí phụ trợ khác.



LỢI THẾ:

- Gần cảng biển, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa, giảm thiểu chi phí logistic, nâng cao vị thế cạnh tranh.

- Đội ngũ nhân viên kinh nghiệm lâu năm trong ngành mạ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong thời gian ngắn, trước các đối thủ cùng ngành.

- Định hình rõ sản phẩm rút ngắn thời gian thử nghiệm, cung ứng trong giai đoạn đầu của nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

CƠ HỘI:

- Chuyển mình sang phân khúc chất lượng cao, định hình và nâng cao vị thế thương hiệu trong nước, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu với mức giá cao.

- Các khu vực như Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Mỹ Latinh đang trải qua quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng, dẫn đến chi tiêu của người tiêu dùng cho các thiết bị gia dụng, công nghiệp ô tô tăng lên.

- Chiến tranh thương mại hỗ trợ dịch chuyển ngành hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam

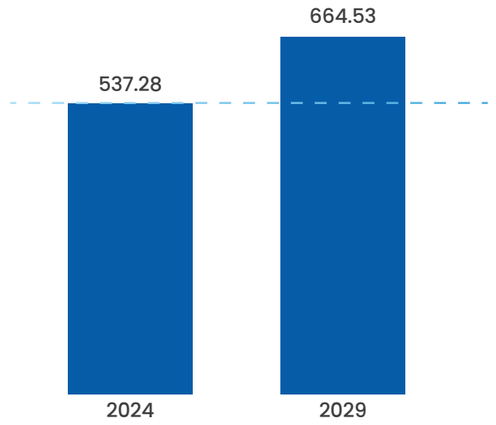
THÁCH THỨC:

Tham gia vào ngành hàng mới nên có độ trễ khi mở rộng thị trường.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH HÀNG MỤC TIÊU

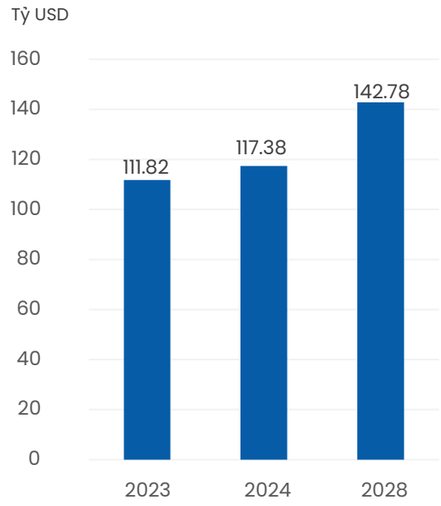
THỊ TRƯỜNG THIẾT BỊ GIA DỤNG

Quy mô thị trường (USD Billion)
Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm: 4.34%



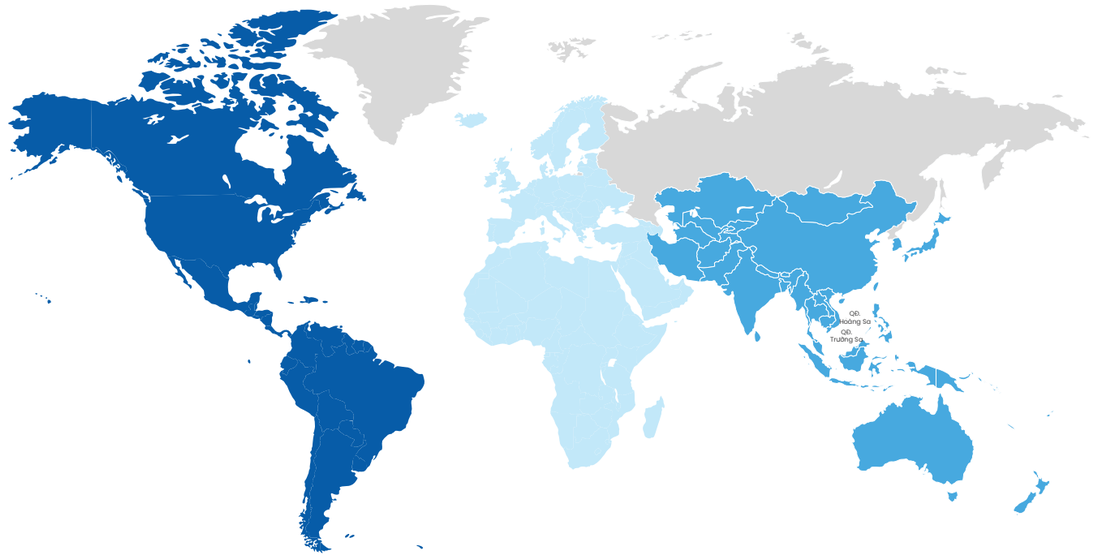
Nguồn: Mordor Intelligence

THỊ TRƯỜNG THÉP Ô TÔ TOÀN CẦU



Nguồn: Mordor Intelligence

THỊ TRƯỜNG THIẾT BỊ GIA DỤNG: TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG DỰ BÁO TRONG NĂM NĂM TỚI, THEO KHU VỰC



Nguồn: Mordor Intelligence

3.2 CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM

Địa chỉ	Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp	79.000.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim	100% (Tại ngày 31/12/2024)

Năm 2024, Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam ghi nhận tổng doanh thu đạt 992 tỷ đồng, giảm 21,5% so với cùng kỳ. Nhưng đã có mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đáng kể, đạt 4 tỷ đồng, cải thiện tích cực so với cùng kỳ. Tình hình tài chính luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM CHU LAI

Địa chỉ	Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp	37.550.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim	100% (Tại ngày 31/12/2024)

Đến ngày 31/12/2024, Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM

Địa chỉ	Lô A-5F-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp	138.420.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim	100% (Tại ngày 31/12/2024)

Đến ngày 31/12/2024, Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

Địa chỉ	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.
Vốn điều lệ thực góp	500.000.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024)
Tỷ lệ sở hữu của Tôn Nam Kim	100% (Tại ngày 31/12/2024)

Đến ngày 31/12/2024, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

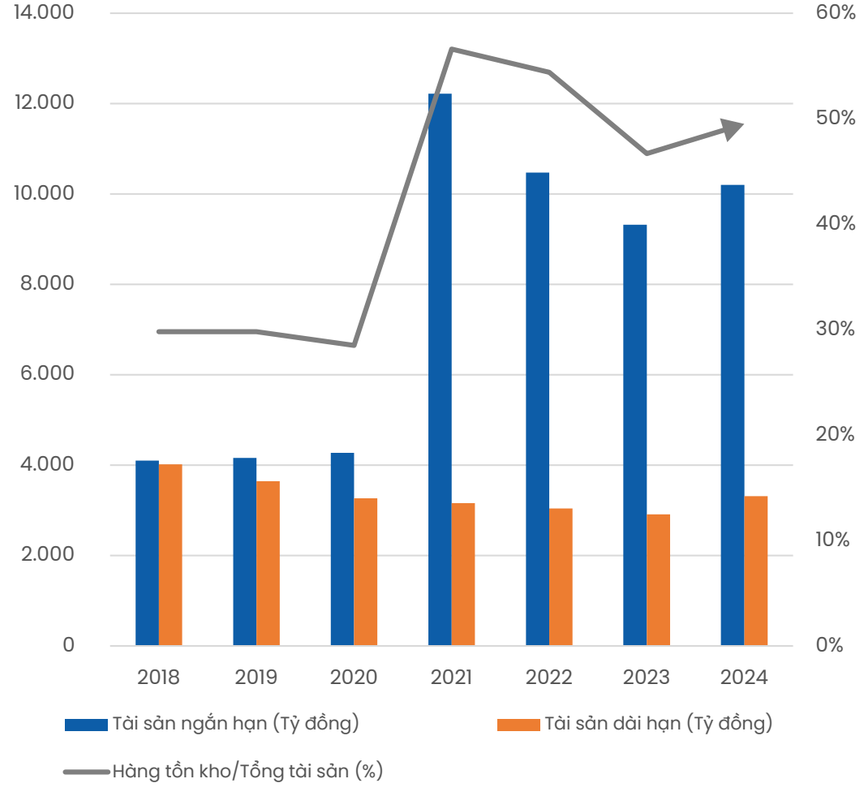
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2024, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Tôn Nam Kim được quản lý chặt chẽ và an toàn, khi hệ số thanh toán ngắn hạn luôn duy trì ổn định trên mức trên 1 (một) lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2024 lần lượt là 1,34 lần và 0,46 lần. Tỷ lệ hàng tồn kho trên tổng tài sản tăng nhẹ ở mức 49,5% trong năm 2024 (so với mức 46,7% trong năm 2023). Với chiến lược gia tăng sức khỏe tài chính nội tại, Tôn Nam Kim hiện nay gần như không còn nợ dài hạn, với số dư chỉ còn 26 tỷ đồng. Đặc biệt, để hỗ trợ vốn cho dự án đầu tư Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Tôn Nam Kim đã thông qua kế hoạch huy động vốn bằng hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu tài chính của Tôn Nam Kim vẫn duy trì ổn định, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và lợi ích cho cổ đông. Năm 2024, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,57 lần và 1,30 lần, không có thay đổi đáng kể so với cùng kỳ. Đồng thời, vốn góp của chủ sở hữu đạt 3.159 tỷ đồng, do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Vốn chủ sở hữu năm 2024 đạt 5.871 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên mức 2.171 tỷ đồng, chiếm 37% vốn chủ sở hữu.

TƯƠNG QUAN GIỮA TÀI SẢN NGẮN HẠN, TÀI SẢN DÀI HẠN VÀ HÀNG TỒN KHO



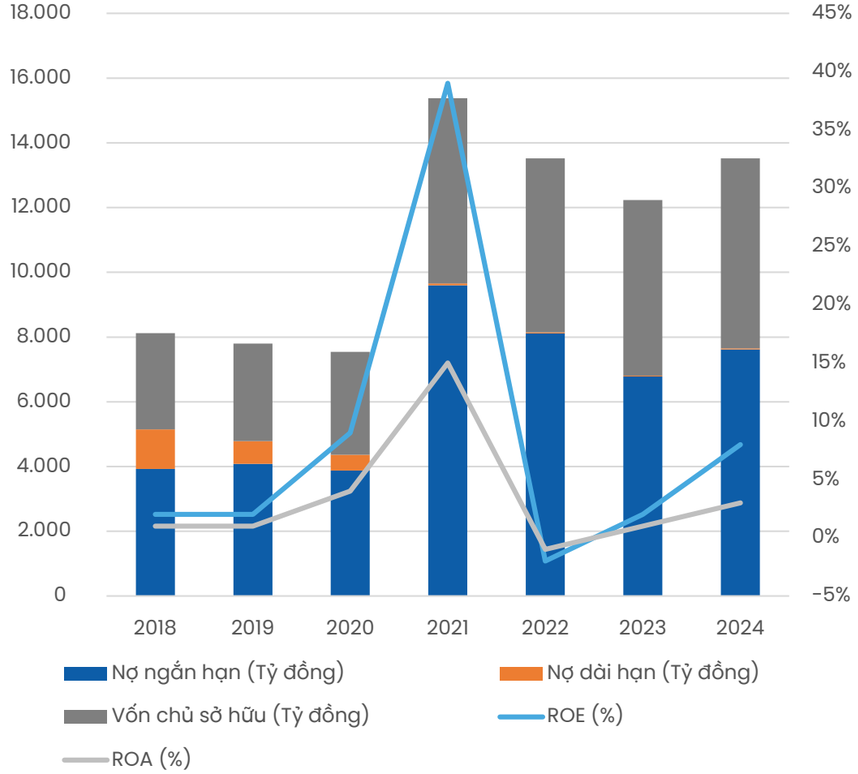
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Tôn Nam Kim được theo dõi và điều chỉnh hợp lý, để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng. Năm 2024, vòng quay hàng tồn kho tăng ở mức 3,03 lần, tương ứng giảm 13 ngày so với số ngày quay vòng hàng tồn kho cùng kỳ. Các khoản phải thu vẫn duy trì thanh khoản hợp lý dự trên chiến lược ưu đãi cho các đại lý có tốc độ thanh toán tốt. Tốc độ quay vòng tổng tài sản tăng từ mức 1,45 lần năm 2023 lên mức 1,60 lần năm 2024, cho thấy việc quản trị hàng tồn kho hiệu quả và tối ưu hóa nguồn vốn đã giúp doanh thu thuần của Tôn Nam Kim ghi nhận mức tăng trưởng tích cực là 20.609 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế đạt 558 tỷ đồng, tăng gấp 2,14 lần so với cùng kỳ.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nhờ gia tăng sản lượng bán hàng và kiểm soát giá vốn hàng bán phù hợp, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tôn Nam Kim năm 2024 đã cải thiện tích cực. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (ROS) năm 2024 tăng lên mức 2,2%, so với cùng kỳ là 0,63%. Đồng thời, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) đều tăng trưởng tốt trong năm 2024, lần lượt đạt 7,71% và 3,35% (so với 2,16% và 0,95% trong năm 2023). Mặc dù, giá cước vận chuyển biến động mạnh vào cuối năm 2024, nhưng với việc tiết kiệm các chi phí vận hành hiệu quả, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ổn định là 2,70%, so với cùng kỳ là 0,95%.

CƠ CẤU NỢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU, ROE VÀ ROA



Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	12.235.401	13.519.085	10,5%
Doanh thu thuần	18.595.974	20.609.022	10,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	177.072	557.452	214,8%
Lợi nhuận khác	238	717	200,6%
Lợi nhuận trước thuế	177.310	558.169	214,7%
Lợi nhuận sau thuế	117.408	453.008	285,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Đơn vị: lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn *[Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn]*	1,37	1,34
Hệ số thanh toán nhanh *[(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]*	0,53	0,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (Đơn vị: lần)		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,56	0,57
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,26	1,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Đơn vị: vòng)		
Vòng quay hàng tồn kho *[Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]*	2,75	3,03
Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	1,45	1,60
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (Đơn vị: %)		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,63%	2,20%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,16%	7,71%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,95%	3,35%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,95%	2,70%

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ngành thép Việt Nam năm 2024 vượt lên trên thách thức với nhiều dấu ấn đáng nhớ trong bối cảnh tình hình chung của toàn cầu rất khó khăn. Ban Tổng giám đốc (BTGĐ) nhận thức rõ các rủi ro, đánh giá kỹ lưỡng những biến động từ thị trường cùng với định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị (HĐQT). Đồng thời, điều hành hoạt động sản xuất linh hoạt với thực tiễn, chủ động bứt phá để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra và tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị gia tăng của ngành thép. Kết thúc năm 2024, Tôn Nam Kim đã gặt hái được thành quả quan trọng trên khía cạnh như sau:

- Tối ưu sản lượng sản xuất phù hợp với diễn biến của thị trường;
- Hoạt động kinh doanh tăng trưởng theo mô hình kinh tế bền vững;
- Cơ cấu tài chính lành mạnh và tạo nền tảng vững chắc trong tương lai;
- Nghiên cứu phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm tôn mạ;
- Đảm bảo phúc lợi cho người lao động gắn với trách nhiệm xã hội.

Năm 2024, thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, tác động đến quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Tôn Nam Kim. Nhưng với quyết tâm, sự tập trung điều hành hiệu quả của BTGĐ với sự chỉ đạo thường xuyên của HĐQT. Qua đó, Tôn Nam Kim đã vượt khó giữ đà tăng trưởng và hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Tổng sản lượng bán hàng năm 2024 đạt 1,02 triệu tấn, tăng 18,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 102,3% kế hoạch đề ra. Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép của Tôn Nam Kim lần lượt đạt 892.252 tấn, tăng 23,5% so với cùng kỳ và 130.542 tấn, giảm 5,9% so với cùng kỳ.

Về kết quả kinh doanh, Tôn Nam Kim ghi nhận tổng doanh thu năm 2024 đạt 20.707 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ và hoàn thành 98,6% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 558 tỷ đồng, tăng 214,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 132,8% kế hoạch đề ra. Nhờ vào việc quản lý hàng tồn kho hiệu quả, kiểm soát chi phí được thắt chặt và tận dụng tốt cơ hội từ diễn biến giá thép trên thị trường giúp biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 giữ nhịp tăng trưởng ổn định là 2,70%, so với năm 2023 là 0,95% và lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 453 tỷ đồng, tăng ấn tượng 285,8% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2024/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.621.212	20.707.517	11,2%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.595.974	20.609.022	10,8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.112.263	1.831.773	64,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	177.072	557.452	214,8%
Lợi nhuận trước thuế	177.310	558.169	214,8%
Lợi nhuận sau thuế	117.408	453.008	285,8%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	263.277.806	315.931.978	20,0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	357	1.434	-

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

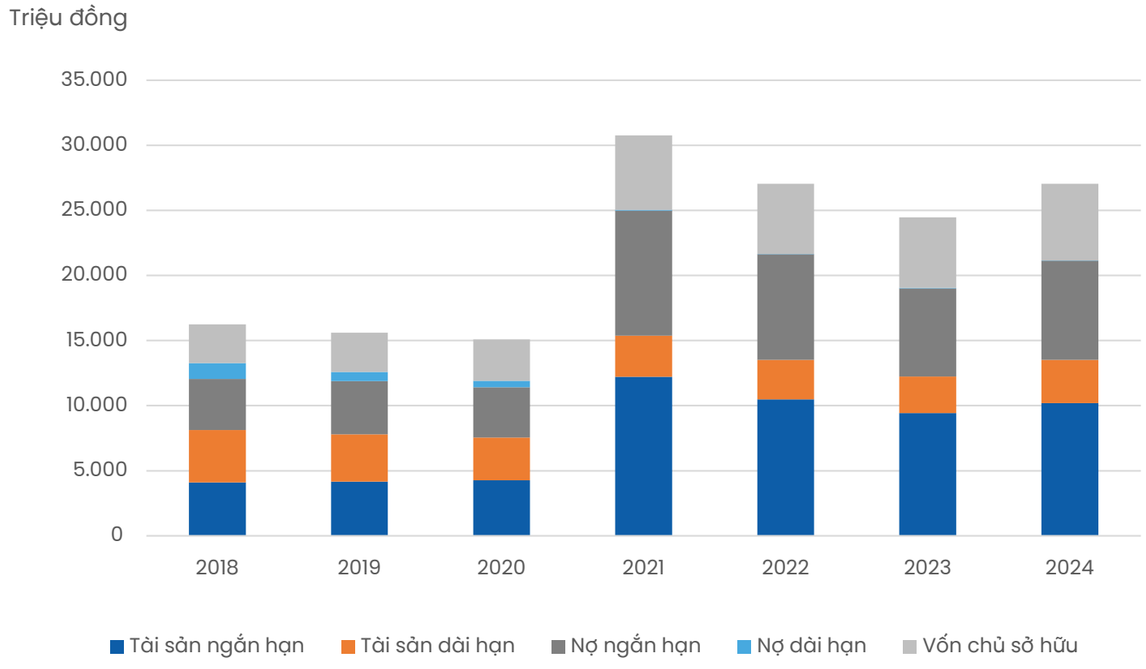
2.1 VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2024, tổng tài sản của Tôn Nam Kim đạt 13.519 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 10.202 tỷ đồng, chiếm 75,5% tổng tài sản. Trong đó, lượng hàng tồn kho năm 2024 có điều chỉnh tăng lên mức phù hợp là 6.690 tỷ đồng, chiếm 49,5% tổng tài sản, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng. Dưới sự biến động của giá HRC có xu hướng giảm, đặc biệt trong nửa cuối năm 2024, gây áp lực lên các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước, Tôn Nam Kim vẫn tiếp tục duy trì mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 130 tỷ đồng. Với chính sách công nợ hợp lý, Tôn Nam Kim đã giảm mức phải thu ngắn hạn của khách hàng xuống còn 1.129 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ và hiệu quả sử dụng tài sản được tăng trưởng ổn định.

2.2 VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ NỢ

Năm 2024, Tôn Nam Kim tiếp tục thực hiện cấu trúc tài chính theo định hướng an toàn và hiệu quả, với hầu hết nợ vay đến từ nợ ngắn hạn và không có nợ quá hạn. Trong đó, nợ vay ngắn hạn năm 2024 ở mức 6.311 tỷ đồng, tương đương với 46,7% tổng tài sản, tạo cơ hội cho việc sử dụng nguồn vốn lưu động phù hợp với hoạt động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Hiện nay, Tôn Nam Kim gần như không còn nợ dài hạn, với số dư chỉ còn 26 tỷ đồng. Trước tác động của tỷ giá làm gia tăng chi phí tài chính, nhưng việc giữ bảng cân đối kế toán lành mạnh và tìm kiếm được các nguồn vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi hơn đã góp phần tối ưu chi phí tài chính. Trong đó, chi phí lãi vay năm 2024 ghi nhận là 207 tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ. Giá trị vốn chủ sở hữu năm 2024 của Tôn Nam Kim đạt 5.871 tỷ đồng với phần lợi nhuận giữ lại chưa phân phối chiếm 37% vốn chủ

CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA TÔN NAM KIM GIAI ĐOẠN 2018 - 2024



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Nhận thức rõ những khó khăn phải đối mặt và cơ hội cần nắm bắt trong hoàn cảnh mới, Tôn Nam Kim đã tiếp tục ghi nhận những cải tiến tích cực về cơ cấu tổ chức, chính sách và hoạt động quản lý, như sau:

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ, CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Tổ chức đánh giá lại đội ngũ nhân sự, hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa năng lực sở trường, cải thiện năng suất của người lao động. Đánh giá cao vai trò đào tạo tại chỗ, gia tăng kiến thức chuyên ngành từ bộ phận quản lý đến các cấp nhân viên nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc. Tiếp tục xây dựng và cải tiến quy trình dựa trên sự thành công của hệ thống quản trị toàn diện ERP – SAP S/4 HANA. Hiện nay, toàn bộ hoạt động của Tôn Nam Kim được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất.

NGUỒN HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VỮNG CHẮC VÀ TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Sự tập trung vào chiến lược dài hạn và khả năng đa dạng hóa về nguồn vốn đã giúp Tôn Nam Kim xây dựng một nền tảng tài chính vững chắc, tự tin đối mặt với thách thức từ môi trường kinh doanh biến đổi liên tục. Năm 2024, Tôn Nam Kim đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. Điều này góp phần cho Tôn Nam Kim thực hiện triển khai tái cấu trúc nguồn vốn đầu tư để nắm bắt cơ hội đầu tư và tối ưu hóa hiệu suất kinh doanh, từ đó mang lại giá trị bền vững cho cả cổ đông và cộng đồng đầu tư.

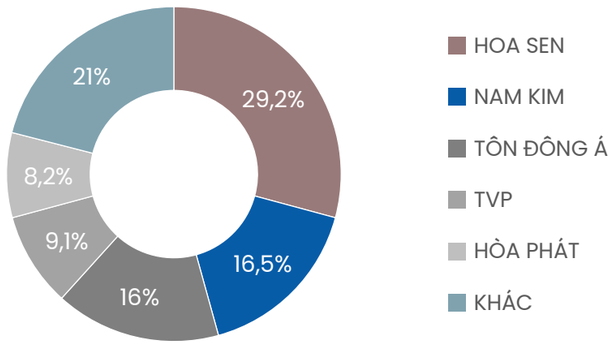
ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tôn Nam Kim không ngừng nỗ lực tạo môi trường làm việc lành mạnh, coi trọng sự đoàn kết, thúc đẩy động lực làm việc, đảm bảo phúc lợi tối ưu và lan tỏa giá trị cốt lõi tốt đẹp trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, cùng nhau vượt qua những thách thức, vững bước tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị gia tăng của ngành thép và phát triển bền vững song hành cùng với cộng đồng, xã hội.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ VÀ GIỮ VỮNG THỊ PHẦN

Lấy đòn bẩy từ thương hiệu Tôn Nam Kim có lịch sử hơn 20 năm, là thương hiệu quốc gia với chất lượng sản phẩm được khẳng định ở nhiều thị trường như Mỹ, Mexico, Úc, Châu Âu, Đông Nam Á..., Tôn Nam Kim tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu gia tăng chất lượng sản phẩm để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng. Trong đó, các yếu tố cốt lõi tạo nên sự khác biệt của Tôn Nam Kim bao gồm (1) Cạnh tranh bằng sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm; (2) Cạnh tranh bằng sự hài lòng của khách hàng; (3) Cạnh tranh bằng mức giá hấp dẫn; (4) Chính sách chăm sóc khách hàng chu đáo, tận tâm. Bằng chứng là trong năm 2024, Tôn Nam Kim tiếp tục giữ vững vị trí là một trong ba doanh nghiệp đứng đầu về thị phần tôn mạ trên toàn quốc.

THỊ PHẦN MẢNG TÔN MẠ NĂM 2024



Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2025

4.1. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 (DỰ KIẾN)

Tiếp bước những thành quả đã xây dựng, BTGĐ hướng đến thực hiện kế hoạch kinh doanh được HĐQT giao phó với các chỉ tiêu sau:

Tổng sản lượng

1.050.000 tấn

Tổng doanh thu

23.000 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

440 tỷ đồng

(Cụ thể thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)

4.2 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2025

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, BTGĐ đề ra những giải pháp chiến lược như sau:

- Khai thác tối ưu hóa các nguồn lực góp phần gia tăng năng suất, tiết giảm chi phí vận hành và nâng cao vị thế cạnh tranh;

- Xây dựng chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý, đa dạng nguồn cung nguyên liệu và kiểm soát rủi ro biến động giá hiệu quả;

- Tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm phân khúc tôn mạ cao cấp, được ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, ô tô và đồ gia dụng.

- Mở rộng thị trường nội địa, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu với mục tiêu tiến sâu vào chuỗi giá trị mảng tôn mạ ở thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ.

- Thực hiện triển khai đầu tư, xây dựng Dự án trọng điểm - Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ hoàn thành theo tiến độ đã đề ra.

- Phát huy cơ cấu tài chính lành mạnh, củng cố nội lực, hướng đến tương lai phát triển bền vững và vươn mình hội nhập quốc tế.



04.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	95
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	97
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	100
QUẢN TRỊ RỦI RO	103
CỔ PHIẾU NKG	107

GIA TĂNG NỘI LỰC
PHÁT TRIỂN VƯƠN MÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2024 duy trì xu hướng cải thiện, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính nới lỏng nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro như xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chính sách bảo hộ thương mại và biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, kinh tế - xã hội ghi nhận nhiều thành tựu đáng chú ý trên nhiều lĩnh vực, tạo nền tảng vững chắc để tăng tốc, bứt phá vươn mình trong kỳ nguyên mới. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 ước đạt 7,09% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024, ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, mức cao nhất kể từ năm 2020 đến nay.

Đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, áp lực từ chính sách phòng vệ thương mại và tình hình vĩ mô nhiều bất định. Nhưng thị trường thép Việt Nam đã đạt được kết quả tăng trưởng khởi sắc năm 2024. Theo VSA, sản xuất thép thành phẩm các loại năm 2024 đạt 29,443 triệu tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Bán hàng thép thành phẩm năm 2024 đạt 29,09 triệu tấn, tăng 10,4% so với cùng kỳ. Riêng mảng tôn mạ và ống thép năm 2024 cũng đã có những dấu hiệu tích cực, khi sản lượng tiêu thụ tôn mạ năm 2024 đạt 5,4 triệu tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu đạt 2,9 triệu tấn, tăng 34,7% so với cùng kỳ và sản lượng tiêu thụ ống thép năm 2024 đạt 2,5 triệu tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, giá HRC trung bình năm 2024 đạt mức 513,9 USD/tấn, giảm 11,3% so với cùng kỳ, các doanh nghiệp có thể phải thực hiện trích lập giảm giá hàng tồn kho.

Bước sang năm 2025, HĐQT nhận định ngành thép tiếp tục phục hồi nhưng mức tăng chưa có dấu hiệu tích cực chắc chắn, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn còn hiện hữu. Do đó, HĐQT đánh giá chiến lược kinh doanh năm 2025 cần nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết giảm chi phí hiệu quả, đa dạng thị trường tiêu thụ, chủ động đối phó với các rào cản thương mại sẽ là yếu tố then chốt trong hoạch định tương lai phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Tôn Nam Kim đạt 20.707 tỷ đồng và 558 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 98,6% và 132,8% so với kế hoạch đề ra. Đây là kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng mong đợi, HĐQT đánh giá rất cao kết quả kinh doanh của BTGĐ và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tôn Nam Kim, thể hiện sự cố gắng và nỗ lực trong năm 2024, khi đã thành công trong việc quản lý hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và tận dụng cơ hội trên thị trường giúp lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 453 tỷ đồng, tăng ấn tượng 285,8% so với cùng kỳ.

3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2024, tổng sản lượng tiêu thụ của Tôn Nam Kim đạt 1,02 triệu tấn, hoàn thành 102,3% kế hoạch đề ra. Trong đó, tiêu thụ tổng cộng 892.252 tấn sản phẩm tôn mạ và 130.542 tấn sản phẩm ống thép các loại. Tôn Nam Kim không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Đức và các nước Châu Âu nhằm nâng cao năng suất.

4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Tôn Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;

- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;

- Tăng cường xây dựng thương hiệu Tôn Nam Kim và mở rộng mạng lưới khách hàng mới tại cả thị trường trong nước và quốc tế;

- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới với chất lượng vượt trội và mẫu mã hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (tạo nên ưu thế cạnh tranh cho Công ty).

5. TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG, MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tôn Nam Kim trong năm 2024 đóng góp 1.092 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Tôn Nam Kim hiện đang tạo ra công ăn việc làm cho hơn 1.500 người lao động, góp phần ổn định đời sống an sinh xã hội cho địa phương và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ môi trường.

6. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt. Trên cơ sở công tác giám sát, HĐQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

7. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ đã xây dựng phương án kinh doanh thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu. Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý. HĐQT đánh giá BTGĐ đã vượt qua rất nhiều khó khăn, điều hành kịp thời và hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

8. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT

Thành viên HĐQT nhận tiền lương, thù lao, phụ cấp, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty.

9. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 của Công ty.

10. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Trong năm 2024, Ban kiểm toán nội bộ đã hoàn thành hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt. Ban kiểm toán nội ghi nhận kết quả trong việc kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ quy trình, quy định, chính sách nội bộ của các đơn vị và rà soát các thông tin tài chính của Công ty theo định kỳ. Qua đó, đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và ngăn ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty. Trên cơ sở giám sát các hoạt động Công ty, Ban kiểm toán nội bộ đã kiến nghị biện pháp sửa chữa, khắc phục các rủi ro trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Với những nỗ lực cải tiến không ngừng, HĐQT đánh giá rất cao những kết quả của Ban kiểm toán nội bộ trong việc đã giúp HĐQT và BTGĐ nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Trong năm 2024, thành viên độc lập của HĐQT đã tham gia đầy đủ các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ngoài ra, thành viên độc lập còn thực hiện tốt chức năng giám sát Công ty về các khía cạnh tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty cũng như tiến độ thực hiện các Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Công ty. Ngoài ra, thành viên độc lập HĐQT đã có những đóng góp rất khách quan và kịp thời cho HĐQT và BTGĐ trong công tác điều hành và xây dựng chiến lược.

Về đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đánh giá rất cao đóng góp của HĐQT. Cụ thể, thành viên độc lập nhận xét HĐQT rất quan tâm cho công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Thông qua các báo cáo thường kỳ và các cuộc họp trực tiếp lẫn trực tuyến, HĐQT đã giám sát rất tốt tính thực thi các Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Đồng thời, thành viên độc lập HĐQT nhận thấy HĐQT luôn giữ vững lập trường và liên tục giám sát tính tuân thủ pháp luật thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban trong công việc giám sát hoạt động Công ty.

12. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA HĐQT NĂM 2025 (DỰ KIẾN)

Tổng sản lượng	1.050.000	tấn
Tổng doanh thu	23.000	tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	440	tỷ đồng

(Cụ thể thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)

13. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Để phát huy tối đa nội lực của Tôn Nam Kim, nắm bắt cơ hội hướng đến sự phát triển bền vững. HĐQT chủ động và tích cực thực hiện những định hướng chiến lược như sau:

- Cơ cấu lại các nguồn lực, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty;

- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay;

- Nghiên cứu phương án đầu tư và triển khai xây dựng hợp lý cho dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ;

- Kiểm tra và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả;

- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới và tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng;

- Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận dựa trên quy trình sản xuất khép kín, đặc biệt các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như tôn mạ màu, tôn mạ hợp kim;

- Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đề xuất giải pháp phù hợp, kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 25 cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%.

STT	Thành viên HĐQT (*)	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Minh Quang	25/25	100%	
2	Ông Võ Hoàng Vũ	25/25	100%	
3	Ông Nguyễn Vinh An	25/25	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Tín	21/25	100%	Bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
5	Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	4/25	100%	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
6	Ông Võ Thời	25/25	100%	

(*) Các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 được bầu vào ngày 18/06/2020. Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025, như sau:
• Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi – Thành viên HĐQT được miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024.
• Ông Nguyễn Trung Tín – Thành viên HĐQT được bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024.

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT

HĐQT tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược và tham mưu cho BTGĐ trong các hoạt động kinh doanh. Tại các cuộc họp thường kỳ, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời. HĐQT luôn tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó cũng như giám sát chặt chẽ các hoạt động của BTGĐ. Năm 2024, các hoạt động của HĐQT tập trung vào các nội dung sau:

- Tham mưu cho BTGĐ xây dựng phương án kinh doanh và chủ động tìm các thị trường mới;

- Giám sát và tham mưu công tác quản trị, giám sát tính tuân thủ pháp luật của Công ty;

- Hỗ trợ cho BTGĐ và các bộ phận liên quan xây dựng chiến lược trung và dài hạn;

- Giám sát và tham mưu quá trình sản xuất, hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến cho các sáng kiến giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất;

- Đồng hành cùng BTGĐ trong công tác bán hàng, giúp đẩy mạnh xuất khẩu. Củng cố mối quan hệ với các thị trường truyền thống và tiếp cận các thị trường có giá trị cao;

- Tùy tình hình thị trường mà HĐQT có chỉ đạo linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức thực hiện triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Qua đó, HĐQT đã thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024, thực hiện phân phối lợi nhuận và các nhiệm vụ khác theo chủ trương đã phê duyệt. Tại thời điểm thực hiện Báo cáo thường niên năm 2024 này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã thông qua. Bên cạnh đó, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét để thông qua phương án thay thế phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2024 của Công ty, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Ban kiểm toán nội bộ – trực thuộc HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là đơn vị tham mưu cho HĐQT thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ và nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế kiểm toán nội bộ được phê duyệt. Đồng thời, HĐQT đã bổ nhiệm Bà Nông Bích Hiện giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã ban hành 22 Nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời các vấn đề quan trọng của Công ty. Danh sách các Nghị quyết/Quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	05/02/2024	Thông qua việc tạm ứng thù lao đợt 3 của HĐQT và BKS năm 2021	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
4	03A/2024/NQ-HĐQT	15/03/2024	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024	100%
5	1005/2024/NQ-HĐQT	10/05/2024	Thông qua vay vốn ngân hàng	100%
6	04/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ	100%
7	05/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100%
8	2005NKG/2024/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua vay vốn ngân hàng	100%
9	06/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024	100%
10	07/2024/NQ-HĐQT	05/07/2024	Thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
11	08/2024/NQ-HĐQT	05/07/2024	Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
12	09/2024/NQ-HĐQT	05/07/2024	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
13	10/2024/NQ-HĐQT	09/07/2024	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
14	1091D/2024/NQ-HĐQT	19/07/2024	Thông qua vay vốn ngân hàng	100%
15	11/2024/NQ-HĐQT	06/09/2024	Thông qua việc thay đổi địa Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	100%
16	12/2024/NQ-HĐQT	25/09/2024	Thông qua bổ sung nội dung triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
17	13/2024/NQ-HĐQT	25/09/2024	Thông qua trình tự thực hiện các phương án chào bán, phát hành thêm cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt	100%
18	14/2024/NQ-HĐQT	26/09/2024	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
19	15/2024/NQ-HĐQT	03/10/2024	Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100%
20	16/2024/NQ-HĐQT	04/11/2024	Thông qua phương án mua trái phiếu doanh nghiệp	100%
21	18/2024/NQ-HĐQT	05/12/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
22	19/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. NHÂN SỰ CỦA BKS

- Bà Võ Thị Vui - Trưởng ban
- Ông Đặng Văn Hòa - Thành viên
- Ông Lê Nhật Tân - Thành viên

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Năm 2024, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Giám sát tiến độ thực hiện các dự án.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

3. CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - năm 2025, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.
- Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 theo quy chế hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Thành viên BKS (*)	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	1/4	100%	100%	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Bà Võ Thị Vui	4/4	100%	100%	
Ông Đặng Văn Hòa	3/4	100%	100%	Bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Ông Lê Nhật Tân	4/4	100%	100%	

(*) Các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 được bầu vào ngày 18/06/2020. Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025, như sau:

• Bà Nguyễn Thị Bích Nhi – Trưởng BKS được miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024.

• Ông Đặng Văn Hòa – Thành viên BKS được bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024.

Theo nghị quyết BKS số 01/2024/NQ-BKS ngày 26/04/2024, thông qua việc bầu Bà Võ Thị Vui giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 26/04/2024.

4. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

- Ban kiểm soát đã thực hiện các chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

- Các Kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiểu biết pháp luật của mình trong công tác giám sát.

- Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.

5. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- BKS đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Thực hiện theo quy định của pháp luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

- Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại ...)

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với các giao dịch các bên liên quan.

- Thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.

- Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2024:

Kết quả kinh doanh

• Doanh thu thuần	20.609.022.190.077 (VNĐ)
• Tổng lợi nhuận trước thuế	558.169.985.495 (VNĐ)
• Lợi nhuận sau thuế	453.008.144.440 (VNĐ)

Tài sản Công ty

• Tổng tài sản	13.519.085.552.805 (VNĐ)
• Tài sản ngắn hạn	10.202.370.500.547 (VNĐ)
• Tài sản dài hạn	3.316.715.052.258 (VNĐ)

Vốn chủ sở hữu

• Số dư đầu năm (01/01/2024)	5.423.073.956.647 (VNĐ)
• Số dư cuối năm (31/12/2024)	5.871.406.574.473 (VNĐ)

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2024, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.



7. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BKS

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt.

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

8. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

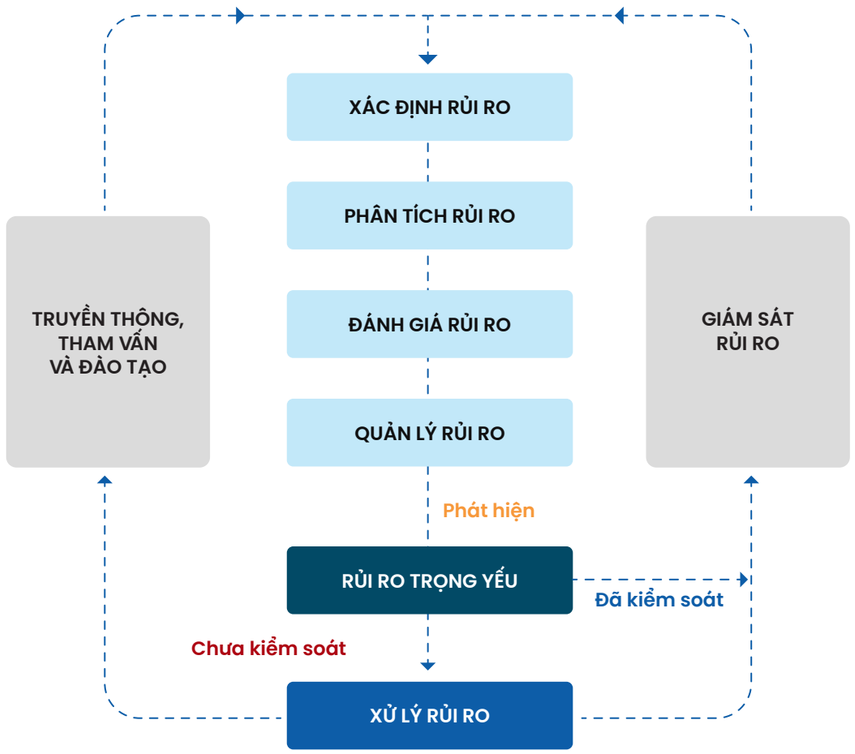
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Với đặc thù là doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ, nên sản phẩm của Tôn Nam Kim là vật liệu thiết yếu, phục vụ hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, chất lượng sản phẩm có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình. Do đó, có thể nói Tôn Nam Kim phải luôn đối diện với những rủi ro đặc thù và thường trực.

Vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Tôn Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiếc lược ưu tiên hàng đầu. Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác dự báo thị trường nguyên liệu đầu vào, nhu cầu đầu ra thị trường trong nước và quốc tế để đề ra những chính sách thích ứng nhanh chóng. Ngoài ra, toàn bộ hoạt động quản trị điều hành của doanh nghiệp được vận hành theo hệ thống ERP – SAP S/4 HANA, ngày càng hoàn thiện giúp mọi hoạt động ghi nhận nhanh chóng, dữ liệu được phân tích kịp thời giúp công tác lập kế hoạch và ra quyết định chính xác nhất. Bên cạnh đó, Tôn Nam Kim xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện, hiệu quả, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 về quản trị rủi ro và tiêu chuẩn COSO về kiểm toán nội bộ.



Rủi ro được phân loại theo hướng dẫn của tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ. Tiêu chí "xác suất" và "tác động" được đo lường theo mức độ tăng dần trên thang điểm từ 1 đến 5.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro vĩ mô	Những biến động về địa chính trị, xung đột quốc gia, cấm vận hoặc nội tại nền kinh tế Việt Nam gặp tình trạng bất ổn trực tiếp gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản.	5	4	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp. Xây dựng phương án dự phòng nhằm tránh tình huống xấu nhất nếu các doanh nghiệp bất động sản vỡ nợ dây chuyền
Rủi ro định hướng chiến lược	Chiến lược của Tôn Nam Kim có thể chưa phù hợp với tình hình thực tiễn. Các sản phẩm bán hàng chủ đạo chưa phù hợp với xu thế của thế giới	5	1	Xây dựng các chiến lược dài hạn. Có những kế hoạch tài chính dự phòng cho mọi rủi ro.
Rủi ro cạnh tranh	Các đại lý gây sức ép và giảm biên lợi nhuận của sản phẩm. Các đối thủ cạnh tranh ở các nước thực hiện chiến lược cạnh tranh về giá.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu cung cầu thị trường. Duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
Rủi ro truyền thông	Xuất hiện những thông tin tiêu cực chưa được xử lý kịp thời. Ảnh hưởng của thông tin chưa được kiểm chứng.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro nguyên vật liệu	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim. Biến động giá HRC, gas, than cốc... gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và sản xuất của doanh nghiệp.	5	3	Quản lý hiệu quả hàng tồn kho. Đàm phán kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định. Xây dựng chiến lược quản lý hàng tồn kho trong ngắn hạn và trung hạn nhằm ứng phó với sự biến động về giá.
Rủi ro chất lượng	Sản phẩm của Tôn Nam Kim có thể không bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc do nguyên liệu đầu vào kém chất lượng.	3	1	Chuẩn hoá và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng. Tuân thủ quy trình QA/QC nghiêm ngặt, đáp ứng tiêu chuẩn của Châu Mỹ như ASTM, của Nhật Bản như JIS.
Rủi ro thực thi	Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh có thể không thành công	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
Rủi ro công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin của Tôn Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, bảo mật.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, AN TOÀN LAO ĐỘNG

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro về an toàn lao động	Xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.	2	1	Tập huấn hàng năm về các tiêu chuẩn an toàn lao động. Trang bị đầy đủ cho cán bộ công nhân viên trong quá trình sản xuất. Quy trình chuẩn hóa và có sự yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt.
Rủi ro về môi trường	Xảy ra ô nhiễm đến môi trường. Xảy ra sự cố về cháy, nổ ngoài ý muốn.	4	1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy luôn được đảm bảo hoạt động đầy đủ, tuân thủ các quy định PCCC của nhà nước. Tận dụng lợi thế tự nhiên, có hệ thống xử lý chất thải đầy đủ, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường.

RỦI RO TÀI CHÍNH

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro lãi suất	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Tôn Nam Kim.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch dòng tiền, thanh toán nợ. Đàm phán giữ, giảm lãi suất cho vay với các bên cấp tín dụng. Tập trung hướng tới cân bằng các chỉ số thanh toán, giảm đòn bẩy tài chính, giảm nợ.
Rủi ro tín dụng thương mại	Tôn Nam Kim có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Xem xét cẩn trọng năng lực của đối tác trước khi quyết định. Yêu cầu khách hàng mở LC khi nhập khẩu. Giảm thời gian công nợ, tăng cường lập các kế hoạch dự phòng tài chính.

RỦI RO PHÁP LÝ

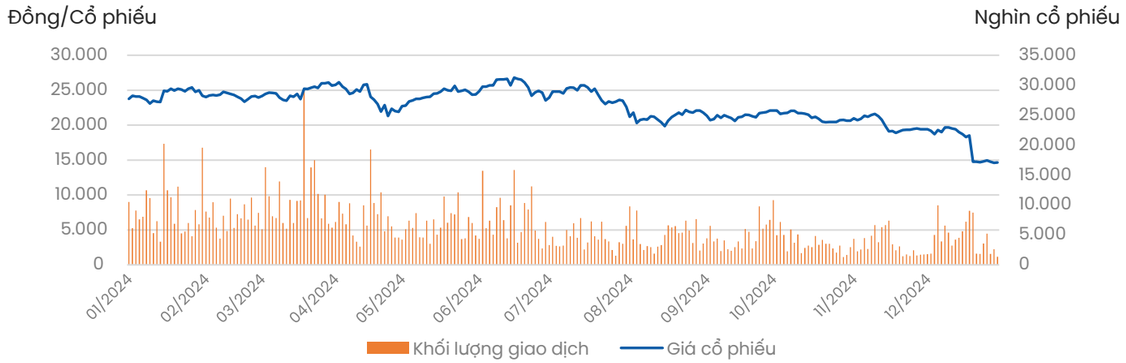
NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ		QUẢN LÝ RỦI RO
		TÁC ĐỘNG	XÁC SUẤT	
Rủi ro tuân thủ	Tôn Nam Kim chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng niêm yết, Tôn Nam Kim còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài khung pháp lý chung, Tôn Nam Kim còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường.	3	1	Tôn Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật
Rủi ro thuế quan	Thép là ngành công nghiệp được nhiều quốc gia bảo hộ. Tôn Nam Kim thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp dụng các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá...).	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các diễn biến, quy định về thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đàm phán với các bên liên quan để hạn chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định về thuế quan chưa thực sự phù hợp. Tối ưu sản lượng và chi phí sản xuất. Luôn cập nhật về tình hình thuế quan, phát triển thị trường trong nước nhằm hạn chế rủi ro ở thị trường xuất khẩu.

BẢNG MỨC THUẾ TỪ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔN MẠ TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TT	QUỐC GIA	VỤ VIỆC	NĂM	MẶT HÀNG	NAM KIM	HOA SEN	ĐÔNG Á	MỨC THUẾ CAO NHẤT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
1	MALAYSIA	AD	2016	PPGI, PPGL	0%	34,85%	34,85%	Maruichi: 12,06% Khác: 34,85%	19/01/2016	Điều tra rà soát cuối kỳ tiếp tục áp thuế đến 19/07/2026
2	MALAYSIA	AD	2020	GL, GL Slitting	5,04%	0% (trước đây 16,55%)	0% (trước đây 15,87%)	Khác: 37,14% Tân Phước Khanh: 0% (trước đây 4,22%) – 27/06/2023	12/12/2020	Còn hiệu lực
3	THAILAND	AD	2017	PPGI, PPGL	4,30%	6,63%	60,26%	Khác: 60,26%	24/03/2017	Điều tra rà soát cuối kỳ tiếp tục áp thuế thêm 5 năm kể từ 09/05/2023
4	THAILAND	AD	2020	GI Pipe	9,10%	9,10%	51,61%	Khác: 51,61%	13/02/2020	Còn hiệu lực đến 12/02/2026
5	AUSTRALIA	AD, CVD	2017	GI	0%	0%	Khác: giá sàn (floor price)	Khác: 14,2%	16/08/2017	Còn hiệu lực
6	AUSTRALIA	AD, CVD	2021	GL Master width	AD: -9,6% CVD: 0%	AD: 8,1% CVD: 0%	AD: 20,9% CVD: 0%	Khác: 20,9%	24/12/2021	Còn hiệu lực
7	CANADA	AD, CVD	2019	GI, GL Slitting	AD: 2,3% CVD: 0%	AD: 11,0% CVD: 0%	AD: 16,2% CVD: 0%	Khác: AD: 71,1% CVD: 0%	16/10/2020	Còn hiệu lực (Áp dụng bảng Normal value mới từ 17/07/2023)
8	MEXICO	AD	2023	GI, GL, PPGI, PPGL	6,40%	7,00%	10,84%	Khác: 10,84%	24/02/2023	Còn hiệu lực
9	UNITED STATED	AD, CVD	2024	CORE	Đang trong quá trình điều tra					



CỔ PHIẾU NKG



THÔNG TIN CỔ PHIẾU (Tại ngày 31/12/2024)

Tổng số cổ phần đang lưu hành	315.931.978 cổ phần, trong đó:
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	315.931.978 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có. Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.
Các chứng khoán khác	không có
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty	50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tại ngày 20/12/2024)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	263	23.413.223	7,41%
◆ Tổ chức	32	21.457.293	6,79%
◆ Cá nhân	231	1.955.930	0,62%
Cổ đông trong nước	34.071	292.518.755	92,59%
◆ Tổ chức	57	2.559.305	0,81%
◆ Cá nhân	34.014	289.959.450	91,78%
Tổng cộng	**34.334**	**315.931.978**	**100,00%**
Tổng số cổ phiếu đã phát hành		**315.931.978**	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (Tại ngày 20/12/2024)

Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	44.869.315	14,20%
UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO., LTD	15.897.600	5,03%

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐVT: nghìn đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn
2002	60.000.000	-	Thành lập Công ty
2006	69.000.000	9.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2007	71.100.000	2.100.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2009	150.000.000	78.900.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2010	200.000.000	50.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2010	230.000.000	30.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2011	299.000.000	69.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2014	399.000.000	100.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	430.919.200	31.919.200	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2015	438.899.200	7.980.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2016	500.343.610	61.444.410	Phát hành cổ phiếu thưởng
2016	660.343.610	160.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2017	990.514.550	330.170.940	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2017	1.000.000.000	9.485.450	Phát hành cổ phiếu ESOP
2017	1.300.000.000	300.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2018	1.819.998.680	519.998.680	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2021	2.183.985.680	363.987.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu thưởng
2022	2.193.985.680	10.000.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2022	2.632.778.060	438.792.380	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2024 (i)	3.159.319.780	526.541.720	Phát hành cổ phiếu thưởng
2025 (ii)	4.475.708.810	1.316.389.030	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

*ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

(i) Theo Nghị quyết HĐQT số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024, HĐQT đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 52.654.172 cổ phiếu. Ngày 12/01/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019, đăng ký thay đổi lần thứ 29, ghi nhận vốn điều lệ của Công ty là 3.159.319.780.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 27/02/2025, HĐQT đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 131.638.903 cổ phiếu. Ngày 13/03/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ghi nhận vốn điều lệ của Công ty là 4.475.708.810.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG IR

CUNG CẤP THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

Tôn Nam Kim bảo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim luôn duy trì sự tương tác thường xuyên, trực tiếp trao đổi và lắng nghe ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Email: congbothongtin@namkimgroup.vn

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tại ngày 31/12/2024)

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	44.869.315	14,20%
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	11.249.280	3,56%
Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT	390.955	0,12%
Nguyễn Trung Tín	Thành viên HĐQT	0	0%
Võ Thời	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tại ngày 31/12/2024)

Thành viên BTGĐ	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc	11.249.280	3,56%
Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc	390.955	0,12%
Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	108.000	0,03%
Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc	1.683.512	0,53%
Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	329.347	0,10%
Lê Minh Hải	Phó Tổng giám đốc	0	0%
Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	24.360	0,01%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024:

- Ông Lê Minh Hải – được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 17/05/2024.
- Ông Nguyễn Minh Hùng – được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Nội địa Công ty Cổ phần Thép Nam Kim kể từ ngày 10/10/2024.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Tại ngày 31/12/2024)

Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Võ Thị Vui	Trưởng BKS	56.784	0,02%
Đặng Văn Hòa	Thành viên BKS	0	0%
Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	5.760	0%

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tôn Nam Kim luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỲ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (i)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (ii)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	37.391.097	14,20%	44.869.315	14,20%	Nhận 7.478.218 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
2	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	9.374.400	3,56%	11.249.280	3,56%	Nhận 1.874.880 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
3	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT	325.796	0,12%	390.955	0,12%	Nhận 65.159 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
4	Võ Thị Vui	Trưởng BKS	46.320	0,02%	56.784	0,02%	- Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: mua 1.000 cổ phiếu. - Nhận 9.464 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	4.800	0%	5.760	0,00%	Nhận 960 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
6	Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	90.000	0,03%	108.000	0,03%	Nhận 18.000 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
7	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính	1.424.428	0,54%	1.683.512	0,53%	- Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: bán 21.500 cổ phiếu. - Nhận 280.584 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
8	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	274.456	0,10%	329.347	0,10%	Nhận 54.891 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	8.300	0%	24.360	0,01%	- Số lượng cổ phiếu đã giao dịch: bán 4.000 cổ phiếu, mua 16.000 cổ phiếu. - Nhận 4.060 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
10	Nông Bích Hiện	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	588	0%	705	0,00%	Nhận 117 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(i) Tại ngày 01/01/2024 (Tỷ lệ trên tổng số cổ phiếu là 263.277.806 cổ phiếu)
(ii) Tại ngày 31/12/2024 (Tỷ lệ trên tổng số cổ phiếu là 315.931.978 cổ phiếu)

05.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TẦM NHÌN BỀN VỮNG	113
TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ	115
CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	117
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN	119
ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI	120

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐẢM BẢO LỢI ÍCH
CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN
ĐI ĐÔI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Trong vòng một thập niên, chủ đề về tiết giảm CO2 nhằm hạn chế sự nóng lên của trái đất luôn là một trong những chương trình nghị sự lớn nhất. Trên tinh thần không đánh đổi kinh tế bằng ô nhiễm môi trường, trong Hội nghị COP26 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã cam kết đưa phát thải ròng CO2 của Việt Nam về bằng 0 vào năm 2050. Năm 2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Hiện nay, Châu Âu đã ban hành một chính sách cực kỳ quan trọng là áp dụng đánh thuế carbon lên các sản phẩm nhập khẩu vào Châu Âu, hay còn được biết là cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), được thí điểm áp dụng từ 2024 và áp dụng đầy đủ vào năm 2026.

Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành tôn mạ tại Việt Nam, Tôn Nam Kim nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của nền kinh tế xanh và đạo đức. Tôn Nam Kim hiểu rằng việc xanh hóa hoạt động sản xuất không chỉ vì lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, mà còn mang lại tác động tích cực gắn liền với sự phát triển về con người, giữ an toàn cho người lao động, đóng góp vào phúc lợi chung cho cộng đồng. Qua đó, Tôn Nam Kim đề ra chiến lược phát triển bền vững bao gồm bốn trụ cột chính:

01. CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tôn Nam Kim xác định "Con người là yếu tố cốt lõi", là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

02. ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Tôn Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

03. TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

04. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tôn Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên để giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.

TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Tôn Nam Kim dựa trên tình hình thực tế phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với những tiêu chuẩn đã được đề ra từ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 17) của Liên Hợp Quốc để xây dựng quá trình tối ưu hiệu quả kinh tế.

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Tôn Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Thấu hiểu điều đó, Tôn Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước. Qua đó, tạo ra nhiều công việc cho địa phương, tăng giá trị đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng như phát triển cộng đồng địa phương thịnh vượng.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm "Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền", Tôn Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư. Năm 2021 – 2023 kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đã trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch bệnh, chiến tranh và thị trường tiền tệ thế giới.

Tuy nhiên, Tôn Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư. Trong đó, Tôn Nam Kim luôn duy trì sự công bằng và lợi ích cho tất cả các cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tôn Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "Thương hiệu Quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Vì thế, "CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2023 – 2025 với những định hướng cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;

- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;

- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.



CHÚ TRỌNG R&D ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Để tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, công tác R&D đóng vai trò xương sống trong định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim. Trong những năm qua, Tôn Nam Kim đã liên tục nghiên cứu thành công các sản phẩm mới, tiến sâu vào chuỗi giá trị. Tiêu biểu như năm 2022, Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ200 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 25 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao. Năm 2023, Tôn Nam Kim cho ra đời dòng sản phẩm Zinmag, được phủ hợp kim magie và đất hiếm, có độ bền lên trên 50 năm và được thị trường Châu Úc đón nhận ngay lập tức.

Những thành công trong hoạt động nghiên cứu và phát triển này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực. Trong định hướng tương lai, với Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào công tác R&D nhằm hướng tới các dòng sản phẩm cao hơn, phục vụ cho những ngành công nghiệp chế tạo máy, đồ gia dụng ở các tiêu chuẩn cao nhất.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đúng với tinh thần "CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG KHÔNG NGỪNG", việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Tôn Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Năm 2021, Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417). Chứng chỉ này là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v... thừa nhận.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP SAP HANA S/4.

CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Nhận thức được nguyên lý này, Tôn Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả.

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự.

Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài... Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Tôn Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực. Kiểm soát trách nhiệm. Điều hành chuyên nghiệp. Đào tạo tận tâm".

CƠ CẤU NHÂN VIÊN NĂM 2024

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	342	22,57%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	387	25,54%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	60	3,96%
Lao động phổ thông	720	47,92%
Theo hợp đồng lao động		
Toàn thời gian	1.515	100%
Bán thời gian	-	-
Theo giới tính		
Nam	1.371	90,50%
Nữ	144	9,50%
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN	1.515	-

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/Công ty, có tính chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao. Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đảm bảo Công khai – Công bằng – Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật; tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, qua kết quả khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên, Công ty sẽ bố trí việc làm phù hợp cho nhân viên và kịp thời phát hiện những bất thường của cơ thể. Đây chính là biện pháp hiệu quả nhất để bảo đảm "Nguồn vốn sức khỏe" cho Công ty và tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và 20/10, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, tặng quà Tết bằng hiện vật và hoạt động Chuyến xe về Tết cho toàn bộ đoàn viên Công ty,....

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để khen thưởng cho người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và Hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc. Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc;

- Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc;

- Chính sách khen thưởng ngày lễ Tết, ngày thành lập Công ty...;

- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc);

- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc giao phó;

- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP;

- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm, hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại...Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật lao động: BHXH, BHYT, BHTN;

- Chế độ suất ăn giữa ca;

- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ người lao động;

- Dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;

- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ sẽ được thiết kế để phù hợp với khả năng cũng như tiềm lực cụ thể của Công ty cũng như các mục tiêu mà Công ty mong muốn đạt được.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Tôn Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch.

Tôn Nam Kim nhận định rằng việc Công ty sẽ không đánh đổi môi trường để tăng trưởng bằng mọi giá.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

- Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu.

- Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

- Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Tôn Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.

- Khống chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước, tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu.

- Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ.

- Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.

- Tôn Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty đã triển khai Báo cáo Phát triển bền vững và các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các nhà máy của Công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mạc gỉ thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường. Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.

ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Tôn Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho hơn 1.500 con người.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2024, Tôn Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng 1.092 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách nhà nước tốt của tỉnh Bình Dương, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của đất nước.

LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;

- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;

- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của Công ty trong lòng người tiêu dùng.

NỘP NGÂN SÁCH

1.092 TỶ ĐỒNG

TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH HƠN

1.500 NHÂN VIÊN



06.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.tonnamkim.com

NỘI TẠI VỮNG VÀNG
THÍCH ỨNG LINH HOẠT
VƯỢT QUA MỌI THỬ THÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	9
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 13 tháng 3 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Bình Dương cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên
	Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
	Ông Võ Thời	Thành viên
	Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
	Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ban Kiểm soát	Bà Võ Thị Vui	Trưởng ban (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
	Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)
	Ông Lê Nhật Tân	Trưởng ban
	Ông Đặng Văn Hòa	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
	Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 5 năm 2024)
	Ông Nguyễn Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 10 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Lô A1, Đường Đ2, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 3700477019 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM * TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16431
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**10.202.370.500.547**	**9.322.639.041.423**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**391.783.760.846**	**785.479.050.340**
111	Tiền		391.783.760.846	748.979.050.340
112	Các khoản tương đương tiền		-	36.500.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**247.130.402.390**	**289.613.600.644**
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	9.353.176	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	247.121.049.214	289.604.247.468
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.942.938.034.495**	**1.926.737.095.556**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.129.072.791.514	1.741.024.306.210
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	811.919.388.493	179.230.779.567
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	15.741.713.905	17.179.219.247
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(13.795.859.417)	(10.697.209.468)
140	**Hàng tồn kho**	9	**6.690.482.934.519**	**5.718.699.385.156**
141	Hàng tồn kho		6.820.816.327.463	5.849.032.778.100
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(130.333.392.944)	(130.333.392.944)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**930.035.368.297**	**602.109.909.727**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	29.405.775.095	16.586.369.709
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	900.629.593.202	585.451.185.075
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	-	72.354.943

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.316.715.052.258**	**2.912.762.205.168**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**1.337.705.464**	**5.500.000**
216	Phải thu dài hạn khác		1.337.705.464	5.500.000
220	**Tài sản cố định**		**2.021.344.676.318**	**2.358.754.796.405**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.700.297.737.520	1.989.130.813.078
222	Nguyên giá		5.084.074.628.216	5.012.381.146.321
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.383.776.890.696)	(3.023.250.333.243)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	-	37.360.217.531
225	Nguyên giá		-	41.899.309.383
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(4.539.091.852)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	321.046.938.798	332.263.765.796
228	Nguyên giá		391.098.129.684	391.098.129.684
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.051.190.886)	(58.834.363.888)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**285.776.095.884**	**311.996.159.857**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	285.776.095.884	311.996.159.857
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**524.521.155.000**	**3.180.000.000**
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	524.521.155.000	3.180.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**483.735.419.592**	**238.825.748.906**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	483.735.419.592	238.825.748.906
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**13.519.085.552.805**	**12.235.401.246.591**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**7.647.678.978.332**	**6.812.327.289.944**
310	**Nợ ngắn hạn**		**7.620.886.731.385**	**6.784.014.554.254**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	855.939.492.291	1.631.419.258.076
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	78.931.822.145	146.991.086.289
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	180.369.131.204	59.572.559.601
314	Phải trả người lao động	16	38.474.668.388	29.241.503.610
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	32.534.395.279	23.317.598.074
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	10.914.837.151	13.681.782.893
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	6.311.656.122.900	4.767.655.010.639
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	112.066.262.027	112.135.755.072
330	**Nợ dài hạn**		**26.792.246.947**	**28.312.735.690**
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		25.892.246.947	27.412.735.690
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.871.406.574.473**	**5.423.073.956.647**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**5.871.406.574.473**	**5.423.073.956.647**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	3.159.319.780.000	2.632.778.060.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.159.319.780.000*	*2.632.778.060.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	259.365.552.279	785.907.272.279
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	191.701.386.132	185.830.957.874
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22	89.440.070.324	87.091.899.021
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	2.171.579.785.738	1.731.465.767.473
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*1.718.571.641.298*	*1.614.057.202.315*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*453.008.144.440*	*117.408.565.158*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**13.519.085.552.805**	**12.235.401.246.591**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**20.707.517.191.896**	**18.621.212.567.707**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(98.495.001.819)	(25.238.314.620)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	25	**20.609.022.190.077**	**18.595.974.253.087**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	26	**(18.777.248.235.147)**	**(17.483.711.237.040)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.831.773.954.930**	**1.112.263.016.047**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	340.616.629.555	230.378.542.142
22	Chi phí tài chính	28	(477.097.484.465)	(426.154.979.605)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(207.841.259.563)*	*(292.679.834.464)*
25	Chi phí bán hàng	29	(1.017.598.597.652)	(609.117.894.559)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(120.241.517.086)	(130.296.253.597)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**557.452.985.282**	**177.072.430.428**
31	Thu nhập khác		2.131.688.227	597.160.588
32	Chi phí khác		(1.414.688.014)	(358.676.837)
40	**Lợi nhuận khác**		**717.000.213**	**238.483.751**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**558.169.985.495**	**177.310.914.179**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	31	**(106.682.329.798)**	**(60.755.885.161)**
52	**Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	31	**1.520.488.743**	**853.536.140**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**453.008.144.440**	**117.408.565.158**
	Phân bổ cho:			
61	**Cổ đông của Công ty**		**453.008.144.440**	**117.408.565.158**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23	**1.434**	**357**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	23	**1.434**	**357**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**558.169.985.495**	**177.310.914.179**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		370.170.393.724	375.827.491.258
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		3.098.649.949	(204.626.164.184)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		35.110.279.363	(408.428.885)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(29.170.507.815)	(18.761.438.448)
06	Chi phí lãi vay		207.841.259.563	292.679.834.464
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.145.220.060.279**	**622.022.208.384**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		306.719.987.110	(481.686.910.694)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(971.783.549.363)	1.488.237.159.941
11	Giảm các khoản phải trả		(763.297.846.297)	(1.044.847.057.433)
12	Tăng chi phí trả trước		(12.275.802.692)	(11.277.888.244)
14	Tiền lãi vay đã trả		(203.919.377.714)	(292.679.834.464)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp		(53.374.624.491)	(7.381.260.670)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.251.488.221)	(3.830.261.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(559.962.641.389)**	**268.556.155.820**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(884.430.184.417)	(130.230.497.335)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		954.545.455	-
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu và tiền chi cho vay ngắn hạn		(811.821.155.000)	(40.200.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu và cho vay ngắn hạn		340.068.051.493	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay ngắn hạn		15.114.296.049	9.721.817.773
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.340.114.446.420)**	**(145.708.679.562)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn		20.726.005.630.841	18.142.141.256.975
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		(19.215.841.932.506)	(18.450.727.988.434)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(3.072.616.017)	(33.798.776.242)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.507.091.082.318**	**(342.385.507.701)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(392.986.005.491)**	**(219.538.031.443)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**785.479.050.340**	**1.005.403.528.970**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(709.284.003)	(386.447.187)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**391.783.760.846**	**785.479.050.340**

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được được trình bày tại Thuyết minh 34.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 13 tháng 3 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Bình Dương cấp để cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Chủ sở hữu của Công ty và chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21(b).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của HOSE.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính); và
- Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4 công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ 2024 %	2023 %
Công ty TNHH Một Thành viên Ống thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai	Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.	100	100
Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 1.515 nhân viên (31 tháng 12 năm 2023: 1.336 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	6 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	33 – 44 năm
Phần mềm vi tính	5 – 6 năm
TSCĐ hữu hình khác	10 – 40 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán ở Thuyết minh 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng và công ty tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức được chia

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả các công ty con là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị của Công ty, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, Ban Kiểm soát của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo khu vực địa lý.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	607.992.041	14.491.712.793
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	391.175.768.805	734.487.337.547
Các khoản tương đương tiền (*)	-	36.500.000.000
	391.783.760.846	785.479.050.340

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất là 2,6%/năm. Khoản tiền gửi này đã được tất toán trong năm 2024.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	9.353.176	49.641.100	9.353.176	40.535.600

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
(i) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	247.121.049.214	247.121.049.214	289.604.247.468	289.604.247.468
(ii) Dài hạn				
Trái phiếu (**)	524.521.155.000	524.521.155.000	3.180.000.000	3.180.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,8%/năm đến 6,4%/năm).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast, đáo hạn vào tháng 10 năm 2026 và hưởng lãi suất 13,5%/năm. Do trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường nên không thể xác định giá trị hợp lý. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tương đương với giá gốc.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, hưởng lãi suất 6,95%/năm, đã được mua lại bởi tổ chức phát hành trái phiếu trong năm tài chính tại ngày đáo hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Tập đoàn với giá gốc 156.018.431.630 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 292.784.247.468 Đồng) (Thuyết minh 19).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Steel & Alloy	125.493.081.839	59.851.906.870
Aveiro Coated	123.212.434.084	-
Khác	880.367.275.591	1.681.172.399.340
	1.129.072.791.514	1.741.024.306.210

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 34.027.559.708 Đồng và 8.985.064.672 Đồng, đã được lập dự phòng lần lượt là 12.019.724.978 Đồng và 8.921.075.029 Đồng, như đã trình bày ở Thuyết minh 8 .

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Wisdri Engineering and Research Incorporation Limited	435.269.064.920	-
Công ty Cổ phần QH Plus	106.639.062.355	-
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	127.065.102.453	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương	-	145.386.429.616
Khác	142.946.158.765	32.494.349.951
	811.919.388.493	179.230.779.567

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Dự thu lãi tiền gửi và trái phiếu	12.704.435.470	6.571.776.759
Tạm ứng	599.302.494	709.756.774
Ký quỹ, ký cược	465.300.000	2.789.662.017
Khác	1.972.675.941	2.077.023.697
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	-	5.031.000.000
	15.741.713.905	17.179.219.247

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản phải thu khác ngắn hạn khó có khả năng thu hồi là 1.776.134.439 Đồng, đã được lập dự phòng toàn bộ.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
i- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phú Mỹ	16.681.445.874	15.387.243.538	1.294.202.336	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Cửu Long Hưng	6.100.154.090	3.045.577.045	3.054.577.045	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình	1.455.478.000	-	1.455.478.000	Trên 3 năm
Khác	9.790.481.744	3.575.014.147	6.215.467.597	Từ 1 năm đến trên 3 năm
ii- Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán				
Công ty Liên Doanh Thép Nam Kim	1.776.134.439	-	1.776.134.439	Trên 3 năm
	35.803.694.147	22.007.834.730	13.795.859.417	

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

	2023			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
i- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình	1.455.478.000	-	1.455.478.000	Trên 3 năm
Hộ Kinh Doanh Bùi Minh Thành	2.914.366.529	-	2.914.366.529	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Khác	4.615.220.143	63.989.643	4.551.230.500	Từ 2 năm đến trên 3 năm
ii- Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán				
Công ty Liên Doanh Thép Nam Kim	1.776.134.439	-	1.776.134.439	Trên 3 năm
	10.761.199.111	63.989.643	10.697.209.468	

9 HÀNG TỒN KHO

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.567.959.747.459	-	1.191.383.047.259	-
Nguyên vật liệu	1.865.468.172.730	(1.696.360.672)	1.654.419.532.288	(1.696.360.672)
Công cụ, dụng cụ	214.542.991.674	-	208.194.716.511	-
Thành phẩm	2.982.650.369.412	(128.637.032.272)	2.758.478.898.413	(128.637.032.272)
Hàng hóa	112.324.933	-	332.441.556	-
Hàng gửi đi bán	190.082.721.255	-	36.224.142.073	-
	6.820.816.327.463	(130.333.392.944)	5.849.032.778.100	(130.333.392.944)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, hàng tồn kho với giá gốc là 5.762 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.620 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19).

9 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	130.333.392.944	336.852.723.536
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 26)	-	(206.519.330.592)
Số dư cuối năm	130.333.392.944	130.333.392.944

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Công cụ, dụng cụ	22.938.380.780	12.509.995.596
Chi phí bảo hiểm	3.877.678.732	3.971.923.834
Chi phí quảng cáo	1.650.000.000	-
Khác	939.715.583	104.450.279
	29.405.775.095	16.586.369.709

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	16.586.369.709	16.774.143.093
Tăng	50.327.475.980	30.128.988.695
Phân bổ	(37.508.070.594)	(30.316.762.079)
Số dư cuối năm	29.405.775.095	16.586.369.709

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê đất (*)	395.476.565.797	154.963.253.020
Công cụ, dụng cụ	75.532.206.073	68.337.836.847
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	11.458.843.255	10.304.417.582
Khác	1.267.804.467	5.220.241.457
	483.735.419.592	238.825.748.906

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	238.825.748.906	227.360.087.278
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	245.334.585.780	-
Tăng	63.469.122.427	59.859.631.382
Phân bổ	(63.894.037.521)	(47.340.995.727)
Thanh lý	-	(1.052.974.027)
Số dư cuối năm	483.735.419.592	238.825.748.906

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 245 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay với ngân hàng.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	771.055.691.669	3.939.255.796.073	284.712.532.343	16.631.372.756	725.753.480	**5.012.381.146.321**
Mua trong năm	-	5.266.718.741	7.341.995.181	-	-	**12.608.713.922**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	20.287.405.354	-	-	-	**20.287.405.354**
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))	-	41.899.309.383	-	-	-	**41.899.309.383**
Thanh lý	-	-	(3.101.946.764)	-	-	**(3.101.946.764)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	771.055.691.669	4.006.709.229.551	288.952.580.760	16.631.372.756	725.753.480	**5.084.074.628.216**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	396.250.195.036	2.470.170.078.269	144.957.225.519	11.362.088.247	510.746.172	**3.023.250.333.243**
Khấu hao trong năm	47.477.145.192	289.730.892.146	20.266.464.344	1.402.732.566	7.456.901	**358.884.691.149**
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))	-	4.607.967.429	-	-	-	**4.607.967.429**
Thanh lý	-	-	(2.966.101.125)	-	-	**(2.966.101.125)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	443.727.340.228	2.764.508.937.844	162.257.588.738	12.764.820.813	518.203.073	**3.383.776.890.696**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	374.805.496.633	1.469.085.717.804	139.755.306.824	5.269.284.509	215.007.308	**1.989.130.813.078**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	327.328.351.441	1.242.200.291.707	126.694.992.022	3.866.551.943	207.550.407	**1.700.297.737.520**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, TSCĐ hữu hình với giá trị còn lại là 1.207 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.634 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 568,5 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 254,08 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	41.899.309.383
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(41.899.309.383)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	-
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.539.091.852
Khấu hao trong năm	68.875.577
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(4.607.967.429)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	37.360.217.531
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	-

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024	381.121.111.684	9.977.018.000	**391.098.129.684**
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	53.335.343.221	5.499.020.667	**58.834.363.888**
Khấu hao trong năm	9.724.161.220	1.492.665.778	**11.216.826.998**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	63.059.504.441	6.991.686.445	**70.051.190.886**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	327.785.768.463	4.477.997.333	**332.263.765.796**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	318.061.607.243	2.985.331.555	**321.046.938.798**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 221 tỷ Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 172 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 206.842.000 Đồng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2024 VND	2023 VND
Dự án xây dựng nhà máy thép	282.809.732.248	311.795.472.257
Khác	2.966.363.636	200.687.600
	285.776.095.884	311.996.159.857

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	311.996.159.857	219.720.614.905
Mua sắm, xây dựng cơ bản	239.401.927.161	226.850.012.030
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(20.287.405.354)	(73.812.377.078)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(60.762.090.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10(b))	(245.334.585.780)	-
Số dư cuối năm	285.776.095.884	311.996.159.857

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	217.107.288.101	217.107.288.101	351.355.380.229	351.355.380.229
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	107.787.644.932	107.787.644.932	75.434.188.269	75.434.188.269
Jfe Shoji Corporation	96.286.511.300	96.286.511.300	-	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	-	-	309.737.250.827	309.737.250.827
Win Faith Trading Limited	-	-	501.945.188.006	501.945.188.006
Khác	434.758.047.958	434.758.047.958	392.947.250.745	392.947.250.745
	855.939.492.291	855.939.492.291	1.631.419.258.076	1.631.419.258.076

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Century Metals	-	17.457.038.053
SK International	-	21.730.131.100
Khác	78.931.822.145	107.803.917.136
	78.931.822.145	146.991.086.289

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% tổng số dư các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Hoàn thuế trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
(a) Thuế và các khoản phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	585.451.185.075	2.097.626.817.081	-	(816.816.408.954)	(965.632.000.000)	900.629.593.202
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	72.354.943	-	-	(72.354.943)	-	-
	585.523.540.018	2.097.626.817.081	-	(816.888.763.897)	(965.632.000.000)	900.629.593.202

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Hoàn thuế trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
(b) Thuế và các khoản phải nộp						
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	816.816.408.954	-	(816.816.408.954)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.283.034.432	1.092.665.400.323	(1.027.206.541.648)	-	-	70.741.893.107
Thuế xuất, nhập khẩu	148.584.109	2.575.594.987	(2.374.625.652)	-	-	349.553.444
Thuế TNDN	53.374.624.491	106.693.705.219	(53.385.999.912)	-	-	106.682.329.798
Thuế TNCN	766.316.569	9.781.598.992	(7.933.907.273)	(72.354.943)	-	2.541.653.345
Khác	-	1.466.141.999	(1.412.440.489)	-	-	53.701.510
	59.572.559.601	2.029.998.850.474	(1.092.313.514.974)	(816.888.763.897)	-	180.369.131.204

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả người lao động thể hiện chủ yếu là lương và tiền thưởng cho nhân viên.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí vận chuyển	12.458.733.491	6.971.891.735
Chi phí điện sản xuất	12.401.856.210	11.777.701.730
Khác	7.673.805.578	4.568.004.609
	32.534.395.279	23.317.598.074

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	9.825.220.234	12.292.082.582
Kinh phí công đoàn	545.376.760	776.040.691
Khác	544.240.157	613.659.620
	10.914.837.151	13.681.782.893

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngân hàng (*)	4.764.582.394.622	20.726.005.630.841	(19.215.841.932.506)	36.910.029.943	6.311.656.122.900
Thuê tài chính	3.072.616.017	-	(3.072.616.017)	-	-
	4.767.655.010.639	20.726.005.630.841	(19.218.914.548.523)	36.910.029.943	6.311.656.122.900

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Ngân hàng	Giá trị VND	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	1.411.921.870.659	USD	Tháng 6 năm 2025	Hàng tồn kho luân chuyển; quyền sử dụng đất; TSCĐ hữu hình; khoản đầu tư vào công ty con; tiền gửi và tài sản của cá nhân
	1.695.053.777.277	VND	Tháng 6 năm 2025	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh	920.538.733.731	VND	Tháng 6 năm 2025	Hợp đồng tiền gửi; hàng tồn kho luân chuyển; quyền sử dụng đất và TSCĐ hữu hình
	296.386.724.103	USD	Tháng 6 năm 2025	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương	182.529.668.637	VND	Tháng 6 năm 2025	Hợp đồng tiền gửi; bất động sản; và hàng tồn kho luân chuyển
	1.093.983.985.449	USD	Tháng 6 năm 2025	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	14.333.000.000	VND	Tháng 6 năm 2025	Hàng tồn kho luân chuyển
	256.871.331.729	USD	Tháng 6 năm 2025	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	208.269.425.305	VND	Tháng 4 năm 2025	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	231.767.606.010	VND	Tháng 2 năm 2025	Hàng tồn kho luân chuyển
	6.311.656.122.900			

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng và Đô la Mỹ lần lượt là từ 3,5%/năm đến 5,4%/năm và từ 3,4%/năm đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3%/năm đến 5,8%/năm và từ 3,8%/năm đến 4,8%/năm).

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	112.135.755.072	114.147.355.072
Tăng trong năm (Thuyết minh 22)	3.522.256.955	-
Chi trong năm	(3.591.750.000)	(2.011.600.000)
Số dư cuối năm	112.066.262.027	112.135.755.072

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2024 Cổ phiếu phổ thông	2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	315.931.978	263.277.806

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024 Cổ phiếu phổ thông	2024 %	2023 Cổ phiếu phổ thông	2023 %
Ông Hồ Minh Quang	44.869.315	14,20	37.391.097	14,20
Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd	15.897.600	5,03	13.248.000	5,03
Nhóm Quỹ Kim Vietnam Fund Management (i)	-	-	13.700.000	5,20
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (ii)	-	-	13.104.000	4,98
Các cổ đông khác	255.165.063	80,77	185.834.709	70,59
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	315.931.978	100	263.277.806	100

(*) Trong năm tài chính, Nhóm Quỹ Kim Vietnam Fund Management đã đăng ký bán ra toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, các giao dịch trên đã hoàn tất.

(*) Vào ngày 29 tháng 1 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC đã đăng ký bán ra toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch trên đã hoàn tất.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	263.277.806	2.632.778.060.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 22)	52.654.172	526.541.720.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	315.931.978	3.159.319.780.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	1.628.041.945.897	**5.319.650.135.071**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	117.408.565.158	**117.408.565.158**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(13.984.743.582)	**(13.984.743.582)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	1.731.465.767.473	**5.423.073.956.647**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	453.008.144.440	**453.008.144.440**
Vốn tăng trong năm (**)	526.541.720.000	(526.541.720.000)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) (*)	-	-	-	-	(3.522.256.955)	**(3.522.256.955)**
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	5.870.428.258	-	(5.870.428.258)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	-	-	-	2.348.171.303	(2.348.171.303)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(1.174.085.652)	**(1.174.085.652)**
Khác	-	-	-	-	20.815.993	**20.815.993**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.159.319.780.000	259.365.552.279	191.701.386.132	89.440.070.324	2.171.579.785.738	**5.871.406.574.473**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2023 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ nguồn LNST của năm 2023 với số tiền lần lượt là 3%, 5% và 2% của LNST hợp nhất; và
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ nguồn LNST của năm 2023 với số tiền là 1% của LNST hợp nhất.

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ như sau:

- Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ phát hành dự kiến là 20% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 526.555.610.000 Đồng từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần. Theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu với tổng số cổ phiếu đã phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ 100:20 là 52.654.172 cổ phiếu; và
- Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ chào bán là 50% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành với giá phát hành là 12.000 Đồng trên một cổ phiếu, tương đương 1.579.666.836.000 Đồng. Tại ngày 5 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là ngày 20 tháng 12 năm 2024 và thời hạn đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu là từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 24 tháng 1 năm 2025 (Thuyết minh 37).

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính. Đồng thời, bình quân số lượng cổ phiếu đang lưu hành trong năm 2023 cũng đã được điều chỉnh theo số lượng cổ phiếu mới phát hành từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	2024	2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	453.008.144.440	117.408.565.158
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND) (*)	-	(4.696.342.607)
	453.008.144.440	112.712.222.551
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	315.931.978	315.931.978
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.434	357

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Trong năm tài chính, Tập đoàn đã xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Công ty. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	**Điều chỉnh**	**Số liệu trình bày lại**
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	117.408.565.158	-	117.408.565.158
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND)	-	(4.696.342.607)	(4.696.342.607)
	117.408.565.158	(4.696.342.607)	112.712.222.551
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	263.277.806	52.654.172	315.931.978
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	446	(89)	357

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục tiền và tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 11.654.733,35 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 27.026.949 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 36(a).

(c) Cam kết khác

Tập đoàn có những cam kết khác liên quan đến hoạt động đầu tư của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh 36(b).

25 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	**2023 VND**
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	20.707.151.218.238	18.617.853.620.547
Doanh thu cung cấp dịch vụ	365.973.658	3.358.947.160
	20.707.517.191.896	18.621.212.567.707
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(90.695.297.648)	(19.463.621.089)
Giảm giá hàng bán	(3.199.209.989)	(12.418.203)
Hàng bán bị trả lại	(4.600.494.182)	(5.762.275.328)
	(98.495.001.819)	(25.238.314.620)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng	20.608.656.216.419	18.592.615.305.927
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	365.973.658	3.358.947.160
	20.609.022.190.077	18.595.974.253.087

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	**2023 VND**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18.777.248.235.147	17.690.230.567.632
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	-	(206.519.330.592)
	18.777.248.235.147	17.483.711.237.040

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	**2023 VND**
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	311.772.918.668	210.070.628.355
Lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	28.351.807.999	18.761.438.448
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	408.428.885
Khác	491.902.888	1.138.046.454
	340.616.629.555	230.378.542.142

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lỗ chệch lệch tỷ giá đã thực hiện	234.145.826.487	133.475.062.463
Chi phí lãi vay	207.841.259.563	292.679.834.464
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	35.110.279.363	-
Khác	119.052	82.678
	477.097.484.465	426.154.979.605

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí vận chuyển	955.876.033.957	547.586.817.504
Chi phí nhân viên	28.812.960.423	25.555.915.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.237.429.242	28.929.461.897
Khác	6.672.174.030	7.045.699.264
	1.017.598.597.652	609.117.894.559

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	59.739.643.813	50.728.842.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.724.092.807	61.559.661.258
Chi phí khấu hao	5.715.347.902	5.292.329.077
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.098.649.949	1.893.166.408
Chi phí kiểm toán	670.000.000	637.000.000
Khác	11.293.782.615	10.185.254.413
	120.241.517.086	130.296.253.597

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	558.169.985.495	177.310.914.179
Thuế tính ở thuế suất 20%	111.633.997.099	35.462.182.836
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	449.931.882	477.071.362
Điều chỉnh thuế của năm trước	-	7.381.260.670
Điều chỉnh thuế của chi phí lãi vay không được trừ năm trước được chuyển sang năm này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết (i)	(7.146.989.317)	1.805.088.397
Lỗ trước thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (ii)	231.374.054	14.776.745.756
Lỗ trước thuế từ năm trước chuyển sang đã được sử dụng (ii)	(6.472.663)	-
Chi phí thuế TNDN (iii)	105.161.841.055	59.902.349.021
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	106.682.329.798	60.755.885.161
Thuế TNDN - hoãn lại	(1.520.488.743)	(853.536.140)
Chi phí thuế TNDN	105.161.841.055	59.902.349.021

(i) Theo các quy định thuế hiện hành, chi phí lãi vay vượt quá 30% của EBITDA của năm báo cáo có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm tính thuế tiếp theo được tính liên tục không quá 5 năm khi xác định tổng chi phí lãi vay được khấu trừ nếu Tập đoàn có giao dịch với bên liên kết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã đưa vào chi phí được trừ lần lượt là 50.893.674.308 Đồng và 5.968.405.113 Đồng từ tổng 56.862.079.421 Đồng chi phí lãi vay vượt mức của các năm trước.

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

(ii) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2020	Chưa kiểm tra thuế	53.391.571	(32.363.315)	21.028.256
2021	Chưa kiểm tra thuế	348.378.321	-	348.378.321
2022	Chưa kiểm tra thuế	174.911.804.801	-	174.911.804.801
2023	Chưa kiểm tra thuế	73.883.728.783	-	73.883.728.783
2024	Chưa kiểm tra thuế	1.156.870.270	-	1.156.870.270

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

(iii) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.250.900.298.981	17.222.374.567.613
Chi phí vận chuyển	955.876.033.957	547.586.817.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	604.655.637.090	555.191.238.858
Chi phí khấu hao	370.170.393.724	375.827.491.258
Chi phí nhân viên	317.447.569.937	260.744.725.494
Khác	38.008.366.015	34.490.085.725
	19.537.058.299.704	18.996.214.926.452

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm, ống thép và các sản phẩm thép hoặc thép cuộn là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu theo bộ phận được trình bày dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Xuất khẩu"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam. Tập đoàn không theo dõi tài sản bộ phận và chi tiêu vốn theo vị trí địa lý của khách hàng.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Xuất khẩu	13.408.221.304.308	11.036.492.072.088
Trong nước	7.200.800.885.769	7.559.482.180.999
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.609.022.190.077	18.595.974.253.087

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT") HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất

	2024 VND	2023 VND
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn	245.334.585.780	-
Chuyển từ trả trước cho người bán sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	136.986.351.206	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	7.104.853.239	7.843.782.207

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các công ty con được trình bày tại Thuyết minh 1.

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2024 VND	2023 VND
i) Tạm ứng		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tăng tạm ứng	-	10.000.000.000
Hoàn ứng	(5.000.000.000)	(20.000.000.000)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Phó Tổng Giám Đốc		
Tăng tạm ứng	1.023.900.000	632.812.621
Hoàn ứng	(1.054.900.000)	(830.324.621)
Ông Nguyễn Vinh An - Phó Tổng Giám đốc		
Tăng tạm ứng	-	20.000.000
Hoàn ứng	-	(20.000.000)

ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.899.330.020	2.395.416.385
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.498.968.454	2.061.211.000
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	1.348.145.827	1.090.845.000
Ông Võ Thời	Thành viên Hội đồng Quản trị	100.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	100.000.000	100.000.000
Bà Võ Thị Vui	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	503.513.879	378.717.294
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	147.487.722	298.803.293
Ông Lê Nhật Tân	Thành viên Ban Kiểm soát	340.074.574	295.868.230
Ông Đặng Văn Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	187.780.984	-
Các thành viên khác	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	8.276.897.450	6.492.562.764
		16.402.198.910	13.213.423.966

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)		
Ông Hồ Minh Quang - Tạm ứng	-	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Tạm ứng	-	31.000.000
	-	5.031.000.000

36 CÁC CAM KẾT

(a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2024 VND	2023 VND
Trong vòng 1 năm	4.240.747.140	236.372.640
Trên 1 năm đến 5 năm	14.101.702.858	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	18.342.449.998	236.372.640

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí xây dựng cơ bản TSCĐ dở dang	2.839.133.937.814	53.191.241.058

37 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Vào ngày ngày 26 tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất phát hành thêm 131.638.903 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán. Vào ngày 27 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT về việc thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 131.638.903 cổ phiếu đã chào bán thành công tại giá chào bán là 12.000 Đồng trên một cổ phiếu, tương đương 1.579.666.836.000 Đồng. Tổng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán là 447.570.881. Sau đợt phát hành cổ phiếu trên, Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd không còn là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim do tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty giảm còn dưới 5%.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bình Dương, Ngày 10 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG VŨ

TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
www.tonnamkim.com info@namkimgroup.vn
0274 3748 848 | Fax: 0274 3748 868

Quét mã QR
Để biết thêm thông tin